BÀI 2

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CẤU TỨ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

Phần	**Tên bài/Thời lượng** **(11 tiết)**
1. Đọc	- VB 1: *Nhớ đồng* (Tố Hữu) - VB 2: *Tràng giang* (Huy Cận) - VB 3: *Con đường mùa đông* (A-lếch-xan-đrơ Xec-ghê-ê-vích Pu-skin) - Thực hành đọc: *Thời gian* (Văn Cao)
	Thực hành tiếng Việt: Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.
2. Viết	Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).
3. Nói và nghe	Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật.

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.
Năng lực đặc thù	*Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.* **- HS biết đọc hiểu văn bản thơ trữ tình:** + Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học. + Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản. + Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản thơ. + Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được

	các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ. **- HS nhận biết được** đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường. **- HS viết được** văn bản nghị luận về một bài thơ: tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm. **- HS biết giới thiệu (dưới hình thức nói)** về một tác phẩm nghệ thuật (văn học, điện ảnh, âm nhạc, hội họa) theo lựa chọn cá nhân.
Năng lực số	***1.1. NC1b - Khai thác và lọc thông tin:*** Biết cách sử dụng công cụ tìm kiếm (Google, YouTube) để tra cứu thông tin về tác giả, bối cảnh sáng tác; bước đầu biết lọc các nguồn tài liệu tin cậy để tìm kiếm bài giảng hoặc các tệp âm thanh đọc diễn cảm bài thơ phục vụ việc cảm thụ văn bản. ***2.1.NC1a - Tương tác thông qua công nghệ số:*** Sử dụng các thiết bị cá nhân để tương tác trực tiếp, phản hồi ý kiến cá nhân trên nền tảng kỹ thuật số của lớp học (như Padlet/Zalo nhóm) trong quá trình thảo luận về vẻ đẹp cổ điển và hiện đại. ***2.2. NC1a - Chia sẻ và hợp tác trên môi trường số:*** Biết cách sử dụng các nền tảng liên lạc phổ biến (Zalo, Email, nhóm học tập) để trao đổi về bài học, chia sẻ các sản phẩm bài viết, sơ đồ tư duy hoặc các tệp tư liệu cần thiết cho việc học tập nhóm. ***4.3.NC1c - Bảo vệ sức khỏe và an sinh số:*** Thể hiện sự tôn trọng, văn hóa ứng xử, chuẩn mực đạo đức khi tham gia các diễn đàn thảo luận trực tuyến về bài thơ, góp phần lan tỏa giá trị nhân văn và tinh thần yêu nước.

II. PHẨM CHẤT

- **Lí tưởng cách mạng và Lòng yêu nước:** Khơi dậy và bồi đắp lí tưởng sống cao đẹp, tinh thần dấn thân, lòng yêu nước và khát vọng tự do của tuổi trẻ thông qua việc thấu hiểu tiếng lòng của người chiến sĩ cộng sản; từ đó xác định được trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở kỷ nguyên số.
- **Đạo đức và Lối sống nhân văn:** Biết sống hòa đồng, yêu thương con người, gắn bó với thiên nhiên; biết trân trọng những nỗi buồn trong sáng vốn thể hiện tình cảm sâu nặng với cuộc đời; nuôi dưỡng một tâm hồn nhạy cảm, lành mạnh và biết hướng thiện.
- Thể hiện trách nhiệm tôn trọng pháp luật và sở hữu trí tuệ trực tuyến; có lối sống văn hóa, nhã nhặn khi tham gia thảo luận, nhận xét bài làm của bạn trên môi trường internet; không thực hiện hoặc cổ xúy các hành vi đạo văn, sao chép học liệu số thiếu văn minh

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Thiết bị kỹ thuật số: Máy tính xách tay của giáo viên, hệ thống máy chiếu/màn hình

Tivi tương tác thông minh tại lớp có kết nối Internet mạng ổn định.

- Thiết bị hỗ trợ cá nhân/nhóm: Điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng của học sinh (sử dụng có kiểm soát trong giờ học phục vụ khâu quét mã QR và tương tác số).

- Thiết bị truyền thống: Bảng phụ hoặc giấy A0, bút dạ đa màu cho các hoạt động thảo luận viết tay tại chỗ…

- Một số công cụ AI phục vụ, hỗ trợ dạy-học: tìm kiếm thông tin (ChatGPT & Gemini…); thiết kế nội dung trực quan (Canva AI, NotebookLM...); trò chơi tương tác (Quizizz (AI) & Kahoot (AI), Mentimeter); trợ lý thuyết tình và video (Gamma App, Canva); Sáng tạo âm thanh & Hình ảnh nghệ thuật (Suno…)

2. Học liệu dạy học:

- Học liệu in ấn, bản word mềm: Sách giáo khoa Ngữ văn, Kế hoạch bài dạy (Giáo án) của giáo viên.

- Tư liệu tham khảo văn học: Sách *Về tác gia và tác phẩm"* (NXB Giáo dục), các bài viết phê bình văn học uy tín trực tuyến của các nhà nghiên cứu về giá trị nhân đạo trong tác phẩm để định hình đạo đức, lý tưởng sống cho học sinh.

- Học liệu số (Học liệu đa phương tiện): Mã QR dẫn link video, nền tảng bảng số tương tác chung của lớp (như Padlet/Zalo nhóm) dùng để thu thập và hiển thị nhanh câu trả lời của các nhóm học sinh.

- Công cụ đánh giá: Hệ thống phiếu học tập (phiếu giấy đan xen phiếu điện tử), các Rubric/Bảng kiểm đánh giá chéo năng lực thuyết trình và văn hóa ứng xử tranh luận của học sinh

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết:...

VĂN BẢN 1: NHỚ ĐỒNG

(Tố Hữu)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Tự chủ và tự học (tự lực nghiên cứu văn bản); Giao tiếp và hợp tác (thảo luận nhóm về cấu tứ và hình ảnh thơ).

b. Năng lực đặc thù (Ngữ văn):

- Nhận biết và phân tích được cấu tứ (mạch vận động cảm xúc từ tiếng hò quê hương đến nỗi nhớ đồng quê, niềm say mê lý tưởng và khát vọng tự do) và các hình ảnh biểu tượng trong bài thơ.
- Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ, giọng điệu và cảm hứng chủ đạo của cái tôi trữ tình Tố Hữu.

c Năng lực số (NLS)

- 1.1. NC1b - Khai thác và lọc thông tin: Biết cách sử dụng công cụ tìm kiếm (Google, YouTube) để tra cứu thông tin về tác giả Tố Hữu, bối cảnh lịch sử (nhà lao Thừa Phủ 1939) và video đọc diễn cảm bài thơ từ các nguồn chính thống trên Internet để chuẩn bị

bài học; bước đầu biết lọc các nguồn tài liệu tin cậy để tìm kiếm bài giảng hoặc các tệp âm thanh đọc diễn cảm bài thơ phục vụ việc cảm thụ văn bản.

- 2.2. NC1a - Chia sẻ và hợp tác trên môi trường số: Biết cách sử dụng các nền tảng liên lạc phổ biến (Zalo, Email, nhóm học tập) để trao đổi về bài học, chia sẻ các sản phẩm bài viết, sơ đồ tư duy hoặc các tệp tư liệu cần thiết cho việc học tập nhóm.

2. Phẩm chất

- **Lí tưởng cách mạng và Lòng yêu nước:** Thấu hiểu, trân trọng lý tưởng cộng sản, lòng yêu nước và khát vọng tự do cháy bỏng của thế hệ chiến sĩ trẻ đi trước; từ đó tự ý thức về lý tưởng sống, ý chí vượt khó và trách nhiệm của bản thân với quê hương đất nước trong thời đại mới.
- **Lối sống văn minh và Trách nhiệm số:** Có lối sống trung thực, trách nhiệm; thể hiện văn hóa ứng xử mạng văn minh khi tham gia đóng góp ý kiến cho sản phẩm của bạn; tuyệt đối không sao chép văn mẫu trên internet khi chuẩn bị bài.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Thiết bị kỹ thuật số: Máy tính xách tay của giáo viên, hệ thống máy chiếu/màn hình Tivi tương tác thông minh tại lớp có kết nối Internet mạng ổn định.
- Thiết bị hỗ trợ cá nhân/nhóm: Điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng của học sinh (sử dụng có kiểm soát trong giờ học phục vụ khâu quét mã QR và tương tác số).
- Thiết bị truyền thống: Bảng phụ hoặc giấy A0, bút dạ đa màu cho các hoạt động thảo luận viết tay tại chỗ…
- Một số công cụ AI phục vụ, hỗ trợ dạy-học: tìm kiếm thông tin (ChatGPT & Gemini…); thiết kế nội dung trực quan (Canva AI, NotebookLM...); trò chơi tương tác (Quizizz (AI) & Kahoot (AI), Mentimeter); trợ lý thuyết tình và video (Gamma App, Canva); Sáng tạo âm thanh & Hình ảnh nghệ thuật (Suno…)

2. Học liệu dạy học:

- Học liệu in ấn, bản word mềm: Sách giáo khoa Ngữ văn, Kế hoạch bài dạy (Giáo án) của giáo viên.
- Tư liệu tham khảo văn học: Sách *Về tác gia và tác phẩm"* (NXB Giáo dục), các bài viết phê bình văn học uy tín trực tuyến của các nhà nghiên cứu về giá trị nhân đạo trong tác phẩm để định hình đạo đức, lý tưởng sống cho học sinh.
- Học liệu số (Học liệu đa phương tiện): Mã QR dẫn link video, nền tảng bảng số tương tác chung của lớp (như Padlet/Zalo nhóm) dùng để thu thập và hiển thị nhanh câu trả lời của các nhóm học sinh.
- Công cụ đánh giá: Hệ thống phiếu học tập (phiếu giấy đan xen phiếu điện tử), các Rubric/Bảng kiểm đánh giá chéo năng lực thuyết trình và văn hóa ứng xử tranh luận của học sinh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu

- **Kiến thức:** Huy động tri thức nền về đề tài quê hương, đất nước để tạo hứng thú vào bài mới.

b. Nội dung hoạt động: HS huy động tri thức, kinh nghiệm tham gia trò chơi "Đuổi hình bắt chữ".

c. Sản phẩm: Câu trả lời chính xác của HS về các từ khóa trên hệ thống trò chơi.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV trình chiếu trò chơi "Đuổi hình bắt chữ" phiên bản tương tác số qua Tivi/máy chiếu và phổ biến 2 vòng chơi: * *Vòng 1:* Quan sát các hình ảnh (Chim sổ lồng, người bị giam, cánh đồng, cô gái chèo đò, bầu trời...) để đoán từ khóa. * *Vòng 2:* Sắp xếp các từ tìm được thành một chuỗi mạch logic hợp lý theo suy nghĩ cá nhân. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS tập trung quan sát màn hình cá nhân xung phong lật mở từ khóa ở Vòng 1. - Ở Vòng 2, HS động não suy nghĩ để sắp đặt, tổ chức lại trật tự các từ khóa vừa tìm được. - GV điều hành hệ thống trò chơi số, khích lệ và quan sát HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo từ khóa tìm được và trình bày trực tiếp phương án sắp xếp mạch logic của mình trước lớp. - Các HS khác nhận xét, bổ sung hoặc đề xuất cách sắp xếp khác. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV chốt đáp án trên màn hình tương tác, tuyên dương hoặc ghi điểm cho HS **- GV dẫn dắt vào bài (Tích hợp giáo dục lý tưởng)**: *Việc các em vừa thử sắp xếp các từ ngữ theo một trật tự: Tù đày ➔ Điệu hò quê hương ➔ Khát khao vươn tới bầu trời tự do, thực chất chính là các em đang đi tìm "cấu tứ" – mạch vận động cảm xúc của một tâm hồn. Đôi khi, chỉ một tiếng hò quê hương nghe được ngoài nhà lao đã làm bùng lên nỗi nhớ đồng quê sâu sắc và khát vọng tự do, lý tưởng cách mạng cháy bỏng của*	**- Vòng 1: Các từ ngữ HS có thể tìm:** *Tự do (bầu trời), nhà tù (song sắt, giam cầm, tù đày), cánh đồng (bình yên), điệu hò, quyết tâm, sổ lồng (tung cánh, giải thoát, vươn tới bầu trời tự do).* **- Vòng 2: Trật tự sắp xếp:** HS lựa chọn theo suy nghĩ cá nhân. VD: *Tù đày -> điệu hò, bình yên -> khát khao vươn tới bầu trời tự do -> quyết tâm -> Tự do.*

người chiến sĩ trẻ Tố Hữu. Hôm nay, chúng ta sẽ vào bài học để cùng thấu hiểu cấu tứ đặc biệt này.	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu:

- **Kiến thức:** Nhận biết được các khái niệm đặc trưng của thơ ca (cấu tứ, yếu tố tượng trưng) và tính chất đa nghĩa, tính thẩm mỹ của ngôn ngữ văn học.

b. Nội dung hoạt động: HS đọc lướt mục *Tri thức Ngữ văn* trong SGK, sử dụng thiết bị/ứng dụng tương tác để tham gia trò chơi trắc nghiệm "Ai là triệu phú" gồm 12 câu hỏi.

c. Sản phẩm: Kết quả hiển thị trên hệ thống trò chơi và nội dung ghi vở cốt lõi về lý thuyết của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc lướt phần *Tri thức Ngữ văn* (SGK tr. 54, 55) trong 5 phút để nắm từ khóa cốt lõi. - GV phổ biến luật chơi: Mỗi câu hỏi có 20 giây suy nghĩ, HS đưa ra lựa chọn của mình thông qua công cụ số; người chọn sai sẽ tạm dừng cuộc chơi để quan sát. (HS tham gia trả lời 12 câu hỏi, mỗi câu hỏi trong 20s), cụ thể: **Cấu tứ:** **Câu 1.** Ý nào diễn đạt chính xác nhất vai trò của cấu tứ trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng? A. Một khâu quyết định để kết thúc tác phẩm. B. Một khâu trọng yếu để dẫn dắt vấn đề. C. Một khâu then chốt để giải quyết vấn đề. D. Một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo. **Câu 2.** Cấu tứ thơ được hiểu là: A. Cách sắp xếp và thể hiện hệ thống hình ảnh trong bài thơ. B. Việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển	**I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn** **1. Cấu tứ (tứ thơ)** ***- Vai trò:*** Một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng. ***- Định nghĩa:*** Trong lĩnh vực thơ, ***cấu tứ gắn liền với việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ***, sao cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất. ***- Ý nghĩa, tác dụng:*** + *Tứ* đưa bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng để hiện diện như một cơ thể sống. + Nhờ có *tứ,* tổ chức của bài thơ trở nên chặt chẽ, mọi yếu tố cấu tạo đều liên hệ mật thiết với nhau và đều hướng về một ý tưởng - hình ảnh trung tâm.

khai bài thơ.

C. Cấu trúc của bài thơ.

D. Ý tứ của bài thơ.

Câu 3. Vai trò của cấu tứ thơ:

A. Giúp cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất.

B. Giúp cho toàn bộ ý tứ bài thơ được sắp xếp theo cách hợp lí nhất, tạo được sức hấp dẫn, thú vị cao nhất cho toàn bài.

C. Giúp cho ý tứ bài thơ được bộc lộ một cách sâu sắc nhất, tạo được sức hấp dẫn cao nhất cho toạn bộ bài thơ.

D. Giúp cho thế giới quan của nhà thơ được bộc lộ rõ và đến gần hơn với độc giả.

Câu 4. Cấu tứ có thể được đồng nhất với yếu tố nào sau đây?

A. Cấu trúc bài thơ.

B. Mạch thơ.

C. Tứ thơ.

D. Diễn biến tình cảm của nhà thơ.

<u>Yếu tố tượng trưng trong thơ</u>

Câu 5. Yếu tố tượng trưng trong thơ được hiểu là:

A. Các hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể để diễn tả hoặc gợi lên cảm nhận sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm và mang tính bản chất.

B. Tính đa nghĩa của hình ảnh, ngôn từ, chi tiết trong thơ.

C. Ý nghĩa ẩn dụ của một số chi tiết, hình ảnh và từ ngữ trong bài thơ.

D. Một số chi tiết, hình ảnh và từ ngữ trong bài thơ mang hàm ý sâu xa.

Câu 6. Nguồn gốc của yếu tố tượng trưng trong thơ là:

A. Yêu cầu tất yếu của thể loại thơ ca.

B. Nhà thơ có trái tim đa sầu, đa cảm, luôn nhìn tạo vật đa diện, nhiều chiều.

2. Yếu tố tượng trưng trong thơ

- Định nghĩa: Các hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể để diễn tả hoặc gợi lên cảm nhận sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm và mang tính bản chất.

- Các yếu tố tượng trưng trong thơ: hình ảnh, hình tượng tượng trưng; yếu tố tượng trưng; tính chất tượng trưng; chủ nghĩa tượng trưng...

- Nguồn gốc yếu tố tượng trưng trong thơ: *Sự tự ý* thức sâu sắc của nhà thơ về các mối tương giao bí ẩn trong đời sống, nổi bật là tương giao giữa con người với tạo vật, vũ trụ.

- Đặc điểm những bài thơ có yếu tố tượng trưng:

+ Các tác giả rất chú ý tô đậm tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc,...

+ Phối hợp các âm tiết, thanh điệu, nhịp điệu nhằm khơi dậy những cảm giác bất định, mơ hồ cũng hết sức được quan tâm.

+ Hoà trộn cảm nhận của nhiều giác quan, việc diễn tả chi tiết những sắc thái chuyển động tinh vi của sự vật, hiện tượng,...

C. Sự tự ý thức sâu sắc của nhà thơ về các mối tương giao bí ẩn trong đời sống, nổi bật là tương giao giữa con người với tạo vật, vũ trụ.

D. Tâm hồn nhà thơ là một cõi bí ẩn nhuốm đầy sắc màu tâm linh.

Ngôn ngữ văn học

Câu 7. Ngôn ngữ văn học là:

A. Ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác văn học.

B. Ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác thơ ca và truyện kí.

C. Ngôn ngữ biểu đạt giàu tính trữ tình và tính nhạc.

D. Ngôn ngữ biểu đạt giàu giá trị nghệ thuật.

Câu 8. Nguồn gốc của ngôn ngữ văn học

A. Là ngôn ngữ bắt nguồn từ văn học dân gian.

B. Là ngôn ngữ của những nhà thơ, nhà văn tài năng.

C. Là ngôn ngữ chung của đời sống do nhân dân sáng tạo nên.

D. Là ngôn ngữ ra đời từ những phút thần hứng của con người.

Câu 9. Ngôn ngữ văn học hình thành và phát triển phong phú nhờ?

A. Sự tập hợp của ngôn ngữ dân gian.

B. Sự hòa trộn ngôn ngữ cá nhân nhà văn và ngôn ngữ dân tộc.

C. Sự biến thiên ngôn ngữ.

D. Lao động tinh thần đặc biệt và đầy cảm hứng của nhà văn.

Câu 10. Ngôn ngữ văn học thể hiện rõ điều gì sau đây?

A. Tính trữ tình.

B. Thế giới nội tâm của người viết.

C. Nhân sinh quan của người viết.

D. Cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của người viết.

Câu 11. Tính chất quan trọng nhất của ngôn

3. Ngôn ngữ văn học

- Định nghĩa: Ngôn ngữ văn học là ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác văn học.

- Sự hình thành ngôn ngữ văn học: Trên cơ sở ngôn ngữ chung của đời sống do nhân dân sáng tạo nên, ngôn ngữ văn học hình thành và phát triển phong phú nhờ lao động tinh thần đặc biệt và đầy cảm hứng của nhà văn.

- Ý nghĩa, tác dụng: Ngôn ngữ văn học thể hiện rõ cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của người viết.

- Tính chất của ngôn ngữ văn học: Tính hình tượng và tính thẩm mĩ là hai tính chất quan trọng nhất của ngôn ngữ văn học, chi phối các tính chất khác như tính chính xác, tính đa nghĩa, tính tạo hình, tính biểu cảm, tính cá thể hoá,...

- Tính chất đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học: Từ ngữ không chỉ có nghĩa đen, nghĩa gốc, nghĩa ban đầu mà còn có nghĩa mới, nghĩa phát sinh, do chúng thường được đặt trong những cấu trúc hay ngữ cảnh đặc biệt.

(Đáp án chuẩn 12 câu hỏi hệ thống: 1-D; 2-B; 3-A; 4-C; 5-A; 6-C; 7-A; 8-C; 9-D; 10-D; 11-C; 12-B)

ngữ văn học là: A. Tính chính xác, tính đa nghĩa, B. Tính tạo hình, tính biểu cảm, C. Tính hình tượng và tính thẩm mĩ, D. Tính cả thể hoá, tính khoa học... **Câu 12.** "*Từ ngữ không chỉ có nghĩa đen, nghĩa gốc, nghĩa ban đầu mà còn có nghĩa mới, nghĩa phát sinh, do chúng thường được đặt trong những cấu trúc hay ngữ cảnh đặc biệt*" là biểu hiện tính chất gì của ngôn ngữ văn học ? A. Tính chính xác B. Tính đa nghĩa C. Tính biểu cảm D. Tính trừu tượng **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS tự lực đọc nhanh SGK, ghi nhớ các từ khóa về cấu tứ, tượng trưng và ngôn ngữ văn học. - HS tập trung quan sát các câu hỏi trên màn hình Tivi, đưa ra quyết định lựa chọn đáp án. - GV theo dõi dòng chảy dữ liệu hiển thị trên màn hình để kiểm soát tiến độ trả lời của cả lớp **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV gọi nhanh các HS có câu trả lời đúng giải thích ngắn gọn tại chỗ vì sao chọn đáp án đó. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV vinh danh "Nhà vô địch" trụ lại cuối cùng trên đấu trường số. - GV chuẩn hóa kiến thức bằng cách chốt lại các nội dung cốt lõi của Tri thức Ngữ văn trên màn hình để HS ghi chép nhanh vào vở.	

2.2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu:

- **Kiến thức**: Nêu được các nét cốt lõi về tiểu sử, phong cách thơ trữ tình - chính trị của Tố Hữu; hoàn cảnh sáng tác đặc biệt (nhà lao Thừa Phủ) và bố cục của bài thơ *Nhớ đồng), thể thơ, phương thức biểu đạt chính, bố cục.*
- **Phát triển năng lực số (NLS):**

1.1. NC1b. Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số để hoàn thành bài tập tìm hiểu các thông tin về đường đời, đường thơ Tố Hữu.

- **Phẩm chất (Lý tưởng sống):** Khơi dậy lòng trân trọng và khâm phục chí khí cách mạng, tinh thần kiên trung của người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi trong hoàn cảnh tù đày.

b. Nội dung hoạt động: Một HS đóng vai trò MC sử dụng bài giảng điện tử/trình chiếu đồ họa tương tác để điều hành trò chơi "Đường đời – đường thơ Tố Hữu" gồm 10 câu hỏi cốt lõi.

c. Sản phẩm: Thông tin phản hồi của các nhóm học sinh và nội dung sơ đồ tư duy/ghi vở về tác giả, tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giao quyền điều hành cho một học sinh làm MC để tổ chức trò chơi "Đường đời – đường thơ Tố Hữu" (Nhiệm vụ này đã được phân công từ tiết trước). - MC học sinh sử dụng máy tính kết nối Tivi, trình chiếu slide đồ họa tương tác (được thiết kế dạng trục dòng thời gian Infographic hoặc sơ đồ số) chứa hệ thống 10 câu hỏi tìm hiểu chung. - MC phổ biến luật chơi: Các tổ thảo luận nhanh trong 15 giây mỗi câu để giành quyền bấm chuông/giơ tay trả lời. 1. Năm sinh – năm mất của nhà thơ Tố Hữu? 2. Xuất thân của Tố Hữu? 3. Con đường hoạt động Cách mạng của Tố Hữu? 4. Tại sao thơ Tố Hữu là thơ trữ tình - chính trị? 5. Đặc sắc về hình thức nghệ thuật thơ Tố Hữu? 6. Một số tập thơ tiêu biểu của Tố Hữu? 7. Xác định thể thơ bài *Nhớ đồng*? 8. Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ *Nhớ đồng*? 9. Bài thơ *Nhớ đồng* ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt nào? 10. Hãy xác định bố cục của bài thơ *Nhớ đồng*?	**II. Đọc- Tìm hiểu chung** **1. Tác giả Tố Hữu** (1920 - 2002) - *Tiểu sử:* Sinh ra trong gia đình Nho học ở Huế, sớm giác ngộ và hăng say hoạt động cách mạng, từng bị tù đày qua nhiều nhà lao thực dân. - *Vị trí:* Là nhà thơ lớn của dân tộc, "lá cờ đầu của nền thơ ca cách mạng" Việt Nam hiện đại. - *Phong cách nghệ thuật:* Mang tính chất **trữ tình - chính trị** sâu sắc; đậm đà tính sử thi và cảm hứng lãng mạn cách mạng; hình thức biểu đạt giàu tính dân tộc, gần gũi với đại chúng. - *Tác phẩm tiêu biểu: Từ ấy, Việt Bắc, Gió lộng, Ra trận, Máu và hoa...* **2. Tác phẩm** - **Thể thơ:** 7 chữ - **Phương thức biểu đạt chính** : Biểu cảm - **Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:** + **Xuất xứ**: Bài thơ nằm trong phần *Xiềng xích* của tập thơ *Từ ấy* + **Hoàn cảnh sáng tác**: Đang say sưa hoạt động Cách mạng, Tố Hữu bị bắt giam ở nhà lao Thừa Phủ (Huế)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các tổ học sinh dựa trên phần chuẩn bị bài ở nhà, chủ động tra cứu nhanh lại thông tin để đưa ra câu trả lời. - MC học sinh điều khiển dòng chảy dữ liệu trên màn hình Tivi, ghi nhận câu trả lời của các tổ và quan sát, bao quát lớp học. - GV đóng vai trò cố vấn chuyên môn, quan sát và kịp thời định hướng nếu HS gặp khó khăn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện các tổ báo cáo câu trả lời; các tổ khác nhận xét, bổ sung, phản biện. - Sau mỗi câu trả lời của bạn, MC click chuột trên màn hình tương tác để hiển thị đáp án chuẩn xác và hình ảnh tư liệu trực quan (nhà thơ Tố Hữu, nhà lao Thừa Phủ...). **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV đánh giá kỹ năng điều hành công nghệ của MC và mức độ chuẩn bị bài của các tổ. - GV chuẩn hóa kiến thức trên màn hình và nhấn mạnh nội dung **Tích hợp lý tưởng**: *Tố Hữu là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam. Hoàn cảnh ra đời của "Nhớ đồng" vô cùng đặc biệt – trong nhà lao Thừa Phủ năm 1939. Đối với một thanh niên 19 tuổi đang say sưa với lý tưởng cách mạng "Mặt trời chân lý chói qua tim" mà bất ngờ bị giam cầm, thế giới bên ngoài trở thành một nỗi ám ảnh, một khát vọng tự do đến cháy bỏng. Cấu tứ bài thơ vận động từ nỗi nhớ đồng quê đến sự thức tỉnh lý tưởng chính là minh chứng cho ý chí bất khuất của ông.*	**- Bố cục:** + Phần 1 (9 khổ thơ đầu): Nỗi nhớ da diết cuộc sống bên ngoài nhà tù. + Phần 2 (2 khổ tiếp): Nỗi nhớ về chính mình trong những ngày chưa bị giam cầm. + Phần 3 :(còn lại): Trở lại thực tại trại giam, lòng trĩu nặng với nỗi nhớ triền miên.

2.3. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Giải mã được tính đa nghĩa của nhan đề; phân tích được vai trò của cấu tứ vòng tròn và hệ thống hình ảnh mang tính biểu tượng/tượng trưng; đánh giá được sự vận động của cái "tôi" trữ tình từ băn khoăn đến bừng sáng lý tưởng cách mạng.

b. Nội dung hoạt động: HS đọc văn bản, tham gia hoạt động nhóm, tham gia chương trình ***Tiếng nói người yêu thơ*** để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản ***Nhớ đồng - Tố Hữu.***.

c. Sản phẩm: Sơ đồ cấu tứ nghệ thuật số hóa; phiếu kiểm định thông tin mạng của các nhóm; nội dung ghi vở khoa học, tinh lọc của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chỉ định 1 HS đọc diễn cảm bài thơ tại lớp. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - 1 HS đọc; cả lớp theo dõi các thẻ chỉ dẫn bên lề SGK **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS nhận xét về giọng đọc: cần phân biệt được giọng bồn chồn, cô đơn (khi nhớ đồng) và giọng rạo rực, bừng sáng (khi nhớ lý tưởng). **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV chốt giọng điệu chủ đạo: Thiết tha, trăn trở, có sự luân phiên liên tục giữa câu kể, câu hỏi và câu cảm thán để phơi bày nội tâm ngổn ngang của người tù. ***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản** **1. Giải mã nhan đề và cấu trúc điệp khúc** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chia lớp thành các nhóm 4-6 HS và giao nhiệm vụ: Nghiên cứu mục 1 bên cột nội dung, thảo luận để giải mã ý nghĩa đa tầng của từ "đồng" và vai trò của các khổ thơ 2 câu xuất hiện luân phiên ở các khổ 1, 4, 7, 13. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS làm việc nhóm, phân tích văn bản, chắt lọc từ khóa nghệ thuật và thao tác đưa dữ liệu lên Padlet - GV theo dõi dòng chảy dữ liệu	**III. Đọc và tìm hiểu chú thích** **1. Giọng điệu chủ đạo** - Trầm lắng, xót thương khi đối diện thực tại ngục tù; thiết tha, bồn chồn khi hướng về hoài niệm đồng quê; rạo rực, tự hào khi nhớ về ánh sáng lý tưởng. **2. Từ khó và Thẻ chỉ dẫn** - HS lưu ý các từ ngữ địa phương Trung Bộ (ruồng tre, ô mạ, cồn thơm...) và các thẻ định hướng tư duy bên lề văn bản để làm điểm tựa phân tích nghệ thuật. **IV. Khám phá văn bản** **1. Nhan đề và Cấu trúc điệp khúc (Tác nhân khơi mạch cảm xúc)** *** Tính đa nghĩa của nhan đề "Nhớ đồng":** - *Nghĩa tả thực:* Nỗi nhớ không gian **đồng quê** thân thuộc, bình dị (ruồng tre, ô mạ, nương khoai...). - *Nghĩa biểu tượng/mở rộng:* Nỗi nhớ **đồng bào** (những con người lao động tình nghĩa, chất phác) và nỗi nhớ **đồng chí** (những người cùng chung lý tưởng cách mạng).

hiển thị theo thời gian thực trên màn hình Tivi của lớp để bao quát tiến độ các nhóm. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Gọi đại diện 1 nhóm bất kỳ trình bày báo cáo trực quan từ sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức lên bảng/màn hình để HS ghi vở. **2. Khám phá Cấu tứ của bài thơ (Mạch vận động của tâm hồn người tù)** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV tổ chức hoạt động nhóm chuyên sâu thông qua nhiệm vụ: **"Xây dựng bản đồ tư duy số về mạch vận động cảm xúc từ đâu đến đâu"**. - GV giao nhiệm vụ cho các nhóm: Sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy trực tuyến (như Mindmeister hoặc GitMind) để mô hình hóa trục logic nghệ thuật (Từ âm thanh thực tại ➔ Ký ức quá khứ ➔ Tương lai lý tưởng) qua 4 chặng vận động và rút ra 3 nội dung nhận xét về cấu tứ. - *Yêu cầu An toàn số:* GV yêu cầu các nhóm khi tra cứu tài liệu hỗ trợ trên Internet phải đối chiếu chéo ít nhất 2 nguồn để phát hiện và lập biên bản phản biện các bài văn mẫu định nghĩa sai lệch về hình ảnh cấu tứ (ví dụ: coi cấu tứ bài này là khép kín, bế tắc) . **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS mở thiết bị số, cùng truy cập vào link sơ đồ nhóm để thực hiện thao tác kéo - thả, phân nhánh 4 chặng vận động của điệp từ "Đâu" và viết 3 nội dung nhận xét. - Các nhóm thực hiện bộ lọc an toàn	➔ *Ý nghĩa:* Nhan đề là sự đồng hiện của tình yêu quê hương, lòng yêu nhân dân và niềm say mê lý tưởng. *** Cấu trúc điệp khúc độc đáo:** - Các khổ thơ 2 câu cảm thán (*"Gì sâu bằng..."*, *"Giờ đây lạnh lẽo..."*) lặp lại luân phiên ở vị trí bản lề (khổ 1, 4, 7, 13). **- *Tác dụng:*** Hoạt động như một điệp khúc kiến tạo "khoảnh khắc tỉnh thức". Cứ sau một đoạn hoài niệm tươi đẹp, nhân vật trữ tình lại giật mình đối diện với thực tại phòng giam lạnh lẽo. Nó tạo nên cấu trúc cảm xúc vận động theo hình vòng tròn, lặp đi lặp lại triền miên, u uất nhưng đầy khát vọng vượt thoát. **2. Cấu tứ của bài thơ (Mạch vận động của tâm hồn người tù)** ***Cấu tứ của tác phẩm:** được hiểu là cách nhà thơ tổ chức, điều hướng **mạch vận động của cảm xúc và hình tượng thơ**. *** Cấu tứ của bài thơ "Nhớ đồng"** - Trong *Nhớ đồng*, mạch cảm xúc này không đứng yên mà dịch chuyển một cách logic, tự nhiên theo trục: **Từ âm thanh thực tại ➔ Trở về ký ức quá khứ ➔ Vượt thoát đến tương lai lý tưởng.** **- *Tác nhân kích hoạt cảm xúc:*** Tiếng hò quê

số để thẩm định tài liệu mạng.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm trình chiếu sơ đồ cấu tứ số hóa của nhóm mình lên Tivi lớp để thuyết trình.
- GV yêu cầu nhóm báo cáo công khai Phiếu kiểm định thông tin mạng: Chỉ ra lỗi sai của các trang văn mẫu trên Internet và dùng Tri thức Ngữ văn để phản biện.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV chốt đáp án chuẩn mực về 4 chặng vận động và 3 nội dung nhận xét cốt lõi. GV buông lời bình sâu sắc về ý nghĩa của cấu tứ "vòng tròn mở" hướng lên, tiếp thêm sức mạnh lý tưởng cho người tù.

3. Khám phá hệ thống hình ảnh và Các yếu tố tượng trưng

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức hoạt động cá nhân kết hợp cặp đôi thông qua công cụ: **"Bộ thẻ số giải mã biểu tượng (Digital Flashcards)"** trên Quizlet hoặc Canva.
- GV giao nhiệm vụ: HS làm việc cặp đôi, nghiên cứu hệ thống hình ảnh tạo hình (câu hỏi, kể, cảm), các hình ảnh tượng trưng cốt lõi (cánh chim, trưa quạnh quẽ, mặt trời chân lý) và áp dụng công thức vạn năng **3T (Tình - Trục - Thẩm)** để nhận xét tác dụng.

Câu hỏi gợi ý:

- **T1 - TÌNH (Khắc họa tâm tư):** *Câu hỏi gợi ý:* Hình ảnh này đã giúp **cụ thể hóa** tình cảm, cảm xúc trừu tượng nào của nhân vật trữ tình thành hình khối, màu sắc hoặc âm thanh? Qua hình ảnh đó, ta nhìn thấy nỗi niềm, tâm trạng hay khát vọng sâu kín nào của tác giả?
- **T2 - TRỤC (Điều hướng cấu tứ):** hương lẻ loi giữa trưa vắng xuyên thấu song sắt ngục tù Thừa Phủ, đánh thức thế giới ký ức.
- ***Trục dẫn đường (Điệp từ "Đâu" - 10 lần):*** Mở ra không gian nhớ thương lan tỏa theo 4 chặng vận động:

+ ***Chặng 1 (Nhớ thiên nhiên đồng quê):*** Hiện lên qua những hình ảnh đơn sơ, trù phú, đậm vị quê hương (cồn thơm, ô mạ xanh mơn mởn, nương khoai ngọt sắn bùi...).

+ ***Chặng 2 (Nhớ con người quê hương - "Hồn thân"):*** Bóng dáng những người dân cày lam lũ (*"lưng cong xuống luống cày"*); đặc biệt là hình ảnh *"bàn tay vãi giống tung trời"* – biểu tượng gieo mầm sự sống, gieo niềm hy vọng vào tương lai.

+ ***Chặng 3 (Nhớ chính mình và Lý tưởng cách mạng):*** Dòng hồi tưởng về thời kỳ tự do hoạt động. Sự chuyển biến từ một cái tôi băn khoăn, chán nản trước ngưỡng cửa cuộc đời (*"Tôi dại, tôi tìm, tôi để đâu"*) sang một cái tôi bừng sáng hạnh phúc, reo vui khi gặp ánh sáng cách mạng (biểu tượng qua hình ảnh *"con chim cà lơi"*).

+ ***Chặng 4 (Trở lại thực tại và Biến chuyển hành động):*** Con người giật mình trở lại phòng giam tẻ nhạt, nhưng nỗi nhớ lúc này đã thăng hoa thành năng lượng phẫn uất, sục sôi ý chí quyết tâm dấn thân hành động, phá tan xiềng xích

*** Nhận xét về cấu tứ:**

- **Hướng vận động của cảm xúc:** Cấu tứ vận động theo trình tự logic và tâm lý: Từ thực tại ngục tù (nghe tiếng hò) ➔ Hoài niệm về đồng quê (thiên nhiên, con người) ➔ Bừng sáng lý tưởng (quá khứ tự do) ➔ Trở lại thực tại (sục sôi quyết tâm hành động).
- **Tính chất của sự vận động:** Mạch cảm xúc có sự vận động tăng tiến, chuyển hóa từ tình cảm cá nhân sang lý tưởng cộng sản. Nỗi nhớ quê hương, đồng bào càng mênh mông, dàn trải bao nhiêu thì khát vọng tự do và ý chí chiến đấu

Câu hỏi gợi ý: Hình ảnh này đóng vai trò là **mắt xích** gì trong mạch vận động cảm xúc của toàn bài? Nó xuất hiện ở vị trí đó để kết nối, thúc đẩy hay bẻ lái mạch suy nghĩ của tác giả chuyển dịch từ trạng thái này sang trạng thái khác như thế nào?

- **T3 - THẨM (Giá trị thẩm mĩ):** *Câu hỏi gợi ý:* Hình ảnh này đem lại **chất họa, chất nhạc** hay **tính đa nghĩa** gì cho lời thơ? Nhờ có hình ảnh này, ngôn từ văn học đã đạt được giá trị nghệ thuật và sức gợi cảm sâu xa như thế nào để bài thơ không bị khô khan?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS lật mở các thẻ từ khóa trên thiết bị số, thảo luận cặp đôi để điền nội dung phân tích vào các ô chức năng T1 (Tình), T2 (Trục), T3 (Thẩm) tương ứng với từng hình ảnh**.**
- GV quan sát, định hướng cho HS cách dùng động từ mạnh để định vị chức năng hình ảnh thơ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn ngẫu nhiên các cặp đôi báo cáo kết quả áp dụng công thức 3T cho từng hình ảnh cụ thể trước lớp.
- Cả lớp thảo luận, thống nhất cách phân tích hình ảnh theo công thức chung để làm hành trang đọc hiểu cho các bài thơ khác.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV chuẩn hóa toàn bộ nội dung hệ thống hình ảnh và đóng khung công thức 3T lên màn hình để học sinh ghi nhớ lâu dài.

4. Khái quát cảm hứng chủ đạo và Giá trị triết lý nhân sinh (Linh hồn bài thơ)

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV điều hướng cả lớp tập trung vào đơn vị kiến thức cuối cùng: càng trở nên sục sôi, mãnh liệt và sắc bén bấy nhiêu.
- **Ý nghĩa của cách cấu tứ:** Biến bài thơ thành một "vòng tròn mở" hướng lên. Tác phẩm khép lại ở không gian chật hẹp của phòng giam nhưng không hề bế tắc, bi lụy, bởi tâm hồn người chiến sĩ đã được tiếp thêm nguồn năng lượng mới từ ánh sáng của lý tưởng cách mạng, biến nỗi nhớ thành sức mạnh để phá tan xiềng xích.

3. Hệ thống hình ảnh và các yếu tố tượng trưng

**** Yếu tố tạo hình qua ngôn từ:*** Việc luân phiên giữa **câu hỏi**, **câu kể** và **câu cảm thán** giúp hệ thống hình ảnh không tĩnh tại mà chuyển động nhịp nhàng theo hơi thở thổn thức của trái tim người tù.

**** Các hình ảnh mang tính tượng trưng rõ nét:***

- *Cánh chim buồn nhớ gió mây:* Hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho bi kịch bị giam cầm về thể xác nhưng linh hồn luôn tự do, vút lên hướng về bầu trời lý tưởng bao la.
- *Trưa thương nhớ / Trưa quạnh quẽ / Phòng giam tẻ:* Biểu tượng cho sự cô độc, ngột ngạt, đông kết của không gian tù đày thực dân.
- *Mặt trời chân lý / Con chim cà lơi:* Tượng trưng cho bước ngoặt thức tỉnh lý tưởng cộng sản rực rỡ, đem lại lẽ sống cứu cánh cho người thanh niên yêu nước.

*** Nhận xét về tác dụng của các hình ảnh – Theo công thức (3T):**

- **T1 - TÌNH (Khắc họa tâm tư):** Cụ thể hóa nỗi nhớ, lòng yêu cuộc sống và khát vọng tự do cháy bỏng của người tù thành những hình khối, âm thanh sống động.
- **T2 - TRỤC (Điều hướng cấu tứ):** Làm mắt xích chuyển dịch mạch cảm xúc (Tiếng hò: *mở ngục ký ức* ➔ Cánh chim: *bi kịch thực tại* ➔ Mặt trời chân lý: *rạo rực tương lai*).

Khái quát cảm hứng chủ đạo và giá trị triết lý nhân sinh của tác phẩm. - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, suy ngẫm sâu sắc về sự chuyển biến nội tâm của người chiến sĩ để trả lời câu hỏi: *Đỉnh cao của lòng yêu cuộc sống và nỗi nhớ quê hương được Tố Hữu khẳng định qua triết lý sống nào?* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS tự lực suy nghĩ, kết nối toàn bộ mạch bài học từ nhan đề, cấu tứ đến hình ảnh để đúc kết ra giá trị nhân sinh cốt lõi. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2-3 HS phát biểu tư duy cá nhân trước lớp. Các HS khác lắng nghe, tranh luận và bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn hóa nội dung mục 4 bên cột sản phẩm. - GV kết luận bằng lời bình lắng đọng cảm xúc về lý tưởng dấn thân, tinh thần trách nhiệm của người chiến sĩ trẻ, khơi dậy niềm tự hào và lòng biết ơn sâu sắc trong lòng người học.	**- T3 - THẨM (Giá trị thẩm mỹ):** Kiến tạo tính đa nghĩa, chất nhạc, chất họa; giúp bài thơ chính trị không khô khan mà giàu sức gợi và thấm sâu vào cảm xúc. **4. Cảm hứng chủ đạo và Giá trị triết lý nhân sinh** * ***Cảm hứng chủ đạo:*** Tiếng lòng tha thiết với cuộc đời, khát khao tự do mãnh liệt hòa quyện sâu sắc giữa tình yêu nhân dân, đất nước và niềm say mê lý tưởng cách mạng dấn thân của người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi. * ***Giá trị nhân sinh:*** Khẳng định một triết lý sống cao đẹp của thế hệ cách mạng tiền bối: Đỉnh cao của lòng yêu cuộc sống và nỗi nhớ quê hương là hành động sẵn sàng dấn thân, hy sinh tự do cá nhân để giành lấy tự do lớn lao cho đồng bào, dân tộc.

2.4. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu:

- Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.
- Phát triển năng lực số:

+ **2.2. NC1a – Chia sẻ và hợp tác trên môi trường số:** HS chia sẻ sản phẩm và nhận phản hồi trên nền tảng trực tuyến.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho phép HS sử dụng điện thoại hoặc máy tính bảng để truy cập một công cụ tạo sơ đồ tư duy (PowerPoint, Canva, XMind, MindMeister...) hoặc phần mềm ghi chú số để xây dựng sơ đồ tư duy khái quát **nội dung và nghệ thuật** của bài thơ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV chọn ngẫu nhiên 2-3 ảnh sơ đồ học sinh gửi lên, trình chiếu trực tiếp lên Tivi lớp học.
- HS có sơ đồ trên màn hình sẽ thuyết trình nhanh về cách chọn từ khóa của mình, các HS khác quan sát và bổ sung ý kiến trực tiếp tại lớp hoặc phản hồi qua tin nhắn nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV cùng cả lớp nghiệm thu "kho tri thức" trên bảng.
- Gọi đại diện Đội 1 giải thích vì sao nhóm mình lại chọn bóc mảnh giấy chứa nhận định sai trên mạng đó xuống (Áp dụng lý thuyết thể loại để phản biện).

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, tổng hợp các sơ đồ của học sinh, sau đó chiếu "Sơ đồ mẫu chuẩn" (đã chuẩn bị sẵn) lên Tivi để đối chiếu và chốt kiến thức.
- GV kết nối nội dung tổng kết vào tư tưởng bài học: "Nhìn vào sơ đồ trên màn hình, chúng ta thấy rõ 'cấu tứ' của bài thơ không chỉ là nghệ thuật, mà là mạch chảy của lòng yêu nước. Từ sơ đồ này, thầy/cô mong các em hãy lưu lại như một 'tài liệu số' quý giá để ôn

V. Tổng kết

1. Nội dung

- Bài thơ là tiếng lòng da diết với cuộc đời, cuộc sống tự do và say mê cách mạng của nhân vật trữ tình.
- Thể hiện khát vọng tự do, tình yêu nhân dân, đất nước, yêu cuộc sống của chính mình.

2. Nghệ thuật

- Sử dụng thành công biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc.
- Sử dụng thành công luân phiên câu hỏi, câu kể và câu cảm thán.
- Giọng thơ da diết, khắc khoải, sâu lắng.
- Hình ảnh thơ gần gũi, giản dị mộc mạc, đời thường mà có ý nghĩa tượng trưng sâu sắc.



tập, và quan trọng hơn là để nhắc nhớ về lí tưởng dấn thân mà thế hệ trẻ cần tiếp nối".	

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
- **Phát triển nội dung số:**

+ Biết cách sử dụng các ứng dụng biểu mẫu trực tuyến (Google Forms) để nộp sản phẩm học tập và quản lý dữ liệu cá nhân trong môi trường số.

+ Sử dụng trí tuệ nhân tạo

+ Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI.

b. Nội dung:

- HS sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để tạo đoạn văn phân tích.
- HS đóng vai "Giám khảo" sử dụng Rubric để đánh giá, nhận xét đoạn văn của AI và chỉnh sửa lại cho hoàn thiện.

c. Sản phẩm:

- Bản đánh giá đoạn văn của AI (theo Rubric).
- Đoạn văn hoàn thiện của học sinh (đã chỉnh sửa từ bản của AI).

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ: "Hãy dùng điện thoại nhập câu lệnh (prompt) vào công cụ AI: 'Viết đoạn văn khoảng 20 chữ làm sáng tỏ mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh và thế giới cảm xúc trong bài thơ ***Nhớ đồng*** của Tố Hữu'."

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện lệnh tạo văn bản trên AI.
- HS đối chiếu sản phẩm của AI với **Rubric đánh giá** (dưới đây) để chấm điểm, chỉ ra những điểm chưa đạt (sáo rỗng, thiếu liên kết, hoặc thiếu cảm xúc đặc trưng của bài thơ).
- HS tự tay sửa lại đoạn văn của AI thành phiên bản của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn 2-3 HS trình bày: Đã chấm bài của AI bao nhiêu điểm? AI đã thiếu hoặc làm sai điều gì? Bản sửa lại của HS có gì tốt hơn?
- HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá khả năng phản biện văn học của HS.
- HS nộp lại sản phẩm cuối cùng (đoạn văn đã chỉnh sửa) qua đường link Google Forms.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Điểm tối đa	Mức Tốt (Điểm tối đa)	Mức Đạt (50% - 70%)
Hình thức	**1.0**	Đủ cấu trúc 3 phần, dung lượng 150 chữ.	Thiếu 1 trong 3 phần của cấu trúc.
Nội dung	**7.0**	- Chọn chi tiết đắt (2đ) - Nhận diện đúng cảm xúc (2đ) - Chỉ ra mối liên hệ sâu sắc (2đ) - Có phân tích đặc trưng thơ Tố Hữu (1đ)	- Các ý còn chung chung. - Chưa làm rõ mối liên hệ. - Thiếu ý phân tích đặc trưng.
Sáng tạo	**1.0**	Diễn đạt mới mẻ, góc nhìn sâu sắc.	Viết còn đơn giản, rập khuôn.
Chính tả, GP	**1.0**	Không mắc lỗi.	Mắc 1-2 lỗi nhỏ.
TỔNG	**10.0**		

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Những ngày bị giam hãm trong tù, tâm hồn nhà thơ Tố Hữu luôn hướng ra cuộc sống bên ngoài với tất cả nỗi nhớ thương và tình yêu mến. Tiếng hò ngân dài trên sông nước, văng vẳng lúc gần lúc xa đã làm sống dậy bao hình ảnh của cuộc sống mến thương trong tâm tưởng nhà thơ. Đó là hình ảnh của mảnh đất cắt rốn chôn nhau cùng với những người dân quê lao động lam lũ, vất vả trên đồng ruộng. Đó là bức tranh thiên nhiên và bức tranh sinh hoạt của quê ngoại nhà thơ, một làng nhỏ với những cồn bãi mướt xanh cây trái, có chiếc cầu An Cựu lặng lẽ soi bóng xuống dòng Hương giang lững lờ trôi. Khung cảnh thật đẹp và tình người ấm áp xiết bao! Vậy mà giờ đây, quê hương thân yêu chỉ cách có bức tường nhà lao mà sao xa vời vợi? Những câu hỏi đầy trăn trở cứ lặp đi lặp lại phản ánh nỗi nhớ thương, khắc khoải và hoài vọng đau đáu khôn nguôi. Tất cả những gì gần gũi, thân quen của đời sống đều được Tố Hữu trân trọng miêu tả trong thơ. Tác giả cố gắng bắt lấy những hình ảnh, âm thanh của đời thường nhưng xiết bao gợi cảm đối với bản thân trong chốn lao tù. Giờ đây, nhà thơ chỉ có thể nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy khung cảnh quê hương trong tưởng tượng bằng trái tim chất chứa nhớ thương.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- **Năng lực đặc thù:** Vận dụng được kiến thức về cấu tứ và hệ thống hình ảnh (công thức 3T) để viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) hoàn chỉnh, mạch lạc, làm sáng tỏ mối liên hệ giữa các hình ảnh và thế giới cảm xúc trong bài thơ.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập Đọc kết nối viết thông qua nền tảng số.
c. Sản phẩm: Đoạn văn hoàn chỉnh của HS được đăng tải; Phiếu chấm Rubric đánh giá chéo kỹ thuật số.

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) làm sáng tỏ mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh đã làm nên thế giới cảm xúc "nhớ đồng" trong bài thơ.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS độc lập suy nghĩ, vận dụng Tri thức Ngữ văn và viết đoạn văn trực tiếp trên Padlet hoặc Google Docs bằng thiết bị cá nhân**.**
- HS hoàn thành bài viết, rà soát lại dung lượng (khoảng 150 chữ) và ghi câu cam kết bản quyền số ở cuối bài.
- GV theo dõi quá trình viết của HS trên hệ thống thời gian thực để hỗ trợ, nhắc nhở các em về lỗi chính tả, ngữ pháp.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV trình chiếu giao diện tổng hợp bài viết của cả lớp lên màn hình.
- GV chọn 2 đoạn văn xuất sắc, có sự sáng tạo và tuân thủ bản quyền tốt nhất để gọi HS đọc to trước lớp.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV nhận xét chung về kỹ năng viết và thái độ văn minh khi tham gia không gian mạng của cả lớp.
- GV sử dụng đoạn văn tham khảo chuẩn mực làm ngữ liệu đối chứng để HS tự rà soát, sửa chữa bài viết của mình ở nhà.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

1. Hoàn thiện bài học: Vẽ sơ đồ tư duy (khuyến khích dùng phần mềm số Canva/Mindmeister) để hệ thống lại Cấu tứ và Hình ảnh 3T; hoàn thiện đoạn văn 150 chữ lên hệ thống lớp.

2. Đọc mở rộng: Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề, cùng tác giả Tố Hữu trên các trang văn học chính thống.

3. Chuẩn bị bài mới: Đọc trước văn bản *Tràng giang* – Huy Cận; chủ động tra cứu tư liệu chính xác về tác giả, hoàn cảnh sáng tác và trả lời câu hỏi SGK.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO HỌC SINH

TT	Tên hoạt động	Tổ chức dạy học	Năng lực số
1	Hoạt động hình thành kiến thức	- Yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, xử lý tư	**1.1. NC1b - Khai thác và lọc thông tin:** Biết cách sử dụng công cụ tìm kiếm

		liệu và thuyết trình trước lớp.	(Google, YouTube) để tra cứu thông tin về tác giả Tổ Hữu, bối cảnh lịch sử (nhà lao Thừa Phủ 1939) và video đọc diễn cảm bài thơ từ các nguồn chính thống trên Internet để chuẩn bị bài học; bước đầu biết lọc các nguồn tài liệu tin cậy để tìm kiếm bài giảng hoặc các tệp âm thanh đọc diễn cảm bài thơ phục vụ việc cảm thụ văn bản.
2	Hoạt động vận dụng	Yêu cầu HS tìm kiếm thông tin, tư liệu để so sánh, đối chiếu.	**2.2. NC1a - Chia sẻ và hợp tác trên môi trường số:** Biết cách sử dụng các nền tảng liên lạc phổ biến (Zalo, Email, nhóm học tập) để trao đổi về bài học, chia sẻ các sản phẩm bài viết, sơ đồ tư duy hoặc các tệp tư liệu cần thiết cho việc học tập nhóm.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết:...

VĂN BẢN 2: TRÀNG GIANG

(Huy Cận)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được **tính đa nghĩa của ngôn từ**, vai trò của **yếu tố tượng trưng** và sự kết hợp giữa nét cổ điển với hiện đại trong bài thơ.
- Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của **cấu tứ đối lập** (không gian mênh mông vô biên <-> kiếp người nhỏ bé, cô độc) và hình thức thể thơ thất ngôn điêu luyện.
- Phân tích, đánh giá được **cảm hứng chủ đạo** (nỗi buồn cô đơn trước vũ trụ hòa quyện với lòng yêu nước thầm kín) và rút ra được các giá trị triết lý nhân sinh từ văn bản.

c. Năng lực số

- ***1.1. NC1b - Khai thác thông tin:*** Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm trực tuyến trên điện thoại để tra cứu các tài liệu phê bình, bối cảnh sáng tác và các thi liệu cổ điển liên quan đến bài thơ "Tràng giang" nhằm làm giàu vốn hiểu biết.
- ***2.1.NC1a - Tương tác thông qua công nghệ số:*** Sử dụng các thiết bị cá nhân để tương tác trực tiếp, phản hồi ý kiến cá nhân trên nền tảng kỹ thuật số của lớp học (như Padlet/Zalo nhóm) trong quá trình thảo luận về vẻ đẹp cổ điển và hiện đại.
- ***4.3.NC1c - Bảo vệ sức khỏe và an sinh số:*** Thể hiện sự tôn trọng, văn hóa ứng xử, chuẩn mực đạo đức khi tham gia các diễn đàn thảo luận trực tuyến về bài thơ, góp phần lan tỏa giá trị nhân văn và tinh thần yêu nước.

2. Phẩm chất

- ***Yêu nước và Trách nhiệm:*** Trân trọng những nỗi buồn trong sáng – biểu hiện của tình yêu quê hương, đất nước thầm kín, sâu nặng của trí thức yêu nước đương thời.
- ***Nhân ái:*** Biết sống hòa đồng, gắn kết giữa con người với con người và trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên vũ trụ.
- ***Trung thực:*** Có trách nhiệm và ứng xử văn minh trên không gian mạng, không sao chép trái phép các bài cảm nhận văn học khi làm bài tập số**.**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Thiết bị kỹ thuật số: Máy tính xách tay của giáo viên, hệ thống máy chiếu/màn hình Tivi tương tác thông minh tại lớp có kết nối Internet mạng ổn định.

- Thiết bị hỗ trợ cá nhân/nhóm: Điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng của học sinh (sử dụng có kiểm soát trong giờ học phục vụ khâu quét mã QR và tương tác số).

- Thiết bị truyền thống: Bảng phụ hoặc giấy A0, bút dạ đa màu cho các hoạt động thảo luận viết tay tại chỗ…

- Một số công cụ AI phục vụ, hỗ trợ dạy-học: tìm kiếm thông tin (ChatGPT & Gemini…); thiết kế nội dung trực quan (Canva AI, NotebookLM...); trò chơi tương tác (Quizizz (AI) & Kahoot (AI), Mentimeter); trợ lý thuyết tình và video (Gamma App, Canva); Sáng tạo âm thanh & Hình ảnh nghệ thuật (Suno…)

2. Học liệu dạy học:

- Học liệu in ấn, bản word mềm: Sách giáo khoa Ngữ văn, Kế hoạch bài dạy (Giáo án) của giáo viên.

- Tư liệu tham khảo văn học: Sách *Về tác gia và tác phẩm"* (NXB Giáo dục), các bài viết phê bình văn học uy tín trực tuyến của các nhà nghiên cứu về giá trị nhân đạo trong tác phẩm để định hình đạo đức, lý tưởng sống cho học sinh.

- Học liệu số (Học liệu đa phương tiện): Mã QR dẫn link video, nền tảng bảng số tương tác chung của lớp (như Padlet/Zalo nhóm) dùng để thu thập và hiển thị nhanh câu trả lời của các nhóm học sinh.

- Công cụ đánh giá: Hệ thống phiếu học tập (phiếu giấy đan xen phiếu điện tử), các Rubric/Bảng kiểm đánh giá chéo năng lực thuyết trình và văn hóa ứng xử tranh luận của học sinh

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Huy động tri thức nền của HS về các trường từ vựng (sông nước, buổi chiều, nỗi buồn) và các thi liệu truyền thống để tạo hứng thú bước vào bài học.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi "***Câu chữ diệu kì"***

c. Sản phẩm: Các từ vựng và câu thơ do 2 đội chơi ghi trên bảng.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia bảng làm 2 phần, cử 2 đội chơi tiếp sức (mỗi đội 5 HS). Các HS dưới lớp làm "Giám sát viên số". - GV phổ biến luật chơi qua 2 vòng: * *Vòng 1 (1 phút):* Ghi các từ cùng trường nghĩa với: *Sông nước, buổi chiều, nỗi buồn.* * *Vòng 2 (2 phút):* Viết các câu thơ có chứa các	**- Các từ ngữ HS có thể tìm:** + ***Sông nước***: thuyền, bèo, sóng, tôm cá, đánh lưới, bờ sông, mạn thuyền,... + ***Buổi chiều***: phía tây, ráng chiều, tịch dương, mặt trời khuất bóng, ngả bóng,... + ***Nỗi buồn***: man mác, sầu bi, ảo

từ hoặc không gian được gợi ý từ vòng 1. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - GV bật đồng hồ bấm giờ (Countdown Timer) trực tiếp trên màn hình Tivi để tạo áp lực thời gian thực. - HS hai đội lần lượt lên bảng viết theo hình thức tiếp sức (Mỗi lượt lên chỉ viết 1 từ hoặc 1 câu thơ rồi truyền phấn) **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV kết thúc thời gian bằng chuông báo hiệu điện tử. - GV yêu cầu các "Giám sát viên số" dưới lớp nhận xét sản phẩm trên bảng của hai đội: Phát hiện từ trùng, từ sai trường nghĩa, hoặc câu thơ chép sai. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, tổng kết điểm và trao quà nhanh. - **GV dẫn dắt vào bài mới:** Những từ khóa các em vừa tìm như *sông nước, buổi chiều, nỗi buồn* tưởng chừng như rời rạc nhưng khi gặp nhau, chúng lại tạo nên một vùng không gian thẩm mỹ đặc biệt của thi ca. Từ ngàn xưa, cảnh trời đất mênh mông lúc hoàng hôn luôn khơi dậy nỗi sầu vô biên trong tâm hồn con người. Hôm nay, chúng ta sẽ đến với "Tràng giang" để xem cái mênh mông của sông nước buổi chiều tà qua cái nhìn của Huy Cận – một hồn thơ "ảo não" bậc nhất của Phong trào Thơ mới – sẽ mang một sắc thái độc đáo như thế nào.	não, nước mắt, tâm trạng nặng nề,... **- Một số câu thơ liên quan:** - "Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn, Tiếng ốc xa đưa vẳng trống dồn." (*Chiều hôm nhớ nhà* - Bà Huyện Thanh Quan) - "Chiều tà bỏ lại phía sau Còn vương chút nắng nhuộm màu nhớ thương." (*Hoàng hôn* – Trần Thị Lý) - "Buổi chiều đi lảng ở chân mây, Hoa tím trên sông thoảng điệu gầy." (*Buổi chiều* – Xuân Diệu) …

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu:

- Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, phong cách riêng, vị trí văn học; xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, phương thức biểu đạt chính, bố cục.

- Phát triển NLS:

+ **1.1. NC1b.** Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số

b. Nội dung hoạt động: Thảo luận nhóm, sử dụng công cụ AI để tra cứu thông tin và đối chiếu kiểm chứng dữ liệu với tài liệu gốc SGK.

c. Sản phẩm: Kết quả tra cứu thông tin và nội dung đối chiếu kiểm chứng AI của các nhóm; Phiếu tìm hiểu chung trong vở của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành các nhóm 4 - 6 HS, yêu cầu các nhóm sử dụng công cụ AI (như ChatGPT, Gemini...) để hỗ trợ tra cứu nhanh các thông tin về Huy Cận và bài thơ *Tràng giang* theo hệ thống câu hỏi: * *Nhóm về Tác giả:* Tìm hiểu về tiểu sử, sự nghiệp, hành trình sáng tác và đặc điểm phong cách nghệ thuật. * *Nhóm về Tác phẩm:* Tìm hiểu về xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác đặc biệt, phương thức biểu đạt và bố cục. - *Lưu ý:* GV nhắc HS đối chiếu kết quả tìm được với SGK để chọn lọc đúng những thông tin cốt lõi nhất, tránh lấy các thông tin lan man ngoài bài học. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS trong nhóm mở thiết bị số, gõ câu lệnh tra cứu thông tin. - Các thành viên cùng đọc, đối chiếu với SGK để ghi nhận các từ khóa chính xác về tác giả, tác phẩm vào phiếu học tập. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi đại diện các nhóm lần lượt trình bày kết quả chiếm lĩnh tri thức về Tác giả và Tác phẩm. - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung các chi tiết còn thiếu dựa trên phần tra cứu của nhóm mình. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét về kết quả làm việc của các nhóm. - **GV chuẩn hóa tri thức và chốt lại bài học:** GV nhấn mạnh vào vị trí đỉnh cao của Huy Cận trong phong trào Thơ mới với tập *Lửa thiêng*, làm rõ nét đặc trưng phong cách của ông là sự kết hợp giữa vẻ đẹp cổ điển và hiện đại. GV giảng giải thêm về hoàn cảnh ra đời của bài thơ (chiều thu năm 1939 trên bến	**I. Đọc -Tìm hiểu chung** **1. Tác giả Huy Cận** * **Hành trình sáng tác:** - *Trước CMXT8:* Đỉnh cao xuất sắc của phong trào Thơ mới với tập *Lửa thiêng* (1940). - *Sau CMXT8:* Sáng tác dồi dào, đổi mới; tìm thấy sự hòa điệu giữa con người và xã hội (*Trời mỗi ngày lại sáng*, *Đất nở hoa*...). * **Phong cách nghệ thuật:** - Hàm súc, giàu chất suy tưởng, tràn đầy cảm xúc về vũ trụ; khát khao hòa điệu với cuộc đời và tạo vật. - Tạo được sự cân bằng hiếm có giữa vẻ đẹp **cổ điển** và vẻ đẹp **hiện đại**, giữa chất **trữ tình** và chất **triết lý**. **2. Tác phẩm** **- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:** + Bài thơ *Tràng giang* rút trong tập *Lửa thiêng* (tập thơ khẳng định vị trí của nhà thơ trong làng Thơ mới). + Bài thơ là tác phẩm tiêu biểu trước. Cách mạng của Huy Cận. + Bài thơ ra đời từ cảm hứng trong một chiều trên bến Chèm –Vẽ ở sông Hồng vào mùa thu năm 1939. **- Phương thức biểu đạt chính:** Biểu cảm **- Bố cục:** 2 phần. + Đoạn 1 (Khổ 1 + 2 + 3): Khung cảnh thiên nhiên và cảm xúc của nhà thơ. + Đoạn 2 (Khổ 4): Nỗi nhớ quê hương và Lòng yêu nước thầm kín của tác giả.

Chèm - Vẽ) để làm tiền đề cho HS đi vào khám phá không gian cảm xúc của tác phẩm ở phần sau. - HS ghi lại kiến thức chuẩn xác vào vở bài học	

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: cấu tứ, ngôn từ, thi liệu, hình ảnh, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản thơ.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; hiểu hoàn cảnh, tâm trạng và sự lựa chọn của nhân vật trữ tình trong bài thơ cũng như tâm trạng chung của một bộ phận trong xã hội lúc bấy giờ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.

- Phát triển năng lực số:

+ **2.1.NC1a** - Biết sử dụng các công cụ, không gian số phổ thông để tương tác, chia sẻ và hợp tác thảo luận nhóm; áp dụng được các cách tạo lập, chỉnh sửa nội dung ở các định dạng số cơ bản để hệ thống hóa kiến thức đọc hiểu văn bản.

+ Sử dụng công cụ AI

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chỉ định HS đọc diễn cảm thành tiếng. - GV yêu cầu HS chú ý những chú thích và nội dung các thẻ chỉ dẫn. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau.	**II. Đọc và tìm hiểu chú thích** **1. Đọc văn bản** **2. Tìm hiểu chú thích**

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét cách đọc của HS.
- GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu một clip diễn ngâm văn bản *Tràng giang* (Trần Thị Tuyết diễn ngâm)

***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm (4-6 HS/nhóm) trên Padlet hoặc Google Docs dùng chung của lớp.
- Nhiệm vụ: Giải mã nhan đề "Tràng giang" và phân tích vai trò "chìa khóa" của lời đề từ đối với 4 khổ thơ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS nghiên cứu văn bản, thảo luận để tìm từ khóa về nghĩa thực - nghĩa biểu tượng của nhan đề.
- Nhóm thiết kế một "bản đồ tư duy nhanh" trên không gian số để chỉ ra sự tương ứng của lời đề từ với câu mở đầu 4 khổ thơ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV trình chiếu Padlet của các nhóm lên Tivi.
- Đại diện nhóm báo cáo, các nhóm khác tương tác bằng cách thả tim/đặt câu hỏi phản biện trực tiếp trên giao diện số.

Bước 4: Đánh giá, kết luận- GV chốt lại sự "đồng hiện" giữa bức tranh thiên nhiên và tâm tư người nghệ sĩ.- Nhấn mạnh lời đề từ là "chiếc chìa khóa" mở lối cho cấu trúc 4 khổ thơ, nơi thiên nhiên luôn đối diện với cái tôi bâng khuâng, nhớ thương.

2. Giải mã cấu tứ của bài thơ (Sự tương phản giữa Vũ trụ vô biên và Kiếp người nhỏ bé)

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

III. Khám phá văn bản

1. Nhan đề và lời đề từ

a. Nhan đề "Tràng giang"

Tính đa nghĩa:

- Nghĩa tả thực: Cách đọc chệch âm từ Hán Việt **"Trường giang"**, nghĩa là **con sông dài** (gắn với không gian sông Hồng tại bến Chèm). **- Nghĩa biểu tượng:** Không chỉ là một con sông địa lý mà còn gợi **không gian vô biên** (dài, rộng, mênh mông) và **dòng sầu triền miên của nhân thế**.

→ **Ý nghĩa:** Đồng hiện giữa **bức tranh thiên nhiên rộng lớn** và **thế giới tâm tư trĩu nặng sầu thương** của cái tôi trữ tình.

b. Lời đề từ

- Nội dung: *"Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài"* khái quát hai phương diện:

+ Thiên nhiên: trời rộng, sông dài.

+ Tâm trạng: bâng khuâng, nhớ.

- Tác dụng:

+ Mở ra mạch cảm xúc của toàn bài.

+ Tinh thần lời đề từ được triển khai ở đầu 4 khổ thơ:

++ Khổ 1: **Sóng gợn**

++ Khổ 2: **Nắng xuống trời lên**

++ Khổ 3: **Bèo dạt**

++ Khổ 4: **Lớp lớp mây cao**

→ **Ý nghĩa:** Liên tục đặt nhân vật trữ tình trước **cái vô biên của thiên nhiên**, từ đó **khơi gợi nỗi sầu ngày càng đậm đặc**.

- GV chiếu "Khung sơ đồ dòng chảy cấu tứ" lên Tivi**. (Phụ lục 1)**
- Lệnh: "Cả lớp hãy cùng nhau xây dựng **'Dòng chảy cấu tứ'** cho bài thơ. Nhóm 1, 2, 3, 4 sẽ lần lượt đảm nhận việc 'lắp ghép' dữ liệu của 4 chặng vào sơ đồ tổng thể này. Cuối cùng, các nhóm sẽ cùng viết 3 nhận xét cốt lõi vào 'Khung nhận xét chung'."

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- **Không làm lẻ:** Mỗi nhóm có 1 máy tính bảng/điện thoại, truy cập vào cùng 1 bảng trắng (Whiteboard).
- **Phân công đồng thời: Phụ lục 2**

+ Nhóm 1: Dán dữ liệu chặng 1.
+ Nhóm 2: Dán dữ liệu chặng 2 (phải nối tiếp sau chặng 1).
+ Nhóm 3: Dán dữ liệu chặng 3 (phải nối tiếp sau chặng 2).
+ Nhóm 4: Dán dữ liệu chặng 4 (phải nối tiếp sau chặng 3).

- Cả 4 nhóm cùng nhìn thấy sơ đồ lớn đang dần hoàn thiện trên màn hình Tivi ngay khi mình dán dữ liệu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Nhóm trưởng nhóm 4 (nhóm cuối) tổng kết: Sơ đồ đã nối từ chặng 1 đến 4, hỏi các bạn khác có ý kiến gì về các đường nối không?.
- Lớp thảo luận, điều chỉnh các đường nối trên sơ đồ số.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV mời cả lớp cùng nhìn vào sơ đồ đã hoàn thiện để đọc 3 nhận xét cốt lõi trong "Khung nhận xét chung".
- GV chốt: "Sơ đồ này là minh chứng: Bài thơ là một vòng tròn mở, không bế tắc."

3. Khám phá Hệ thống hình ảnh và Yếu tố tượng trưng

2. Cấu tứ của bài thơ (Sự tương phản giữa vũ trụ vô biên và kiếp người nhỏ bé)

a. Khái niệm

Cấu tứ: Cách nhà thơ tổ chức, điều hướng mạch vận động của cảm xúc và hình tượng thơ.

b. Cấu tứ trong "Tràng giang"

***Mạch cảm xúc**

- Được xây dựng trên sự tương phản giữa:

+ Vũ trụ vô biên, rộng lớn
+ Kiếp người nhỏ bé, cô đơn

- Mạch thơ vận động từ **ngoại cảnh** → **tâm cảnh**, nỗi sầu mở rộng và đào sâu theo từng khổ thơ.

***Các chặng vận động:**

- **Chặng 1:** Dòng sông "điệp điệp" mênh mông đối lập với cành củi khô "lạc mấy dòng" → cái tôi cảm nhận sự nhỏ bé, bơ vơ.
- **Chặng 2:** Không gian mở rộng ("sâu chót vót"), bến bờ "cô liêu" vắng lặng → nỗi cô đơn càng sâu sắc.
- **Chặng 3:** Bèo dạt cùng các phủ định "không cầu", "không đò" → bi kịch cô lập, mất kết nối với cuộc sống.
- **Chặng 4:** Đối diện cảnh hoàng hôn hùng vĩ và cánh chim nhỏ bé → nỗi

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV phát "Bảng giải mã 3T" cho các nhóm.
- Lệnh: "Sử dụng công thức 3T, các nhóm hãy chọn hình ảnh tương ứng với chặng mình phụ trách (từ bộ thẻ hình ảnh) và dán vào bảng giải mã.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và điền vào bảng 3T:
+ **T1 (Tình):** Hình ảnh gợi tâm trạng gì?
+ **T2 (Trục):** Đặt ở đâu trong dòng chảy cấu tứ?
+ **T3 (Thẩm):** Giá trị thẩm mỹ/chất nhạc/họa là gì?

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện nhóm dán bảng 3T lên bảng lớp.
- GV đặt câu hỏi: "Tại sao nhóm bạn chọn hình ảnh 'cánh chim' cho chặng cuối?". Các nhóm chất vấn về tính logic của việc chọn hình ảnh.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV chốt sơ đồ "3T" trên bảng lớp.
- GV nhận định: "Hệ thống hình ảnh không chỉ để tả cảnh, mà là chìa khóa để giải mã nỗi lòng của người trí thức yêu nước."

-> **2.1.NC1a (Chia sẻ/Cộng tác):** Tương tác, tranh luận trực tiếp về tính logic của việc lựa chọn biểu tượng, xây dựng sự thống nhất trong cách hiểu về hình tượng thơ.

4. Cảm hứng chủ đạo và Giá trị triết lý nhân sinh

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV phát phiếu "Thông điệp số".
- Lệnh: "Hãy chọn 01 từ khóa đắt giá nhất đại diện cho *Cảm hứng chủ đạo* và 01 từ khóa cho *Giá trị nhân sinh*. Sau đó, viết một câu (dưới 20 chữ) tổng kết triết lý sống của Huy Cận.

buồn kết tinh thành nỗi nhớ quê hương ("không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà").

c. Nhận xét

- **Hướng vận động:** Từ **cảnh** (ngoại cảnh rộng lớn) → **tình** (tâm cảnh cô đơn) → **hồn** (tình yêu quê hương).
- **Tính chất:** Nỗi sầu tăng tiến qua từng khổ thơ: từ **trống trải, bơ vơ → lạc lõng, cô đơn → lắng đọng thành nỗi nhớ quê hương**.
- **Ý nghĩa:** Đặt cái tôi nhỏ bé trong vũ trụ bao la để làm nổi bật điểm tựa tinh thần là **lòng yêu quê hương, đất nước**, qua đó vượt lên trên nỗi buồn cá nhân.

3. Hệ thống hình ảnh và yếu tố tượng trưng

a. Yếu tố tạo hình qua ngôn từ

- Hệ thống từ láy giàu tính tạo hình, gợi âm hưởng cổ kính: **điệp điệp, song song, lơ thơ, đìu hiu, chót vót, dợn dợn...**
- Kết hợp **thủ pháp đối lập cổ điển** và **nghệ thuật đảo từ ngữ**, làm nổi bật sự vắng lặng, ảo não của không gian.

b. Các hình ảnh mang tính tượng trưng

- **Củi một cành khô lạc mấy dòng:**
  + Vượt nghĩa tả thực.
  + Tượng trưng cho **kiếp người nhỏ bé, cô độc, vô định** giữa dòng đời biến động.
- **Sâu chót vót – Bến cô liêu**
  + Biểu tượng cho **vũ trụ trống rỗng, rợn ngợp**.
  + Gợi sự **lạc lõng, trống vắng** của cái tôi Thơ mới.
- **Cánh chim nghiêng cánh nhỏ – Bóng chiều sa**
  + Biểu tượng cho **sinh mệnh nhỏ bé** trước bóng tối thời đại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm, chọn lọc từ khóa (ví dụ: *Nỗi sầu - Trách nhiệm*; *Cô đơn - Tình yêu*). - HS viết câu tổng kết vào khung "Thông điệp chung" trên bảng lớp. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện nhóm dán "Thông điệp" lên bảng. - GV mời lớp "bình chọn" (dùng sticker/dấu tích) thông điệp nào bao quát được cả cảm hứng lẫn triết lý nhân sinh của bài thơ. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV đúc kết: "Tràng giang không phải là nơi dừng chân của nỗi buồn, mà là điểm xuất phát của trách nhiệm. Độc lập dân tộc chính là đích đến của tình yêu quê hương da diết này."	+ Gợi nỗ lực giao kết mong manh của con người. **c. Tác dụng của hệ thống hình ảnh (3T)** **- T1 – TÌNH:** Khắc họa **nỗi sầu nhân thế**, tâm trạng cô đơn và băn khoăn thời đại. **- T2 – TRỤC:** Điều hướng mạch cảm xúc: + **Cành củi khô** → nỗi sầu kiếp người. + **Bến cô liêu** → cảm giác cô lập. + **Cánh chim hoàng hôn** → nỗi nhớ nhà. **- T3 – THẨM:** Giao thoa giữa **vẻ đẹp cổ điển** (mây đùn, cánh chim, khói hoàng hôn) và **tinh thần hiện đại** (cái tôi cá nhân, "cành củi khô" làm biểu tượng). **4. Cảm hứng chủ đạo và giá trị triết lý nhân sinh** **a. Cảm hứng chủ đạo** - **Nỗi sầu nhân thế** và **sầu vũ trụ** hòa quyện với **tình yêu quê hương, đất nước**. - Thể hiện tâm trạng của **cái tôi trí thức yêu nước**, mang mặc cảm bơ vơ khi đất nước chưa độc lập. **b. Giá trị triết lý nhân sinh** Khẳng định triết lý nhân văn: + Đằng sau nỗi sầu và sự cô đơn là **khát vọng giao kết**, **khát vọng sự sống** và **tình yêu gắn bó với quê hương, đất nước**. + Đó là **điểm tựa tinh thần** giúp con người vượt qua sự hư vô, thức tỉnh trách nhiệm cá nhân trước thời cuộc.

PHỤ LỤC 1: KHUNG SƠ ĐỒ DÒNG CHẢY CẤU TỨ TRÀNG GIANG

(Khung này được thiết kế theo trục ngang, chia làm 4 ô liên hoàn,
mỗi ô tương ứng với một chặng vận động cảm xúc.)

CHẶNG 1: NGOẠI CẢNH	CHẶNG 2: TÂM CẢNH	CHẶNG 3: TRIỆT TIÊU	CHẶNG 4: THĂNG HOA
Vị trí: Khổ 1	**Vị trí:** Khổ 2	**Vị trí:** Khổ 3	**Vị trí:** Khổ 4
Dán thẻ: Hình ảnh đối lập [ ]	*Dán thẻ:* Không gian [ ]	*Dán thẻ:* Hình ảnh phủ định [ ]	*Dán thẻ:* Hình ảnh tương phản [ ]
Trạng thái: BƠ VƠ	**Trạng thái:** CÔ ĐƠN	**Trạng thái:** LẠC LÕNG	**Trạng thái:** NHỚ QUÊ
⬇ (Mũi tên nối)	⬇ (Mũi tên nối)	⬇ (Mũi tên nối)	⬇ (Mũi tên nối)

Mỗi nhóm đều cùng viết 3 nhận xét cốt lõi sau khi hoàn thiện sơ đồ phía trên:

1. **Hướng vận động :** .....
2. **Tính chất nỗi sầu:** .....
3. **Ý nghĩa triết lý : .....**

PHỤ LỤC 2: THẺ DỮ LIỆU

Chặng	Thẻ cần chọn (Đúng)	Thẻ gây nhiễu (Sai - Cần loại bỏ)
Chặng 1 (Khổ 1)	- "Sóng gợn tràng giang" - "Củi một cành khô" - "Điệp điệp", "Song song"	- "Không cầu" - "Cánh chim" - "Nắng xuống"
Chặng 2 (Khổ 2)	- "Sâu chót vót" - "Bến cô liêu" - "Lơ thơ", "Đìu hiu"	- "Điệp điệp" - "Mây đùn" - "Cánh bèo"
Chặng 3 (Khổ 3)	- "Cánh bèo" - "Không cầu", "Không đò" - "Dợn dợn"	- "Sâu chót vót" - "Bóng chiều" - "Cành củi"
Chặng 4 (Khổ 4)	- "Mây đùn" - "Cánh chim nhỏ" - "Lớp lớp", "Dợn dợn"	- "Bến cô liêu" - "Lơ thơ" - "Không đò"

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu:

- Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

- Phát triển năng lực số: Vận dụng công nghệ số để tương tác và phản hồi kiến thức tức thì.

b. Nội dung:

Tham gia trò chơi trắc nghiệm nhanh . GV có thể trình chiếu câu hỏi (hoặc tổ chức chơi trên Quizizz (3-5 phút).

c. Sản phẩm: Kết quả điểm số và thứ hạng của HS trên hệ thống.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu mã QR/Link truy cập lên Tivi. GV hô vang: *"Chúng ta cùng bước vào chặng đua cuối để tổng kết 'Nhớ đồng'!"*. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS dùng điện thoại tham gia trò chơi (3-5 câu hỏi trắc nghiệm). GV quan sát biểu đồ tiến độ trên màn hình. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** Hệ thống tự động vinh danh Top 3. GV dừng lại ở câu hỏi có nhiều HS làm sai nhất (nếu có) để giảng giải thêm 30 giây. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chiếu Slide cuối cùng (công thức tổng kết) để học sinh đối chiếu lại với kiến thức vừa "giải mã".	**IV. Tổng kết** **1. Nội dung** - Vẻ đẹp của bức tranh thiện nhiên. - Nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước vũ trụ rộng lớn, niềm khát khao hòa nhập với đời và lòng yêu quê hương đất nước tha thiết. **2. Nghệ thuật** - Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố cổ điển và hiện đại. - Nghệ thuật đối, bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình, hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm. - Hình ảnh thơ giàu ý nghĩa tượng trưng,…

BỘ CÂU HỎI TỔNG KẾT: "TRÀNG GIANG" (HUY CẬN)

Câu 1: Bức tranh thiên nhiên trong bài thơ "Tràng giang" hiện lên với vẻ đẹp như thế nào?

A. Rực rỡ, tươi mới và tràn đầy sức sống của mùa xuân.

B. Rộng lớn, hiu quạnh, mang vẻ đẹp vừa cổ điển, vừa hiện đại.

C. Dữ dội, hiểm trở với nhiều thác ghềnh.

D. Gần gũi, ấm áp và gắn liền với đời sống sinh hoạt của người dân.

Câu 2: Nỗi sầu của "cái tôi" trữ tình trong bài thơ "Tràng giang" là sự kết hợp của những cảm xúc nào?

A. Sự lạc lõng, cô đơn trước vũ trụ và niềm khao khát được hòa nhập, lòng yêu quê hương tha thiết.

B. Nỗi buồn vô cớ trước thời gian và sự chán chường với cuộc đời thực tại.

C. Sự hoài cổ về những giá trị truyền thống đã mất trong quá khứ.

D. Nỗi bất bình trước cảnh thiên nhiên bị tàn phá bởi con người.

Câu 3: Bài thơ "Tràng giang" là minh chứng tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật nào của Huy Cận?

A. Sử dụng hoàn toàn các thi liệu cổ điển, ước lệ.

B. Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố cổ điển và hiện đại.

C. Tách biệt hoàn toàn khỏi các quy tắc nghệ thuật truyền thống.

D. Tập trung vào lối thơ tự do không vần, phá bỏ mọi cấu trúc.

Câu 4: Những biện pháp nghệ thuật nào đã tạo nên sức gợi cảm cho bức tranh "Tràng giang"?

A. Nghệ thuật kể chuyện trực tiếp, ngôn ngữ bình dân.

B. Thủ pháp trào phúng, mỉa mai và cường điệu hóa.

C. Nghệ thuật đối, bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình và hệ thống từ láy biểu cảm.

D. Sử dụng liệt kê khô khan, thiếu sự đầu tư vào ngôn từ.

Câu 5: Đặc điểm nổi bật của hệ thống hình ảnh thơ trong bài thơ "Tràng giang" là gì?

A. Hình ảnh mang tính chân thực, trần trụi, thiếu tính thẩm mĩ.

B. Hình ảnh chỉ mang tính ước lệ, sáo mòn, không gợi liên tưởng.

C. Hình ảnh giàu ý nghĩa tượng trưng, gợi chiều sâu không gian và tâm trạng.

D. Hình ảnh không ổn định, rời rạc và không có sự kết nối với nhau.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150) chữ bày tỏ sự tâm đắc của bạn về một phương diện nổi bật của bài thơ *Tràng giang*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép).

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSc7i3TMHFK0ah7-LxlDAiMpVlpHy-OGi_XOvfgWUHoaF9hF1A/viewform?usp=sf_link

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà).

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN (Bài thơ "Tràng giang")

Tiêu chí	Tốt	Đạt (Khá)	Cần cố gắng	Điểm
Hình thức	Đủ 3 phần (Mở-Thân-Kết), chức năng chuẩn. Dung lượng ~200 chữ.	Đủ 3 phần, dung lượng thiếu/thừa nhẹ.	Thiếu 1 trong 3 phần, hoặc quá ngắn/quá dài.	**1.0**
Nội	Lựa chọn phương	Chọn phương diện	Phương diện	**7.0**

Tiêu chí	Tốt	Đạt (Khá)	Cần cố gắng	Điểm
dung	diện nghệ thuật đắt giá. Phân tích sâu sắc, làm bật được vẻ đẹp, sự rung cảm và thế giới hình ảnh sinh động.	phù hợp. Phân tích được nhưng đôi chỗ còn liệt kê, chưa thật sự "thấm".	lựa chọn sơ sài, phân tích chung chung, thiếu dẫn chứng.	
Sáng tạo & Cá tính	Có góc nhìn riêng, so sánh tứ thơ sáng tạo, thể hiện rõ "cái tôi" người viết và tinh thần thời đại.	Có cố gắng bày tỏ quan điểm cá nhân nhưng còn an toàn, chưa thật sự mới mẻ.	Viết rập khuôn, sao chép ý tưởng, không có dấu ấn riêng.	**1.0**
Chính tả, Ngữ pháp	Không mắc lỗi, dùng từ tinh tế, câu văn giàu nhịp điệu.	Mắc 1-2 lỗi nhỏ, diễn đạt trôi chảy.	Nhiều lỗi chính tả, câu văn lủng củng.	**1.0**
TỔNG				**10.0**

Đoạn văn tham khảo

Trong bút pháp tạo hình, Huy Cận đặc biệt chú trọng tới việc khai thác những hình ảnh, chi tiết "tả thực". Các hình ảnh thơ đều là sản phẩm của sự quan sát kĩ lưỡng, tinh nhạy hòa trong tình yêu con người, niềm tự hào thầm kín mà mãnh liệt với mảnh đất này mà nhà thơ có được. Hình ảnh: "Củi một cành khô lạc mấy dòng" sẽ còn được nhiều người nhắc đến như một kiểu mẫu trong bút pháp tạo hình. Bởi lẽ. nó không chỉ hay trong cách mà Huy Cận khai thác một thi liệu quen thuộc, gần gũi từ hiện thực đời sống và phương thức tạo hình của Huy Cận độc đáo vô cùng. "Củi" đã nhỏ bé, khô héo, xơ xác, thế nhưng còn ấn tượng hơn nữa khi Huy Cận liên kết hình ảnh ấy với một loạt những đặc tính đi kèm. Củi đã bé nhỏ nay nó chỉ có "một cành" ít ỏi, rồi lại còn "khô", cằn cỗi, vậy mà phải lênh đênh, trôi dạt "lạc mấy dòng". Câu thơ dường như không một chữ thừa. Tất cả cùng liên hợp, cộng hưởng ý nghĩa để hình ảnh "củi" gây ấn tượng mạnh mẽ về sự lẻ loi, đơn độc, bơ vơ và mất phương hướng. Bên cạnh đó, đặt trong bối cánh chung của khổ thơ đầu, hình ảnh củi ở câu bốn tạo ra sự tương phản với cái mênh mông, tít tắp của sông nước, tô đậm sự đơn chiếc, cô lẻ.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Từ những rung cảm trong bài, HS sáng tạo nên những sản phẩm nghệ thuật phù hợp với năng lực.
- Năng lực số: HS sử dụng AI để sáng tạo nội dung số (thơ, ảnh, nhạc) về không gian "Tràng giang".

+ Biết cách tạo lập, chỉnh sửa nội dung số từ các công cụ AI.

+ Điều chỉnh câu lệnh (prompt) để sản phẩm AI phù hợp với cảm xúc "đẹp mà buồn" của bài thơ.

b. Nội dung: Tổ chức cuộc thi "Tìm kiếm tài năng" (Tập 1).

c. Sản phẩm: HS viết cảm nghĩ, sáng tác thơ, nhạc hoặc hội họa về cảnh vật sông nước đẹp mà buồn.

d. Tổ chức thực hiện: Tổ chức cuộc thi sáng tạo bằng AI tại lớp nếu còn thời gian/ hoặc về nhà nếu không đủ thời gian.

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Chia lớp 3 nhóm:

- Nhóm 1 (Thi sĩ): Dùng Gemini/ChatGPT sáng tác 1 bài thơ ngắn về nỗi buồn *Tràng giang*.

- Nhóm 2 (Họa sĩ): Dùng Bing Image Creator/Canva vẽ cảnh sông nước buồn.

- Nhóm 3 (Nhạc sĩ): Dùng Suno AI tạo 1 đoạn nhạc buồn mang âm hưởng cổ điển.(Gợi ý: dùng Chat GPT hoặc và Gemini viết lời, sau đó dùng Suno để tạo thành bản nhạc và chia sẻ về nhóm lớp).

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm tự nhập "lệnh" (prompt) đơn giản vào công cụ AI để tạo sản phẩm.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện từng nhóm gửi file sản phẩm (ảnh, lời thơ, hoặc link nhạc) vào nhóm Zalo lớp để GV chiếu lên Tivi.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Cả lớp thả "Like" hoặc "Tim" trên Zalo cho sản phẩm mình ấn tượng nhất. GV tuyên dương nhóm thắng cuộc.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

1. Năng lực số

- ***4.3.NC1c - Bảo vệ sức khỏe và an sinh số:*** Thể hiện sự tôn trọng, văn hóa ứng xử, chuẩn mực đạo đức khi tham gia các diễn đàn thảo luận trực tuyến về bài thơ, góp phần lan tỏa giá trị nhân văn và tinh thần yêu nước.

2. Sản phẩm sáng tạo số

- Sáng tạo nghệ thuật bằng công nghệ AI: - Sản phẩm ở phần Vận dụng.

- Sơ đồ tư duy số: Hệ thống hóa kiến thức *Tràng giang* (nội dung, nghệ thuật) bằng Canva, XMind hoặc MindMeister (nếu có điều kiện)

- Trải nghiệm AI: Dùng AI tìm 2 bài thơ cùng chủ đề nỗi buồn/sự cô đơn, viết đoạn văn ngắn so sánh và tự nhận xét tính chính xác của AI.

2. Chuẩn bị bài mới (Con đường mùa đông - Pu-skin)

- Tra cứu AI: Tìm hiểu về chủ nghĩa lãng mạn của Pu-skin và ý nghĩa hình tượng "con đường mùa đông" bằng AI.

- Đối chiếu: Ghi lại câu trả lời của AI vào vở soạn, sau đó đối chiếu với SGK để kiểm chứng thông tin trước khi lên lớp.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO HỌC SINH

TT	Tên hoạt động	Tổ chức dạy học	Năng lực số
1	Hoạt động Hình thành kiến thức	- Yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, xử lý tư liệu và thuyết trình trước lớp.	**1.1.NC1b - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Sử dụng được máy tính, điện thoại để truy cập Internet chủ động tra cứu thông tin. **2.1.NC1a** - Biết sử dụng các công cụ, không gian số phổ thông để tương tác, chia sẻ và hợp tác thảo luận nhóm; áp dụng được các cách tạo lập, chỉnh sửa nội dung ở các định dạng số cơ bản để hệ thống hóa kiến thức đọc hiểu văn bản.
2	Hoạt động vận dụng	Yêu cầu HS tìm kiếm thông tin, tư liệu để so sánh, đối chiếu.	***4.3.NC1c - Bảo vệ sức khỏe và an sinh số:*** Thể hiện sự tôn trọng, văn hóa ứng xử, chuẩn mực đạo đức khi tham gia các diễn đàn thảo luận trực tuyến về bài thơ, góp phần lan tỏa giá trị nhân văn và tinh thần yêu nước.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết:...
VĂN BẢN 3: CON ĐƯỜNG MÙA DÔNG
(A-lếch-xan-đrơ Xec-ghê-ê-vích Pu-skin)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản thơ.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.

c. Năng lực số (NLS):

- **1.1.NC1b -** Sử dụng được máy tính, điện thoại để truy cập Internet chủ động tra cứu video, tư liệu về lịch sử nước Nga thế kỳ XĨ, mùa đông nước Nga, về tác giả Puskin và bài thơ "Con đường mùa đông".
- **2.1.NC1a -** Sử dụng được các không gian số phổ thông (như nhóm Zalo lớp, Padlet hoặc Google Drive) để tương tác, thảo luận nhóm.
- **3.1.NC1a -** đánh giá độ tin cậy của các nguồn tài liệu số về tác giả Pushkin.
- **6.3.NC1b -** Có tư duy phản biện khi sử dụng AI để gợi ý ý tưởng phân tích cấu tứ bài thơ; biết kiểm chứng và điều chỉnh lại sản phẩm của AI dựa trên SGK.
- **4.2.NC1a -** Thể hiện trách nhiệm tôn trọng bản quyền khi sử dụng tư liệu số; văn hóa ứng xử nhã nhặn, tôn trọng ý kiến bạn bè khi thảo luận qua nhóm Zalo lớp.

2. Phẩm chất

- Biết sống hòa đồng với con người, thiên nhiên.
- Biết trân trọng những nỗi buồn trong sáng vốn thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với cuộc đời.

- Giáo dục Lý tưởng & Bản lĩnh sống:

+ Bồi dưỡng ý chí vượt qua nghịch cảnh: "Con đường mùa đông" không chỉ là cảnh sắc thiên nhiên mà là ẩn dụ cho những gian khó, trắc trở trên đường đời. Bài học giúp HS rèn luyện bản lĩnh, không bi quan trước khó khăn (mùa đông) mà luôn hướng về "mái ấm" (giá trị đích thực, mục tiêu cao đẹp).

+ Lòng nhân ái: Biết trân trọng những nỗi buồn trong sáng, gắn bó sâu nặng với cuộc đời như tinh thần lãng mạn của Pushkin.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Thiết bị kỹ thuật số: Máy tính xách tay của giáo viên, hệ thống máy chiếu/màn hình Tivi tương tác thông minh tại lớp có kết nối Internet mạng ổn định.

- Thiết bị hỗ trợ cá nhân/nhóm: Điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng của học sinh (sử dụng có kiểm soát trong giờ học phục vụ khâu quét mã QR và tương tác số).

- Thiết bị truyền thống: Bảng phụ hoặc giấy A0, bút dạ đa màu cho các hoạt động thảo luận viết tay tại chỗ…

- Một số công cụ AI phục vụ, hỗ trợ dạy-học: tìm kiếm thông tin (ChatGPT & Gemini…); thiết kế nội dung trực quan (Canva AI, NotebookLM...); trò chơi tương tác (Quizizz (AI) & Kahoot (AI), Mentimeter); trợ lý thuyết tình và video (Gamma App, Canva); Sáng tạo âm thanh & Hình ảnh nghệ thuật (Suno…) (nếu có điều kiện).

2. Học liệu dạy học:

- Học liệu in ấn, bản word mềm: Sách giáo khoa Ngữ văn, Kế hoạch bài dạy (Giáo án) của giáo viên.

- Tư liệu tham khảo văn học: Sách *Về tác gia và tác phẩm"* (NXB Giáo dục), các bài viết phê bình văn học uy tín trực tuyến của các nhà nghiên cứu về giá trị nhân đạo trong tác phẩm để định hình đạo đức, lý tưởng sống cho học sinh.

- Học liệu số (Học liệu đa phương tiện): Mã QR dẫn link video, nền tảng bảng số tương tác chung của lớp (như Padlet/Zalo nhóm) dùng để thu thập và hiển thị nhanh câu trả lời của các nhóm học sinh.

- Công cụ đánh giá: các Rubric/Bảng kiểm đánh giá chéo năng lực thuyết trình và văn hóa ứng xử tranh luận của học sinh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Huy động tri thức nền và kinh nghiệm của học sinh về đề tài thiên nhiên, con người Nga để khơi gợi hứng thú, tạo tâm thế chủ động bước vào bài học mới.

- Phát triển Năng lực số (NLS):

+ 2.1.NC1a - Học sinh biết sử dụng thiết bị cá nhân để tương tác trực tiếp, phản hồi và chia sẻ ý kiến trên các nền tảng kỹ thuật số của lớp học (Padlet/Zalo nhóm).

+ 2.5.NC1a - Rèn luyện ý thức tôn trọng, chuẩn mực hành vi và văn hóa giao tiếp trực tuyến khi tham gia thảo luận nhanh trên không gian chung.

b. Nội dung hoạt động: Học sinh hoạt động cá nhân đan xen tương tác lớp, tham gia trò chơi "Kể chuyện theo tranh" số hóa để tái hiện trục cuộc đời tác giả và trả lời nhanh các câu hỏi tìm hiểu chung về tác phẩm.

c. Sản phẩm: Chuỗi trật tự logic đúng của các bức tranh về cuộc đời Pu-skin; câu trả lời của học sinh về các đặc điểm văn bản; nội dung ghi vở cốt lõi của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV trình chiếu mã QR/Link dẫn đến video trên Tivi để cả lớp xem video: https://www.youtube.com/watch?v=Q57_zc4ORKM (00:00 – 01:00) Và tinh thần Nga qua Kachiusa: https://www.youtube.com/watch?v=WSqoXRieV8Y (00:20 – 02:30) - GV nêu yêu cầu: Học sinh sử dụng điện thoại thông minh/máy tính bảng quét mã QR để truy cập trực tiếp vào bảng tin số dùng chung Padlet (hoặc Zalo nhóm lớp) và hoàn thành hệ thống câu hỏi tương tác nhanh 1. Em cảm nhận gì về thiên nhiên và con người Nga qua những Clip trên? 2. Thử tìm hiểu mối quan hệ giữa thiên nhiên khắc nghiệt Nga và tinh thần Nga vĩ đại? ***- Lệnh quy tắc số (2.5.NC1a):*** GV yêu cầu học sinh khi viết phản hồi trực tuyến phải dùng tiếng Việt chuẩn mực, tôn trọng ý kiến của các bạn khác, không sử dụng ngôn từ mạng lệch chuẩn. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS xem video, thảo luận nhóm nhanh trên nền tảng số (Zalo/Padlet) để tổng hợp ý kiến. - GV giám sát dòng dữ liệu thảo luận trên màn hình Tivi/máy tính cá nhân. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi HS đại diện báo cáo kết quả tổng hợp từ nhóm. - HS trình bày quan điểm cá nhân, nhận xét, bổ sung qua tương tác trực tiếp hoặc chia sẻ màn hình từ thiết bị cá nhân. **Bước 4: Đánh giá, kết luận**	***- Thiên nhiên:*** Rộng lớn, mênh mông, rất trong trẻo, thuần khiết nhưng khắc nghiệt, dữ dội. ***- Con người Nga:*** Kiên cường, dũng cảm, phóng khoáng, thuần hậu. ***- Mối quan hệ thiên nhiên – con người:*** Con người mến yêu thiên nhiên nhưng cũng đủ dũng mãnh để vượt qua thiên nhiên khắc nghiệt.

- GV chốt kiến thức. - GV dẫn dắt: Video không chỉ là tư liệu về nước Nga, mà là "cửa sổ" để ta bước vào "Con đường mùa đông" của Pushkin. Thiên nhiên khắc nghiệt là thử thách, tinh thần Nga là sức mạnh. Đó cũng là bài học về bản lĩnh cho mỗi chúng ta khi đối diện với "mùa đông" của cuộc đời.	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu:

- Nắm vững cuộc đời (bi kịch & vinh quang), phong cách thơ; hoàn cảnh sáng tác và những nét chính về bài thơ *Con đường mùa đông*.
- **Năng lực số (NLS):**
  + Biết cách đặt câu hỏi để tìm kiếm thông tin cốt lõi.
  + Kết nối các sự kiện rời rạc thành sơ đồ tư duy logic.

b. Nội dung: Tham gia *game* Quizz: Khám phá hành trình Puskin

c. Sản phẩm:

Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gửi mã trò chơi (Game Code) hoặc đường link Quizizz vào nhóm Zalo lớp. - GV nêu yêu cầu: "Đây là hành trình khám phá cuộc đời và tác phẩm của Pu-skin. Mỗi câu trả lời đúng không chỉ cộng điểm mà còn giúp các em thu thập các 'mảnh ghép' dữ liệu để hoàn thiện hồ sơ tác giả. Các em cần dùng điện thoại để truy cập và vượt qua 8 thử thách kiến thức." ***-> Phát triển NLS: 3.1.NC1a - Phát triển nội dung số (sử dụng công cụ số để truy cập và tương tác).*** **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS sử dụng điện thoại cá nhân truy cập Quizizz. GV bật chế độ "Classic" hoặc "Team Mode" (để HS hỗ trợ nhau nếu muốn). Trong quá trình làm bài, HS đối chiếu thông tin từ SGK với các câu hỏi trên ứng dụng. Đây là quá trình "kiểm chứng dữ liệu" (tra cứu và thẩm định tính chính xác). ***-> Phát triển NLS: 1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu,***	**I. Đọc -Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** - A-lếch-xan-đrơ Xéc-ghê-ê-vích Pu-skin (1799 – 1837) là người đặt nền móng cho văn học hiện thực Nga thế kỉ XIX. - Pu-skin được xem là "mặt trời của thi ca Nga". - Về nội dung: thơ của Pu-skin thể hiện tâm hồn khao khát tự do và tình yêu của nhân dân Nga. - **Về nghệ thuật**: Pu-skin có đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và phát triển ngôn ngữ văn học Nga hiện đại. **2. Tác phẩm** - **Thể loại**: Thể thơ trữ tình.

thông tin và nội dung số (tư duy phản biện và kiểm soát thiết bị số cá nhân trong thi đấu). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Sau khi kết thúc trò chơi, màn hình Tivi sẽ hiện bảng xếp hạng (Leaderboard) và bảng phân tích câu hỏi (Question Analysis). - GV không chỉ công bố người thắng cuộc, mà tập trung vào các câu hỏi có tỉ lệ sai cao (thường là kiến thức về hoàn cảnh sáng tác: Câu 6, 7, 8). GV đặt câu hỏi phản biện: "Tại sao câu hỏi về 'Nguồn cảm hứng' lại khiến nhiều bạn phân vân?". HS thảo luận dựa trên kết quả thống kê số liệu của Quizizz. ***-> Phát triển NLS: 3.2.NC1a - Tích hợp và tạo lập lại nội dung số (phân tích dữ liệu số để rút ra kiến thức).*** **Bước 4: Đánh giá, kết luận-** - GV chốt lại "Bức chân dung Pu-skin" đã được hoàn thiện từ các mảnh ghép dữ liệu (như sơ đồ chuẩn hóa đã thiết kế). - GV nhấn mạnh lại vị thế "Mặt trời thi ca Nga" và nỗi buồn hiện sinh trong bài thơ *Con đường mùa đông* để dẫn dắt vào phần đọc hiểu chi tiết. - GV yêu cầu HS chụp màn hình kết quả hoặc lưu "Báo cáo học tập" (nếu có) để làm tư liệu cá nhân. ***-> Phát triển NLS: 3.1.NC1a - Phát triển nội dung số (quản lý dữ liệu cá nhân trong môi trường số).***	- **Phương thức biểu đạt chính**: Biểu cảm. - **Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác**: + Ra đời: Mùa đông năm 1826. + *Bối cảnh lịch sử:* Cuộc khởi nghĩa của giới trí thức quý tộc tiến bộ chống chế độ nông nô thất bại (đầu năm 1826). + *Nguồn cảm hứng:* ++ Nỗi buồn riêng nơi đày ải ++ Nỗi buồn chung của nhân dân ++ Khát vọng vượt qua nghịch cảnh.

PHỤ LỤC: BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM: KHÁM PHÁ HÀNH TRÌNH PUSKIN

Câu 1. Pu-skin (1799 – 1837) được biết đến là người đặt nền móng cho trào lưu văn học nào ở Nga thế kỷ XIX?

A. Văn học lãng mạn.

B. Văn học hiện thực.

C. Văn học cổ điển.

D. Văn học hậu hiện đại.

Câu 2. Danh hiệu nào sau đây thường được dùng để gọi Pu-skin, khẳng định vị thế vĩ đại của ông trong văn học?

A. "Mặt trời của thi ca Nga".

B. "Ngọn hải đăng văn chương Nga".

C. "Người khai sáng văn học Nga".

D. "Đại thi hào dân tộc Nga".

Câu 3. Nội dung chính trong thơ của Pu-skin hướng tới điều gì?

A. Tôn vinh vẻ đẹp của hoàng gia Nga.

B. Miêu tả những cuộc phiêu lưu viễn tưởng.

C. Thể hiện tâm hồn khao khát tự do và tình yêu nhân dân.

D. Phê phán lối sống của tầng lớp trí thức.

Câu 4. Đóng góp quan trọng nhất của Pu-skin về mặt nghệ thuật là gì?

A. Sáng tạo ra nhiều thể loại thơ mới lạ.

B. Việt hóa các thi liệu phương Tây.

C. Xây dựng và phát triển ngôn ngữ văn học Nga hiện đại.

D. Phổ biến cách viết thơ bằng tiếng Pháp.

Câu 5. Bài thơ *Con đường mùa đông* thuộc thể loại và phương thức biểu đạt nào?

A. Thể thơ tự do; Phương thức tự sự.

B. Thể thơ trữ tình; Phương thức biểu cảm.

C. Thể thơ đường luật; Phương thức miêu tả.

D. Thể loại trường ca; Phương thức nghị luận.

Câu 6. Tác phẩm *Con đường mùa đông* ra đời vào thời gian nào?

A. Mùa hè năm 1825.

B. Mùa xuân năm 1826.

C. Mùa đông năm 1826.

D. Mùa thu năm 1827.

Câu 7. Bối cảnh lịch sử nào đã tác động mạnh mẽ đến quá trình sáng tác bài thơ?

A. Chiến tranh vệ quốc chống phát xít.

B. Cuộc khởi nghĩa của trí thức quý tộc chống nông nô thất bại.

C. Cuộc cách mạng vô sản Nga năm 1917.

D. Thời kỳ vàng son của chế độ Nga hoàng.

Câu 8. Nguồn cảm hứng chính tạo nên bài thơ là gì?

A. Niềm vui chiến thắng và hy vọng vào tương lai.

B. Nỗi nhớ người yêu và gia đình nơi quê xa.

C. Nỗi buồn riêng đày ải kết hợp nỗi buồn chung của nhân dân.

D. Sự chán nản về cảnh sắc thiên nhiên nước Nga.

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: cấu tứ, ngôn từ, thi liệu, hình ảnh, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản thơ.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.

- Năng lực số:

+ **1.2.NC1a:** Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số: HS biết lọc và lựa chọn thông tin từ văn bản số để phục vụ mục đích phân tích.

+ **3.2.NC1a:** Tích hợp và tạo lập lại nội dung số: HS làm việc nhóm trên không gian số để hệ thống hóa kiến thức thành các sản phẩm trình bày trực quan.

b. Nội dung hoạt động:

- **Hoạt động cá nhân (Số hóa quá trình đọc):** HS đọc văn bản trên màn hình (được GV chia sẻ qua Google Docs/Slides). HS sử dụng tính năng "Ghi chú" (Comment) trên điện thoại hoặc máy tính bảng để highlight các từ ngữ/hình ảnh tượng trưng ấn tượng.
- **Hoạt động nhóm (Cộng tác số):** HS có thể thảo luận theo nhóm bàn hoặc trên **Padlet**. Mỗi nhóm được phân công một "trạm dữ liệu" trên không gian số để giải quyết các yêu cầu về nghệ thuật và nội dung (như đã thiết kế ở gợi ý trước).

c. Sản phẩm:

- **Sản phẩm cá nhân:** Các ghi chú (comment) trực tiếp trên văn bản số và bản tóm tắt ý chính của cá nhân trong phần thảo luận nhóm.
- **Sản phẩm nhóm:** 01 **Bản đồ kiến thức số** (được hoàn thiện trên Padlet/Canva) thể hiện sự kết nối giữa hình thức nghệ thuật và tư tưởng của bài thơ.

Yêu cầu về NLS: Sản phẩm phải thể hiện được khả năng chắt lọc dữ liệu và cấu trúc thông tin.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chỉ định HS đọc diễn cảm thành tiếng (1 HS đọc bản dịch nghĩa, 1 HS đọc bản dịch thơ). - GV yêu cầu HS chú ý những chú thích và nội dung các thẻ chỉ dẫn. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét cách đọc của HS. - GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu clip đọc văn bản https://www.youtube.com/watch?v=Srbzc2WDJ1U	**II. Đọc và tìm hiểu chú thích** **1. Đọc văn bản** **2. Tìm hiểu chú thích**
***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản**	**III. Khám phá văn bản**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm, gửi đường link bảng nhiệm vụ lên Zalo lớp. HS truy cập bằng điện thoại để nhận yêu cầu chi tiết. - GV cho phép HS sử dụng các công cụ AI (như ChatGPT, Gemini...) để gợi ý tư liệu ban đầu, nhưng yêu cầu các nhóm phải lưu lại kết quả do AI cung cấp để làm căn cứ "phản biện" ở bước sau. *(Phát triển năng lực số: 1.2.NC1a - Năng lực tìm kiếm và đánh giá sơ bộ thông tin từ nguồn AI)* **Nhóm 1: Tìm hiểu *Con đường mùa đông* - Mạch cảm xúc phong phú của nhân vật trữ tình:** - Xác định cảm hứng chủ đạo của bài thơ. - Sự chuyển biến thời gian, không gian và tâm tư nhân vật trữ tình: Xác định không gian, thời gian tâm tưởng của nhân vật trữ tình trong hai khổ thơ 5 - 6. Hãy hình dung nhân vật trữ tình được tận hưởng những gì và tiếp tục đấu tranh với nỗi buồn ra sao? **Nhóm 2: Tìm hiểu *Con đường mùa đông* - Yếu tố tương trưng tạo sức hấp dẫn riêng:** - Nhan đề bài thơ *Con đường mùa đông* gợi cho bạn những liên tưởng gì? - Những hình ảnh (“trăng”, “cột sọc chỉ đường”) và âm thanh (“tiếng lục lạc”, “kim đồng hồ kêu tích tắc”) trong bài thơ đã diễn tả mâu thuẫn giữa nỗi buồn với ý thức vận động vượt qua trở ngại của nhân vật trữ tình trên con đường mùa đông như thế nào? **- Những hình tượng** “xe tam mã”, “bài ca của người xà ích”, “mái lều, ánh lửa”, “Nhi-na” có ý nghĩa tinh thần thế nào đối với hành trình của nhân vật trữ tình trên “con đường mùa đông”?	**1. *Con đường mùa đông* - Mạch cảm xúc phong phú của nhân vật trữ tình** **a. Cảm hứng chủ đạo không đơn giản chỉ là nỗi buồn** - Bài thơ chứa nhiều cung bậc cảm xúc: + **Buồn – vui** + **Tĩnh – động** + **Sáng – tối** + **Đơn điệu – mới lạ** - Trong tuyết lạnh, nhân vật trữ tình vẫn hướng về: + **Lò lửa đỏ** + **Mái ấm gia đình** + **Sự sum họp** + **Người yêu thương** - Khát vọng ấy giúp nhân vật trữ tình: + Không ủy mị, bi lụy. + Càng tha thiết yêu thiên nhiên, cuộc sống và cái đẹp. + Tin tưởng có thể vượt lên số phận. → **Nỗi buồn bao trùm bài thơ nhưng là nỗi buồn trong sáng, thanh lọc tâm hồn, mang đậm dấu ấn Pu-skin và tâm hồn Nga.** **b. Sự chuyển biến của không gian, thời gian và tâm trạng** **- Chuyển biến không gian:** Con đường mùa đông hoang vắng → Bên lò lửa đỏ. **- Chuyển biến thời gian:** Đêm lạnh lẽo hiện tại → Đêm đông ấm áp của ngày mai. **- Chuyển biến tâm trạng** + Buồn đau nhưng không tuyệt vọng, không bi lụy. + Liên tục vượt lên nỗi buồn bằng cách hướng về: ++ Người yêu (Nhi-na). ++Lò lửa đỏ. ++ Mái ấm gia đình. ++ Niềm hy vọng đoàn tụ, sum họp.

Nhóm 3: Tìm hiểu *Con đường mùa đông* - Cách cấu trúc hình tượng thơ độc đáo: + Nêu nhận xét về những hình tượng thơ được điểm lại trong khổ thơ cuối. Hãy chia sẻ suy nghĩ của bạn về cách lấy lại cảm giác bình yên trên những "con đường mùa đông" trong cuộc đời. + Xác định những hình ảnh, hoạt động tương phản trong khổ 4. Nhân vật trữ tình xuất hiện ở khổ thơ này có còn chìm trong cảnh vật u buồn nữa không? Vì sao? **Nhóm 4: Tìm hiểu *Con đường mùa đông* - Sức hấp dẫn từ cấu tứ độc đáo:** - Bạn có nhận xét gì về cấu tứ của bài thơ? Hãy liên hệ với một bài thơ khác có kiểu cấu tứ này mà bạn biết. ***Sau thảo luận, HS các nhóm lựa chọn đại diện lên tham gia buổi sinh hoạt *CLB người yêu thơ Puskin* với chuyên mục: *Con đường mùa đông – Yếu tố tượng trưng trong một tứ thơ lạ*** - GV lựa chọn MC dẫn chương trình (Dựa vào hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo nhiệm vụ của các nhóm ở trên) **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS sử dụng điện thoại để vừa thu thập gợi ý từ AI, vừa đối chiếu với sách giáo khoa và tư liệu văn bản. - Các nhóm thực hiện **hoạt động kiểm chứng**: thảo luận xem đâu là ý kiến đúng, đâu là ý kiến AI "suy diễn" hoặc chưa phù hợp với phong cách Pu-skin, từ đó thống nhất sản phẩm cuối cùng của nhóm (bản word/slide) để trình bày. *(Phát triển năng lực số: 1.3.NC1a - Năng lực thẩm định, kiểm chứng tính xác thực của thông tin số và AI)* **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Các nhóm tham gia CLB "Người yêu	**2. *Con đường mùa đông* – Yếu tố tương trưng tạo sức hấp dẫn riêng** **a. Nhan đề mang sắc màu biểu trưng** **- "Con đường mùa đông"** gợi: + Con đường cô đơn, vắng vẻ, băng giá, mịt mù. + Cảm giác lạnh lẽo, đơn độc và thê lương. - Đồng thời biểu trưng cho **hoàn cảnh và tâm trạng** của tác giả: + Cô đơn. + Lạnh lẽo. + Đau khổ. **b. Chuỗi hình ảnh, âm thanh mang tính biểu tượng** **- Hình ảnh: *Trăng, cột chỉ đường*:** Gợi không gian hun hút, xa thẳm, mông lung, quạnh quẽ. **- Âm thanh: *Tiếng lục lạc, tiếng đồng hồ tích tắc*** + Gợi sự đơn điệu, buồn tẻ. + Khơi dậy những hoài niệm thương yêu. → **Ý nghĩa:** Những hình ảnh mang tính vật chất, cụ thể đã diễn tả mâu thuẫn giữa nỗi buồn với ý thức vận động vượt qua trở ngại của nhân vật trữ tình trên con đường mùa đông - Những hình ảnh, âm thanh cụ thể diễn tả sự giằng co giữa: **+ Nỗi buồn, sự mệt mỏi** của người lữ khách. **+ Ý thức vượt lên nghịch cảnh**. - Trong tuyết lạnh, nhân vật trữ tình vẫn hướng về: ++ Mái ấm gia đình. ++ Sự sum họp. ++ Người yêu thương. Vì vậy, nhân vật trữ tình **không bi lụy** mà vẫn yêu thiên nhiên, cuộc sống, cái đẹp

thơ Pu-skin". Tại đây, MC điều phối hoạt động trình chiếu qua Tivi. Đặc biệt, khi đại diện nhóm trình bày, cần nêu rõ: "Phần kiến thức này nhóm chúng em thống nhất dựa trên văn bản, và đã lược bỏ/chỉnh sửa những điểm AI chưa chính xác". - Các nhóm khác đặt câu hỏi chất vấn về độ tin cậy của các luận điểm. *(Phát triển năng lực số: 2.3.NC1b - Năng lực tranh luận và giao tiếp phản biện trong môi trường số)* **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, đánh giá hoạt động nhóm (theo Rubric 1). - GV chốt kiến thức chuẩn trên Tivi, đồng thời tổng kết về "cách dùng AI thông minh": AI là trợ lý, còn tư duy thẩm mỹ và cảm nhận văn học là ở chính HS. GV biểu dương các nhóm có ý kiến phản biện lại AI sắc sảo nhất. *(Phát triển năng lực số: 5.1.NC1a - Năng lực đánh giá, tự đánh giá dựa trên dữ liệu số và tư duy logic)*	và tin vào tương lai. **c. Các hình tượng biểu tượng** **- Xe tam mã – Bài ca người xà ích** + Gợi những nét thân thuộc của tâm hồn Nga. + Khơi lên nỗi buồn dịu ngọt. **- Mái lều – Ánh lửa:** Biểu tượng của mái ấm, hạnh phúc gia đình. - **Nhi-na:** Tên người yêu được nhắc đến để xua vơi nỗi buồn và cô đơn. **3. *Con đường mùa đông* – Cách cấu trúc hình tượng thơ độc đáo** **a. Bố trí hình ảnh theo kiểu đầu – cuối tương ứng** - Những hình tượng ở khổ cuối được lặp lại để khắc sâu tâm trạng người lữ hành. - Mạch cảm xúc chuyển từ **mơ tưởng** trở về **thực tại**: + Con đường mùa đông lạnh lẽo. + Con đường đi đày với nỗi buồn, cô đơn. - Qua đó gợi suy nghĩ: điểm tựa giúp con người vượt qua những "con đường mùa đông" của cuộc đời là **gia đình, tình yêu và những điều tốt đẹp hướng tới**. **b. Hệ thống tương phản** **- Các hình ảnh tương phản:** + *"Không một ánh lửa, không một mái lều"* ↔ *"Rừng sâu và tuyết bao la"*. + *"Những cột sọc chỉ đường"* ↔ *"ngược chiều tôi"*. **- Ý nghĩa:** + Nhân vật trữ tình vẫn buồn nhưng không còn chìm đắm trong nỗi buồn. + Hướng về thực tại, tìm kiếm: Ngôi lều - Ánh lửa - Điểm tựa để sưởi ấm tâm hồn. + Cột chỉ đường gợi sự bớt cô đơn và sẵn sàng tiếp tục hành trình với niềm tin vào tương lai. **4. *Con đường mùa đông* – Sức hấp dẫn từ cấu tứ độc đáo**

	- Cấu tứ bài thơ + Hình ảnh **con đường mùa đông** cùng các hình ảnh trong tâm tưởng (**trăng, lò sưởi, mái lều, ánh lửa...**) được lặp lại, tạo **kết cấu đầu – cuối tương ứng**. + Hình ảnh **con đường mùa đông** và từ **"buồn"** xuất hiện với tần số cao, khắc họa: ++ Con đường lưu đày. ++ Con đường ly biệt. ++ Nỗi cô đơn, lạnh lẽo của nhân vật trữ tình.

Rubric 1. Đánh giá hoạt động nhóm

Tiêu chí	Cần cố gắng (1-2đ)	Đạt (3đ)	Tốt (4đ)	Xuất sắc (5đ)
Nội dung văn học (Trọng tâm)	Nội dung sơ sài, chưa giải quyết được các câu hỏi của nhóm.	Nội dung đầy đủ, bám sát văn bản, trả lời đúng các câu hỏi.	Nội dung sâu sắc, có liên hệ, diễn giải mạch lạc.	Nội dung sáng tạo, có chiều sâu cảm thụ, dẫn chứng thuyết phục.
Phản biện & Kiểm chứng AI	Chấp nhận hoàn toàn ý kiến của AI mà không đối chiếu.	Có sử dụng AI nhưng kiểm chứng sơ sài, thiếu sự đối chiếu văn bản.	Biết lọc thông tin AI, có thảo luận về những điểm chưa hợp lý.	Phản biện AI sắc sảo, chỉ ra được các điểm AI suy diễn sai, thể hiện tư duy độc lập.
Kỹ năng cộng tác số	Không có sự phân công, các thành viên không tương tác trên file chung.	Có phân công nhưng sự phối hợp trên nền tảng số còn thụ động.	Cộng tác nhịp nhàng, đóng góp ý kiến trực tiếp trên file/slide chung.	Cộng tác hiệu quả, biết cách quản lý luồng thông tin trên nền tảng số.
Trình diễn & Công nghệ	Sản phẩm đơn điệu, không tận dụng được Tivi/điện thoại.	Sản phẩm rõ ràng, sử dụng được công cụ trình chiếu.	Sản phẩm trực quan, thẩm mỹ, biết dùng công cụ để hỗ trợ diễn đạt.	Sản phẩm chuyên nghiệp, sáng tạo, làm chủ công cụ để tăng sức hút

Tiêu chí	Cần cố gắng (1-2đ)	Đạt (3đ)	Tốt (4đ)	Xuất sắc (5đ)
				cho bài nói.

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu:

- Khái quát hóa được toàn bộ nội dung và nghệ thuật của văn bản thông qua hình thức trò chơi thi đấu.
- **Năng lực số:**

  + 1.2.NC1a (Chọn lọc thông tin số): HS đọc nhanh câu hỏi trên Tivi, đối chiếu với kiến thức đã học trên thiết bị số để lựa chọn đáp án đúng trong thời gian giới hạn.

  + 3.2.NC1a (Tương tác trên nền tảng số): HS sử dụng thao tác chạm/nhấn trên điện thoại để phản hồi dữ liệu tức thì lên hệ thống, tạo lập bảng xếp hạng thời gian thực.

b. Nội dung:

HS tham gia trò chơi "Giải mã Con đường mùa đông" (Sử dụng Kahoot hoặc Quizizz)

c. Sản phẩm:

- Đáp án của mỗi HS trên điện thoại (được hệ thống lưu trữ kết quả để GV đánh giá mức độ hiểu bài.
- Bảng xếp hạng và kết quả phân tích dữ liệu (biểu đồ câu hỏi sai nhiều/ít) hiển thị trên Tivi giúp GV chốt lại những kiến thức học sinh còn chưa nắm chắc.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV gửi mã tham gia (Game code) trò chơi "Giải mã Con đường mùa đông" qua Zalo lớp. GV nêu rõ mục tiêu: HS sử dụng điện thoại để thi đấu, đồng thời thực hiện thao tác "chọn lọc thông tin" (đối chiếu đáp án với văn bản) để xây dựng tư liệu tổng kết. ***(Phát triển năng lực số: 1.2.NC1a - Chọn lọc thông tin từ văn bản số: HS phải nhanh chóng lọc ý chính từ các đáp án để chọn phương án đúng).*** **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS dùng điện thoại tham gia trò chơi cá nhân trên Quizizz. Trong quá trình chơi, HS vừa chọn đáp án, vừa ghi chú nhanh 01 từ khóa quan trọng về nội dung/nghệ thuật vào ứng dụng ghi chú cá nhân (để làm tư liệu cho bước	**IV. Tổng kết** **1. Nội dung** - *Con đường mùa đông* là sự băn khoăn pha chút lo lắng của nhà thơ đối với cuộc đời và đất nước. - Tuy lắng sâu trong nỗi buồn nhưng nhân vật trữ tình vẫn tìm được điểm tựa tinh thần cho chính mình, không để bị chìm sâu trong nỗi buồn riêng của bản thân, trong nỗi buồn chung của đất nước. **2. Nghệ thuật** - Cấu tứ độc đáo với sự đối xứng, tương phản về hình ảnh. - Bài thơ là chuỗi những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng độc đáo.

sau). - GV quan sát kết quả thời gian thực trên Tivi để nắm bắt các kiến thức HS còn lúng túng. ***(Phát triển năng lực số: 3.2.NC1a - Tích hợp nội dung số: HS tích hợp kiến thức từ kết quả* Quizizz *và ghi chú cá nhân để chuẩn bị nguyên liệu cho sơ đồ).*** **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Sau trò chơi, GV trình chiếu bảng xếp hạng và các câu hỏi có tỷ lệ sai cao nhất lên Tivi. HS làm việc nhóm nhỏ trong 2 phút để thảo luận và "giải mã" lý do vì sao chọn đáp án đó trên Padlet. Đại diện nhóm sử dụng điện thoại thao tác "kéo/thả" các từ khóa đã chuẩn bị ở Bước 2 vào đúng cột [Nội dung] hoặc [Nghệ thuật] trên sơ đồ chung. *(Phát triển năng lực số: 3.2.NC1a - Tạo lập sơ đồ số: HS phối hợp cộng tác để hệ thống hóa kiến thức từ trò chơi thành sơ đồ trực quan trên không gian số).* **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV dựa vào dữ liệu trên Quizizz và sơ đồ hoàn chỉnh trên Padlet để chốt kiến thức: Tâm thế băn khoăn - Điểm tựa tinh thần (Nội dung) và Cấu tứ - Biểu tượng (Nghệ thuật). GV khen thưởng "Top 3 lữ hành thông thái" và các nhóm có sơ đồ số logic nhất. ***(Phát triển năng lực số: 1.2.NC1a - Đánh giá nội dung số: HS tự đánh giá mức độ hiểu bài thông qua kết quả trò chơi và sơ đồ tổng kết).***	

PHỤ LỤC: BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TỔNG KẾT

Câu 1: Tâm thế chủ đạo của nhân vật trữ tình trên "con đường mùa đông" là gì?

A. Tuyệt vọng, bi lụy trước cảnh thiên nhiên hoang vắng.

B. Buồn man mác, băn khoăn về cuộc đời nhưng vẫn tràn đầy khao khát sống.

C. Hào hứng, mong chờ một hành trình mới đầy thú vị.

D. Thờ ơ, vô cảm trước những thay đổi của không gian và thời gian. *(Đáp án đúng: B)*

Câu 2: Hình ảnh nào trong bài thơ được xem là "điểm tựa tinh thần" giúp nhân vật trữ tình vượt qua sự cô đơn?

A. Cánh đồng xa và ánh trăng mờ.

B. Tiếng lục lạc và tiếng kim đồng hồ.

C. Ánh lửa, mái lều và tình yêu dành cho Nhi-na.
D. Những cột sọc chỉ đường ngược chiều.
(Đáp án đúng: C)
Câu 3: Việc nhân vật trữ tình nghĩ về sum họp ngay trong cảnh chia ly cho thấy phẩm chất gì?
A. Sự mơ mộng xa rời thực tế.
B. Sự lạc quan, bản lĩnh kiên cường, khao khát hơi ấm tình người.
C. Sự yếu đuối, không chấp nhận hiện thực khắc nghiệt.
D. Sự lạnh lùng, không bận tâm đến hoàn cảnh xung quanh.
(Đáp án đúng: B
Câu 4: Cấu tứ bài thơ tạo nên kết cấu đầu - cuối tương ứng nhờ sự lặp lại của hình ảnh nào? A. Hình ảnh "xe tam mã" và "tiếng lục lạc".
B. Hình ảnh "ánh trăng" và "rừng sâu".
C. Hình ảnh "con đường mùa đông" cô đơn và các hình ảnh tâm tưởng (ánh lửa, Nhi-na).
D. Hình ảnh "người xà ích" và "cột chỉ đường".
(Đáp án đúng: C)
Câu 5: Trong bài thơ, các chi tiết "tiếng lục lạc", "kim đồng hồ", "cột chỉ đường" gợi lên ý nghĩa biểu tượng gì?
A. Sự đơn điệu, nhàm chán của một chuyến đi dài.
B. Sự thúc giục của thời gian và ý thức vận động vượt qua nỗi buồn của lữ khách.
C. Sự hoài niệm về quá khứ xa xôi của nhà thơ.
D. Sự sợ hãi trước một tương lai bất định.
(Đáp án đúng: B)
Câu 6: Thủ pháp đối lập giữa "rừng sâu, tuyết bao la" và "mái lều, ánh lửa" có tác dụng gì? A. Làm nổi bật sự khắc nghiệt của thiên nhiên.
B. Nhấn mạnh sự cô đơn tuyệt đối của nhân vật trữ tình.
C. Làm nổi bật khát vọng tìm về sự ấm áp của mái ấm và tình người.
D. Tô đậm vẻ đẹp hoang sơ của cảnh sắc nước Nga.
(Đáp án đúng: C)

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:
- Viết được đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích hình ảnh biểu tượng đặc sắc trong bài thơ *Con đường mùa đông*.
- **Năng lực số:**
  + Biết sử dụng AI để nhận phản hồi (feedback) và thẩm định, kiểm chứng tính xác thực, logic của lập luận cá nhân.
  + Tương tác, thảo luận và phản biện xã hội trong môi trường số dựa trên các ý kiến đóng góp từ công cụ hỗ trợ.

b. Nội dung:
- Đọc kết nối viết: HS thực hiện viết đoạn văn, sử dụng AI làm trợ lý biên tập để phản biện và hoàn thiện bài làm.

c. Sản phẩm: 01 đoạn văn hoàn chỉnh (bản chính đã được HS điều chỉnh dựa trên sự tương tác với AI).

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về một hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng mà bạn cho là đặc sắc nhất trong bài thơ *Con đường mùa đông*.
- GV yêu cầu HS sử dụng "lệnh" (prompt) sau để tương tác với AI:

*"Bạn hãy đóng vai một **giáo viên Ngữ văn lớp 11**. Tôi đã viết đoạn văn phân tích hình ảnh biểu tượng [Tên hình ảnh] trong bài thơ 'Con đường mùa đông' của Puskin. Hãy đọc và chỉ ra cho tôi 2 điểm mạnh về cảm thụ văn học và 2 điểm cần cải thiện để đoạn văn sâu sắc hơn, bám sát phong cách nghệ thuật của Puskin."*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS viết bản nháp vào Google Forms hoặc trên vở sau đó nộp bài vào link hoặc chụp ảnh gửi AI.
- HS sử dụng câu lệnh trên để lấy phản hồi từ AI.

Lưu ý quan trọng: GV hướng dẫn HS: *"Vì là giáo viên lớp 11, AI có thể đưa ra những gợi ý mang tính học thuật. Nếu AI gợi ý điều gì đó mà em thấy chưa phù hợp với cảm nhận của mình, em có quyền thảo luận lại hoặc không thay đổi, miễn là em có lý do thuyết phục."* (Đây là cách để rèn luyện sự tự chủ cho HS).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn 2-3 bài viết tốt để trình chiếu lên Tivi.
- HS khác quan sát, nhận xét theo Rubric 2. GV đặt câu hỏi trọng tâm: *"Dựa vào góp ý của AI, em đã thay đổi điều gì trong bài viết của mình và tại sao em tin tưởng sự thay đổi đó?"*

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá bài viết theo Rubric 2.

Nhấn mạnh: AI chỉ là công cụ phản biện, tư duy cảm thụ văn học mới là cốt lõi.

Rubric 2. Đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mức 1 (Cần cố gắng)	Mức 2 (Đạt)	Mức 3 (Tốt)	Mức 4 (Xuất sắc)
Nội dung & Hình ảnh	**1.0 đ** Lạc đề; chọn sai hình ảnh hoặc không phân tích được.	**2.0 đ** Chọn đúng hình ảnh; mới chỉ liệt kê nội dung sơ lược.	**3.0 đ** Phân tích được ý nghĩa tượng trưng của hình ảnh.	**4.0 đ** Phân tích sâu sắc; kết nối hình ảnh với tư tưởng bài thơ.
Kỹ năng	**1.0 đ**	**2.0 đ**	**3.0 đ**	**4.0 đ**

Tiêu chí	Mức 1 (Cần cố gắng)	Mức 2 (Đạt)	Mức 3 (Tốt)	Mức 4 (Xuất sắc)
viết	Sai dung lượng; diễn đạt rời rạc, khó hiểu.	Đúng dung lượng (~150 chữ); diễn đạt cơ bản.	Mạch lạc; có dẫn chứng thơ; lý lẽ thuyết phục.	Sáng tạo; giàu cảm xúc; cấu trúc lập luận chặt chẽ.
Tương tác với AI	**0.5 đ** Không dùng AI hoặc chép nguyên văn AI.	**1.0 đ** Dùng AI lấy ý tưởng nhưng không có tư duy chỉnh sửa.	**1.5 đ** Biết tiếp thu 1-2 góp ý của AI để cải thiện bài làm.	**2.0 đ** Biết phản biện AI; chọn lọc góp ý đắt giá để tối ưu tư duy.

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Nhân vật trữ tình cảm tưởng cuộc đời chàng sao phiền muộn và không có nhiều hy vọng, hệt cảnh **"cỗ xe tam mã"** lao đi trong đêm vắng lặng trên con đường mùa đông. **Chiếc xe tam mã** và người lữ hành như bị bao vây bởi rừng sâu và tuyết trắng; những cột cây số hữu hình mà vô cảm đang chạy ngược chiều… Pu-skin đã "vẽ" lên một bức tranh thủy mặc với gam màu đen trắng: ánh trăng trắng, tuyết trắng, mặt trăng trắng, sương trắng trên cái nền đen sẫm của rừng. Trên con đường mùa đông kéo dài tưởng chừng như vô tận, **"cỗ xe tam mã băng đi"** - một cỗ xe "Nga", vô cùng thân thiết với tâm hồn Nga còn có cả khúc nhạc dịu êm, du dương: tiếng lục lạc đơn điệu buồn tẻ, khúc hát dân ca của người xà ích "Như niềm vui mừng khôn xiết/ Như nỗi buồn nặng đìu hiu", làm dấy lên trong lòng lữ khách một nỗi buồn dịu ngọt. Kết thúc bài thơ vẫn là tiếng: "Nhạc ngựa đều đều buông xa thẳm", gieo vào lòng người một nỗi buồn da diết, khôn nguôi. Không gian đêm trên "con đường mùa đông" tĩnh lặng, hiu quạnh. Những âm thanh khe khẽ tuy giúp cho bức tranh cựa mình nhưng lại làm nổi bật cái im lìm của đêm đông. Trên cái nền thiên nhiên trong trẻo, thanh khiết, đẹp chân thực mà hoang liêu vô cùng, **cỗ xe tam mã** độc hành sao cô đơn đến vậy?

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS sử dụng rung cảm cá nhân để sáng tạo các sản phẩm nghệ thuật (thơ, nhạc, họa) lấy cảm hứng từ bài thơ *Con đường mùa đông*.
- **Năng lực số:**

+ HS biết sử dụng các công cụ AI (như AI vẽ tranh, AI hỗ trợ sáng tác thơ/nhạc) để hiện thực hóa ý tưởng sáng tạo.

+ HS biết cách đăng tải và giới thiệu sản phẩm nghệ thuật trên không gian số của lớp.

b. Nội dung: Tổ chức cuộc thi sáng tạo "Con đường mùa đông trong mắt tôi" thông qua việc kết hợp kỹ năng cá nhân và công cụ AI.

c. Sản phẩm: Các sản phẩm nghệ thuật (bản vẽ số/giấy, đoạn thơ, giai điệu) do HS sáng tác.**d. Tổ chức thực hiện**:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV phát động cuộc thi: HS sáng tác theo năng khiếu (viết, vẽ, nhạc).

Điểm nhấn AI: HS có thể sử dụng các công cụ AI hỗ trợ (ví dụ: dùng AI tạo ý tưởng hình ảnh, dùng AI gợi ý từ ngữ cho thơ hoặc phối hợp giai điệu).

- GV chia lớp 2 khu vực: **Sáng tạo truyền thống** (giấy, bút) và **Sáng tạo số** (sử dụng điện thoại/máy tính bảng với AI).

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- **Khu vực truyền thống:** HS vẽ tay hoặc viết cảm nghĩ bằng bút.
- **Khu vực AI (Số hóa):** HS sử dụng điện thoại để ra lệnh cho AI (vd: tạo bảng màu mùa đông, gợi ý từ khóa cho bài thơ mới). HS phải thuyết minh: *"Phần nào là ý tưởng của mình, phần nào là sự gợi ý của AI"*.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

HS trình bày sản phẩm. Với các sản phẩm dùng AI, HS chia sẻ màn hình hoặc dùng Tivi để trình chiếu quá trình "ra lệnh" cho AI tạo ra sản phẩm đó.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV tuyên dương sự sáng tạo. GV nhấn mạnh: AI chỉ là "cây cọ" hoặc "cây bút", người thổi hồn vào nghệ thuật vẫn là chính các em.
- Chấm điểm dựa trên: Tính sáng tạo, sự kết nối với văn bản gốc và cách HS làm chủ công cụ AI.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

1. Hoàn thiện bài học:

- Hoàn thiện sơ đồ tư duy số (Padlet/Canva).
- Tự đánh giá đoạn văn viết tại lớp theo Rubric (đã gửi).
- *Gợi ý AI:* Dùng AI phản biện để bổ sung luận điểm cho sơ đồ nếu cần.

2. Đọc mở rộng:

- Đọc thơ cùng chủ đề/tác giả Puskin.
- Chia sẻ link/cảm nhận nhanh lên nhóm Zalo lớp.

3. Chuẩn bị bài mới (Thực hành đọc: *Thời gian* – Văn Cao):

- Đọc văn bản và tìm hiểu tác giả, tác phẩm trong SGK.
- *Nhiệm vụ AI:* Yêu cầu AI tóm tắt phong cách thơ Văn Cao và ý nghĩa biểu tượng của "thời gian" để chuẩn bị bài.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

THỰC HÀNH ĐỌC

Tiết:...

THỜI GIAN (VĂN CAO)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản thơ.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.

c. Năng lực số

- HS biết sử dụng các công cụ tìm kiếm và AI để chọn lọc thông tin chính xác về tác giả Văn Cao và các khái niệm văn học liên quan.

- HS tham gia thảo luận, chia sẻ sản phẩm học tập trên không gian mạng một cách có văn hóa, trách nhiệm và tôn trọng bản quyền thông tin.

- HS sử dụng các ứng dụng (Padlet, Canva hoặc các công cụ hỗ trợ AI) để hệ thống hóa kiến thức về bài thơ một cách trực quan, logic.

2. Phẩm chất

- Biết sống hòa đồng với con người, thiên nhiên.
- Biết nâng niu, trân trọng cái đẹp, nghệ thuật.
- **Giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống:**

+ Sống trách nhiệm với thời gian: Thông qua thông điệp bài thơ, HS biết trân trọng giá trị của thời gian, sống có mục đích và ý nghĩa.

+ **Ý thức công dân số:** Hình thành thói quen ứng xử văn minh, trung thực khi sử dụng các công cụ số và AI trong học tập; không lạm dụng công nghệ để làm thay tư duy cá nhân.

+ **Lòng yêu nước và tự hào dân tộc:** Biết ơn những nghệ sĩ tài hoa như Văn Cao – những người đã góp phần làm rạng danh nền văn hóa nước nhà.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị:

- Máy tính giáo viên, Tivi tương tác/Máy chiếu (kết nối Internet).
- Điện thoại thông minh của học sinh (đã thống nhất quy tắc sử dụng: chỉ dùng khi GV cho phép để truy cập mã QR/nền tảng tương tác).
- **Công cụ AI (Tích hợp có chủ đích):** Gemini/ChatGPT (dùng để gợi ý/phản biện trong phần "Kết nối viết"); Canva AI (dùng để thiết kế nhanh các slide/sơ đồ tổng kết); Quizizz (dùng cho phần tổng kết) & Padlet (dùng cho thảo luận/nộp bài).
- **Thiết bị truyền thống:** Giấy A0 và bút dạ (vẫn cần thiết để các nhóm phác thảo nhanh ý tưởng trước khi số hóa, giúp cân bằng giữa làm việc nhóm trực tiếp và công nghệ).

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập,…

- SGK Ngữ văn, Kế hoạch bài dạy.
- Tuyển tập bài viết phê bình văn học uy tín về giá trị nhân đạo/triết lý nhân sinh (để GV trích dẫn làm "bệ đỡ" cho việc giáo dục đạo đức/lý tưởng sống).
- **Học liệu số:** Mã QR chứa link các nền tảng tương tác (Quizizz, Padlet) ; Zalo nhóm lớp (làm kênh trung chuyển file bài làm, link bài đọc mở rộng).

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.
- Phát huy năng lực số:

b. Nội dung hoạt động: GV cho HS xem một bức tranh đẹp, nghe một bản nhạc, đọc một bài thơ; HS xem và suy nghĩ trả lời nhanh câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS xem một bức tranh đẹp, nghe một bản nhạc, đọc một bài thơ.
- Hãy tìm từ khóa chung cho bức tranh, bản nhạc, bài thơ trên?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ cá nhân.
- GV quan sát, khích lệ, động viên HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả

GV gọi 3 – 5 HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

➔Dự kiến trả lời và dẫn vào bài:

- Từ khóa: Cái đẹp, tác phẩm nghệ thuật, sức sống của cái đẹp,…
- GV: Thời gian có thể phá hủy tất cả, nhưng thời gian cũng chính là nhân chứng khẳng định sự bất tử của cái đẹp, của nghệ thuật. Tác phẩm của Văn Cao là minh chứng cho điều đó: *Thời gian*.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp văn học, vị trí và tầm ảnh hưởng; thể loại, hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, phương thức biểu đạt chính, bố cục.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cung cấp một dãy các từ khóa gợi ý về Văn Cao và tác phẩm hoặc "QR Code tổng hợp": Link dẫn đến 01 thư mục dùng chung (Padlet/Google Drive) chứa các từ khóa gợi ý về Văn Cao và tác phẩm. - GV gợi ý HS sử dụng AI để tìm kiếm thông itn: + Thông tin chính về tác giả. + Xác định: Thể loại, xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác, phương thức biểu đạt chính, bố cục,…của tác phẩm. - **Lệnh An toàn số:** Dữ liệu tìm được từ AI chỉ là "nguyên liệu thô", HS bắt buộc đối chiếu với SGK để chọn lọc những thông tin chính xác nhất. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS làm việc nhóm tại lớp hoặc ở nhà (tận dụng điện thoại để tìm kiếm). - Mỗi nhóm thiết kế **01 "Thẻ Tri thức" (Digital Card)** trên Canva/PowerPoint gồm: 01 hình ảnh tác giả, 01 dòng thời gian (timeline) về tác phẩm và 03 từ khóa cốt l **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày nhanh 1 phút về tác giả và tác	**I. Đọc -Tìm hiểu chung** **1. Tác giả Văn Cao** - Văn Cao (Nguyễn Văn Cao), tác giả **Tiến quân ca** – Quốc ca Việt Nam. - Được xem là hình mẫu nghệ sĩ đa tài với sự kết hợp giữa **hội họa – âm nhạc – văn chương**. - Có nhiều đóng góp quan trọng cho **nền tân nhạc Việt Nam**. - Thơ không nhiều nhưng mang **phong cách nghệ thuật độc đáo**. **2. Tác phẩm** **- Thể loại:** Thơ tự do. **- Phương thức biểu đạt chính:** Biểu cảm. **- Xuất xứ – Hoàn cảnh sáng tác** + Ra đời vào **mùa xuân Đinh Mão (2/1987)**, khi Văn Cao ở tuổi xế chiều. + Bài thơ là sự giãi bày những suy ngẫm về **cuộc sống, nghệ thuật và tình yêu** sau nhiều thăng trầm. + In trong ***Tuyển tập Văn Cao*** –

phẩm bằng cách trình chiếu trên TV. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. **-> GV nhấn mạnh: Dữ liệu số chỉ là công cụ, chiều sâu của sự hiểu biết mới là giá trị cốt lõi.**	***Thơ* (1994).** **- Bố cục (2 phần):** **+ Phần 1 (4 câu đầu):** Sức tàn phá của thời gian. + **Phần 2 (3 câu cuối):** Những giá trị có sức sống mãnh liệt, trường tồn với thời gian.

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được: đặc điểm thể loại và cấu tứ của bài thơ; tính chất tượng trưng của các hình ảnh thơ.
- Phân tích và đánh giá được suy ngẫm của tác giả về bản chất của thời gian, nghệ thuật, tình yêu và mối tương quan giữa chúng.
- Phát triển năng lực số.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 3 nhóm và yêu cầu HS các nhóm đọc và tìm hiểu văn bản, cụ thể: **Nhóm 1:** Tìm hiểu đặc điểm thể loại và cấu tứ của bài thơ. **Nhóm 2:** Tìm hiểu tính chất tượng trưng của các hình ảnh thơ. **Nhóm 3:** Tìm hiểu suy ngẫm của tác giả về bản chất của thời gian, nghệ thuật, tình yêu và mối tương quan giữa chúng. - Sau thảo luận, HS các nhóm lựa chọn đại diện lên tham gia số tiếp theo của chương trình: ***Bàn tròn văn chương.*** - GV hướng dẫn HS thực hiện cuộc trao đổi ***Bàn tròn văn chương*** với chuyên mục: *Thời gian – Thi phẩm xanh mãi cùng thời gian.* - Gv chọn và tư vấn cho MC dẫn chương trình. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS hoàn thành nhiệm vụ theo nhóm, kết quả được ghi lại vào giấy A0 và sổ tay đại diện tham gia	**II. Đọc hiểu văn bản** **1. Đặc điểm thể loại và cấu tứ của bài thơ** **- Đặc điểm thể loại:** Thơ tự do **- Cấu tứ:** Bắt đầu từ quy luật của thời gian: +Thời gian trôi **"qua kẽ tay"**. + Mang theo sự lụi tàn của sự vật, cảnh vật và con người. -Từ đó, tác giả hướng đến những giá trị đẹp đẽ còn tồn tại mãi: + Câu thơ. + Bài hát. + Tình yêu. + Cái đẹp. → Khẳng định sức sống vĩnh cửu của những giá trị tinh thần. **2. Tính chất tượng trưng của**

chuyên mục: ***Bàn tròn văn chương*** **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS các nhóm tham gia cuộc trao đổi ***Bàn tròn văn chương*** với chuyên mục: *Thời gian – Thi phẩm xanh mãi cùng thời gian* do MC dẫn dắt. - HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi,... **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức các nội dung HS đã tìm hiểu và trình bày. - GV nhấn mạnh một thêm một số nội dung:	**các hình ảnh thơ** **- "Thời gian qua kẽ tay":** Gợi sự tương phản giữa: + Hữu hình ↔ vô hình. + Hữu hạn ↔ vô hạn. Thời gian được hình dung như một vật có thể nắm giữ nhưng không thể níu kéo. **- "Khô những chiếc lá", "Rơi những kỷ niệm"** + Gợi sự lụi tàn, phai nhạt của sự vật và ký ức theo thời gian. + Biểu tượng cho quy luật sinh – tử của đời người. **- "Kỷ niệm như tiếng sỏi":** Gợi sự biến mất, mờ xa của ký ức khi lòng người không còn lưu giữ. **- "Câu thơ còn xanh", "Bài hát còn xanh":** Biểu tượng cho sự trường tồn của nghệ thuật. **- "Đôi mắt em như hai giếng nước":** Biểu tượng cho vẻ đẹp của người con gái và tình yêu luôn tồn tại cùng thời gian. → Thời gian làm khô **chiếc lá đời người** nhưng làm tươi xanh **chiếc lá thơ, chiếc lá nhạc**. **3. Suy ngẫm về thời gian, nghệ thuật và tình yêu** **a. Bản chất của thời gian** - Thời gian trôi đi **miên viễn, không trở lại**. + Con người không thể nắm giữ hay níu kéo thời gian. + Thời gian có sức tàn phá: ++ Làm phai mờ sự vật. ++ Làm nhạt nhòa kỷ niệm. ++ Không chừa một ai. **b. Nghệ thuật và tình yêu** - Nghệ thuật và tình yêu là

	những giá trị đẹp đẽ được kết tinh từ: + Câu thơ. + Bài hát. + Đôi mắt người yêu. - Có sức mạnh **trường tồn, vượt lên thời gian** vì là hiện thân của cái đẹp.

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**III. Tổng kết** **1. Nội dung:** - Khẳng định vẻ đẹp và **sức sống vĩnh cửu** của: + Những câu thơ. + Những bài hát. - Thể hiện niềm tin của tác giả vào sự **trường tồn của các giá trị tinh thần** trong cuộc đời. **2. Nghệ thuật** - Sử dụng ngôn từ mang **nhiều tầng nghĩa tượng trưng**. - Kết hợp các biện pháp tu từ. - Cách **ngắt dòng, ngắt nhịp sáng tạo**. → Làm nổi bật vấn đề về **thời gian trong cuộc sống con người**.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.
c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.
d. Tổ chức thực hiện:
Bước 1: GV giao nhiệm vụ
Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150) chữ bày tỏ sự tâm đắc của bạn về một hình ảnh thơ nổi bật trong bài thơ *Thời gian* – Văn Cao.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS viết đoạn văn ở nhà, có thể làm trực tiếp qua đường link.
https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSdifqpf0-MCBKwL1u14mfgzUiFI4q1vhiq6cRz-iYPjL_HuIQ/viewform?usp=sf_link
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
HS trình bày kết quả bài làm vào tiết dạy chiều.
Bước 4: Kết luận, nhận định
Giáo viên hướng dẫn để HS thực hiện bài tập ở nhà.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG
a. Mục tiêu: Từ những rung cảm trong bài, HS sáng tạo nên những sản phẩm nghệ thuật phù hợp với năng lực.
b. Nội dung: Tổ chức cuộc thi "Tìm kiếm tài năng" (Tập 3)
c. Sản phẩm: HS viết cảm nghĩ, sáng tác thơ, nhạc hoặc hội họa về thời gian.
d. Tổ chức thực hiện:
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập
- GV hướng dẫn HS xem một số clip về thời gian.
https://www.youtube.com/shorts/PyovWNOkmR8
https://www.youtube.com/watch?v=uuGwxRwzJto
- Tổ chức cuộc thi **"Tìm kiếm tài năng"** với các hình thức: viết cảm nghĩ, sáng tác thơ, nhạc hoặc hội họa về thời gian.
- Chia lớp thành 2 khu vực: Viết và vẽ.
- Giáo viên cung cấp: giấy, bút vẽ cho tất cả các HS có năng khiếu hội họa.
- Thời gian: chuẩn bị: 5 phút, thể hiện: 5 phút.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện nhiệm vụ theo khu vực lựa chọn.
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
- HS xung phong thể hiện tài năng.
- HS khác quan sát, nhận xét phần thể hiện của bạn.
Bước 4. Kết luận, nhận định
GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS tài năng.
HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ
- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện các bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề trong và ngoài nước.

- Chuẩn bị bài: Thực hành tiếng Việt. Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết:...

MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG PHÁ VỠ NHỮNG QUY TẮC NGÔN NGỮ THÔNG THƯỜNG: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- HS nhận biết được một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.
- HS biết thực hành phân tích một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.

c. Năng lực số

- **1.1.NC1b - Khai thác và sử dụng thiết bị số:** Học sinh sử dụng máy tính hoặc điện thoại thông minh để truy cập Internet, chủ động tra cứu và thu thập các đoạn hội thoại thực tế (tin nhắn mạng xã hội, bình luận trực tuyến) hoặc các văn bản chính thống để làm ngữ liệu phân tích.
- **3.1.NC1a - Phát triển nội dung số:** Học sinh thực hiện thao tác chụp ảnh bài làm trên giấy của nhóm để chia sẻ và hiển thị trực quan sản phẩm trên màn hình Tivi lớp học, phục vụ công tác báo cáo và thảo luận.
- **6.3.NC1b - Đánh giá trí tuệ nhân tạo:** Học sinh sử dụng AI Chatbot để tham khảo các ví dụ chuyển đổi ngôn ngữ, từ đó xem xét, đánh giá kết quả và đưa ra nhận xét về tính chính xác, mức độ phù hợp của hệ thống AI khi xử lý ngữ cảnh giao tiếp.

2. Phẩm chất

- Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, yêu thích vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt đồng thời chú trọng các hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường để phục vụ cho hoạt động giao tiếp một cách hiệu quả, thú vị, hấp dẫn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Thiết bị kỹ thuật số: Máy tính xách tay của giáo viên, hệ thống máy chiếu/màn hình Tivi tương tác thông minh tại lớp có kết nối Internet mạng ổn định.

- Thiết bị hỗ trợ cá nhân/nhóm: Điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng của học sinh (sử dụng có kiểm soát trong giờ học phục vụ khâu quét mã QR và tương tác số).

- Một số công cụ AI phục vụ, hỗ trợ dạy-học (nếu có): tìm kiếm thông tin (ChatGPT & Gemini…); thiết kế nội dung trực quan (Canva AI, NotebookLM...); trò chơi tương tác (Quizizz (AI) & Kahoot (AI), Mentimeter); trợ lý thuyết tình và video (Gamma App, Canva); Sáng tạo âm thanh & Hình ảnh nghệ thuật (Suno…)

2. Học liệu dạy học:

- Sách giáo khoa Ngữ văn, Kế hoạch bài dạy (Giáo án) của giáo viên.
- Mã QR dẫn link video, nền tảng bảng số tương tác chung của lớp (như Padlet/Zalo nhóm) dùng để thu thập và hiển thị nhanh câu trả lời của các nhóm học sinh.
- Hệ thống phiếu học tập (phiếu giấy đan xen phiếu điện tử), các Rubric/Bảng kiểm đánh giá chéo năng lực thuyết trình và văn hóa ứng xử tranh luận của học sinh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**:

- Tái hiện kiến thức đã học, tạo tiền đề, kết nối cho phần bài tiếp theo.
- Rèn luyện phản ứng nhanh, tính tập thể, đoàn kết, hợp tác.
- **Phát triển Năng lực số (NLS):** HS chủ động truy cập, tiếp nhận và giải mã thông tin từ dữ liệu đa phương tiện trực tuyến để thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung hoạt động: GV chiếu một số hình ảnh, HS xem, cặp đôi suy nghĩ trả lời nhanh câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:









Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ***Nhiệm vụ 1:*** GV hướng dẫn HS xem các hình ảnh (ở trên). ***Nhiệm vụ 2:*** HS thực hiện các yêu cầu: - Tìm từ diễn tả điểm chung của những bức tranh đó. - Nhận xét về những hình ảnh đó. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS trao đổi thảo luận cặp đôi tìm từ và suy nghĩ cá nhân bày tỏ quan điểm về những hình ảnh vừa quan sát. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS tham gia trả lời câu hỏi nhanh. - HS khác quan sát, lắng nghe, bổ sung, góp ý, phản biện. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: *Trong thực tế cuộc sống, chúng ta chứng kiến nhiều hiện tượng không tuân theo quy luật mà lại tạo ra những điều bất ngờ, độc đáo, thậm chí là nghệ thuật. Ngôn ngữ thông thường cũng vậy, khi phá vỡ những quy tắc sẽ đem lại những tác dụng kì diệu nào? Bài học hôm nay sẽ trả lời cho chúng ta: Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.*	***Từ ngữ diễn tả điểm chung của những bức tranh đã cho:** - Phá vỡ quy tắc. - Vượt qua định luật. - Bất quy tắc. - Chống lại quy luật thông thường. - Phi thường. - Độc đáo. - Đặc biệt. *** Nhận xét về những hình ảnh đã cho** (HS thể hiện suy nghĩ cá nhân)

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (THỰC HÀNH)

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được những hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường.
- HS biết thực hành phân tích một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.

- Phát triển Năng lực số (NLS):

+ 1.1.NC1b - Khai thác và sử dụng thiết bị số: HS biết cách sử dụng thiết bị số để tìm kiếm và tiếp cận các nguồn dữ liệu văn bản chính thống trên Internet phục vụ bài học.

+ 1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số: HS biết đánh giá, sàng lọc để chọn ra nguồn thông tin có độ tin cậy cao trên môi trường số.

+ 3.1.NC1a - Phát triển nội dung số: HS thực hiện được thao tác số hóa tối giản (chụp ảnh sản phẩm) để chia sẻ học liệu trong không gian dùng chung của lớp học.

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi tham gia trò chơi *Ai nhanh ai đúng?* để nhận diện được một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường và vận dụng làm bài tập SGK.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng, nhanh và kết quả thực hành bài tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr>
<td>
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi Ai nhanh, ai đúng? (có thể tổ chức trò chơi trên Quizizz)
GV viên chia lớp thành 4 đội chơi:
Vòng 1: Các đội có thời gian tối đa 3 phút để trao đổi, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ trên Quizizz
<table>
<tr><th>STT</th><th>Ngữ liệu</th><th>Nối</th><th>STT</th><th>Dạng phá vỡ quy tắc</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
(Xuân Diệu, Vội vàng)</td><td rowspan="3"></td><td rowspan="2">a</td><td rowspan="2">Tạo ra kết hợp từ trái logic nhằm lạ hóa đối tượng được nói tới</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Ngẩng đầu ngắm mãi chưa xong nhớ
Hoa bưởi thơm rồi: đêm đã khuya
(Xuân Diệu, Buồn trăng)</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc
(Hồ Xuân Hương, Đèo Ba Dội)</td><td>b</td><td>Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh một đặc</td></tr>
</table>
</td>
<td>
I. Nhận biết một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường
(Bảng nhận biết một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường) - bên dưới.
II. Thực hành phân tích một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng
1. Kết hợp từ trái logic để lạ hóa đối tượng
Ví dụ: “buồn điệp điệp” (Tràng giang – Huy Cận)
- “Điệp điệp” thường dùng để chỉ sự vật có số lượng nhiều, nối tiếp nhau (trùng trùng điệp điệp).
- Huy Cận dùng “điệp điệp” để chỉ nỗi buồn của nhân vật trữ tình.
→ Tạo cách kết hợp mới, diễn tả nỗi buồn kéo dài vô tận theo không gian và thời gian.
2. Cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ
Ví dụ: “sâu chót vót” (Tràng giang – Huy Cận)
+ “Chót vót” vốn chỉ độ cao.
+ Trong câu thơ, từ này kết hợp với “sâu”, tạo nên cảm giác mới lạ.
</td>
</tr>
</table>

4	*Vừa thoáng tiếng còi tàu* *Lòng đã Nam đã Bắc* (Xuân Quỳnh, *Sân ga chiều em đi*)			điểm nào đó của đối tượng miêu tả, thể hiện
5	*Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái* (Nguyễn Khuyến, *Thu vịnh*)		**c**	Cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập
6	*-Non xanh ngây cả buổi chiều* *- Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia* (Huy Cận, *Thu rừng*)			
7	*Thêm yêu Hà Nội vắng đầy cả em* (Tế Hanh, *Hà Nội vắng em*)		**d**	Bổ sung chức năng mới cho dấu câu
8	*Cột đèn rớm điện* *Là chiều Bích Câu* (Lê Đạt, *Chiều Bích Câu*)			

Vòng 2:

→ Mở rộng không gian hai chiều:

+ Chiều cao: từ mặt nước lên bầu trời.

+ Chiều sâu: bầu trời dưới đáy sông.

3. Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh

Ví dụ:

- "Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu" - "Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều" - Đảo các từ **"lơ thơ"**, **"đâu"** lên đầu câu.

Tác dụng:

+ Nhấn mạnh sự **vắng vẻ, heo hút** của không gian.

+ Gợi sự **tiếc nuối, ngóng trông vô vọng** bóng dáng con người.

→ Thể hiện nỗi buồn sâu kín của cái tôi cô đơn giữa vũ trụ rộng lớn.

4. Phá vỡ quy tắc sử dụng dấu câu

Ví dụ: "Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa"

- Dấu hai chấm không chỉ có chức năng ngắt câu, giải thích mà còn tạo hiệu quả nghệ thuật.

- Làm nổi bật sự đối lập:

+ Cánh chim nhỏ bé.

+ Bóng chiều rộng lớn đang sa xuống.

→ Gợi hình ảnh con chim cô đơn

Nhóm 1: - Thảo luận về hiện tượng tạo ra kết hợp từ trái logic *"buồn điệp điệp"* ở dòng mở đầu bài thơ *Tràng giang.* - Thử lí giải sự biến đổi hai dòng thơ cuối trong bài *Tì bà* của Bích Khê. **Nhóm 2:** - Thảo luận về hiện tượng cung cấp nét nghĩa mới cho cụm từ *"sâu chót vót"* trong bài thơ *Tràng giang.* - Thử lí giải sự biến đổi hai dòng thơ cuối trong bài *Tì bà* của Bích Khê. **Nhóm 3:** - Thảo luận về việc sử dụng hình thức đảo ngữ trong hai dòng thơ (trích *Tràng giang*): *Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,* *Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều* - Thử lí giải sự biến đổi hai dòng thơ cuối trong bài *Tì bà* của Bích Khê. **Nhóm 4:** - Thảo luận về giá trị biểu đạt của dấu hai chấm ở dòng thơ "*Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa*" - Thử lí giải sự biến đổi hai dòng thơ cuối trong bài *Tì bà* của Bích Khê. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Các nhóm thảo luận trao đổi hoàn thành nhiệm vụ - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Các nhóm cử đại diện trình bày hoặc thuyết trình sản phẩm. - HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét hoàn thiện sản phẩm. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV đánh giá nhóm và đại diện nhóm (theo tiêu chí), chuẩn kiến thức.	mang theo bóng chiều nặng trĩu, thể hiện nỗi buồn của người lữ khách tha hương. **5. Vẻ đẹp của sự phá cách trong thơ** **Ví dụ: Hai câu thơ cuối *Tì bà* – Bích Khê** - Bản in năm 1939: + Dấu chấm than trong câu **"Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng"** được sử dụng với chức năng mới. + Vừa bộc lộ cảm xúc, vừa tạo cảm giác ngỡ ngàng, băn khoăn, mơ hồ. - Bản in năm 1988: + Bỏ dấu chấm than: **"Ô hay buồn vương cây ngô đồng"**. + Nỗi buồn trở nên rõ nét, miên man, bao trùm không gian. → Sự phá cách trong ngôn ngữ góp phần tạo nên vẻ đẹp riêng của thơ.

Bảng nhận biết một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường

STT	Ngữ liệu	Nối	STT	Dạng phá vỡ quy tắc

1	*Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều* (Xuân Diệu, *Vội vàng*)		**a**	Tạo ra kết hợp từ trái logic nhằm lạ hóa đối tượng được nói tới
2	*Ngẩng đầu ngắm mãi chưa xong nhớ* *Hoa bưởi thơm rồi: đêm đã khuya* (Xuân Diệu, *Buồn trăng)*			
3	*Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc* (Hồ Xuân Hương, *Đèo Ba Dội*)		**b**	Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh một đặc điểm nào đó của đối tượng miêu tả, thể hiện
4	*Vừa thoáng tiếng còi tàu* *Lòng đã Nam đã Bắc* (Xuân Quỳnh, *Sân ga chiều em đi*)			
5	*Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái* (Nguyễn Khuyến, *Thu vịnh*)		**c**	Cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập
6	*Non xanh ngây cả buổi chiều* *-Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia* (Huy Cận, *Thu rừng*)			
7	*Thêm yêu Hà Nội vắng đầy cả em* (Tế Hanh, *Hà Nội vắng em*)		**d**	Bổ sung chức năng mới cho dấu câu
8	*Cột đèn rớm điện* *Là chiều Bích Câu* (Lê Đạt, *Chiều Bích Câu*)			

(Đáp án:1,7-a, 3,5-b, 4,8-c, 2,6-d)

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu**: Vận dụng kĩ năng giải quyết vấn đề trong thực tế.

- Vận dụng sự hiểu biết về sự phá cách để nhận diện và hiểu được vẻ đẹp ngôn ngữ thơ ca.
- Vận dụng sự phá cách trong thực hành viết văn, làm thơ.
- Vận dụng sự phá cách trong lời ăn tiếng nói hàng ngày để đạt hiệu quả cao nhất.
- **Phát triển Năng lực số (NLS):**

2.2. NC1a - Chia sẻ và hợp tác trên môi trường số: Biết cách sử dụng các nền tảng liên lạc phổ biến (Zalo, Email, nhóm học tập) để trao đổi về bài học, chia sẻ các sản phẩm cần thiết cho việc học tập nhóm.

3.1. NC1a - Phát triển và sáng tạo nội dung số: Biết thiết kế sản phẩm học tập trực quan hóa bằng các công cụ đơn giản (PowerPoint hoặc các phần mềm vẽ sơ đồ tư duy) để làm nổi bật luận điểm.

6.3.NC1b - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: HS biết cách sử dụng và tương tác với công cụ Trí tuệ nhân tạo (AI Chatbot như Gemini/ChatGPT) để tìm kiếm ý tưởng, tham khảo cấu trúc kịch bản, đồng thời thực hiện phản biện và chỉnh sửa nội dung thoại nhằm đảm bảo sự phù hợp và chính xác cho nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm các ngữ liệu thơ ca chứa sự phá cách, thử phân tích vẻ đẹp của sự phá cách.
- Thành lập CLB sáng tác thơ ca.
- Trao đổi các kĩ năng giao tiếp.

c. Sản phẩm:

- Sổ tay giao tiếp, sổ tay văn học.
- Sản phẩm sáng tạo thơ ca của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập **(Về nhà)** Nhóm 1: Tạo sổ tay điện tử giao tiếp (bằng cách sưu tầm và ghi lại những sự phá cách trong lời ăn tiếng nói hàng ngày). Nhóm 2: Tạo sổ tay điện tử văn học (bằng cách tìm các ngữ liệu thơ ca chứa sự phá cách, thử phân tích vẻ đẹp của sự phá cách). Nhóm 3: Tạo sổ tay điện tử sáng tác (bằng cách cập nhật các sản phẩm thơ ca chứa sự phá cách của CLB sáng tác thơ ca). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (nhóm)** Các nhóm trao đổi, thu thập thông tin, suy nghĩ hoàn thành nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm theo từng tuần hoặc tạo sổ tay điện tử cập nhật hằng ngày có sự chọn lọc và kiểm duyệt sản phẩm. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV đánh giá bằng nhận xét hoặc cho điểm HS.	Sản phẩm thực tế của các nhóm được cập nhật theo quy định (theo ngày hoặc theo tuần)

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài:** Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

VIẾT

Tiết:...

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM THƠ
(Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Quy trình viết

- Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, vị trí của bài thơ; lý do lựa chọn bài thơ;…).
- Xác định rõ trọng tâm vấn đề được bàn luận trong bài viết (cấu tứ độc đáo của bài thơ và sự chi phối của nó đến hệ thống hình ảnh).
- Xem xét vấn đề một cách toàn diện theo từng khía cạnh cụ thể với những lí lẽ, bằng chứng xác đáng.
- Đánh giá được nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ cũng như giá trị của chúng trong việc thể hiện những khám phá mới về con người và cuộc sống.

Thực hành viết

- HS biết cách viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).

c. Năng lực số:

- 1.1.NC1b - Khai thác và sử dụng thiết bị số: HS chủ động sử dụng công cụ trực tuyến để truy xuất, thu thập tư liệu văn học chính thống phục vụ quá trình triển khai luận điểm.

- 1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số: HS thể hiện năng lực sàng lọc, đối chiếu để chọn lọc nguồn thông tin đáng tin cậy trên môi trường số, đảm bảo tính chuẩn xác của các dẫn chứng nghị luận.

- 3.1.NC1a - Phát triển nội dung số: HS ứng dụng phần mềm văn phòng/công cụ tư duy số để cấu trúc dàn ý, biên tập và tối ưu hóa văn bản nghị luận trước khi xuất bản/chia sẻ.

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng và bảo vệ cái đẹp, giới thiệu và giữ gìn các giá trị văn hoá.

- Chăm đọc sách, siêng năng, thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị:

- Máy tính kết nối Internet, máy chiếu/Tivi lớp học.
- Thiết bị số cá nhân/nhóm (Điện thoại thông minh/Máy tính bảng) phục vụ tra cứu và biên tập dàn ý số.
- Giấy A0 hoặc bảng phụ (tùy chọn phương án truyền thống).

2. Học liệu:

- SGK Ngữ văn 11, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo.
- Hệ thống các trang mạng văn học chính thống (Văn học và Tuổi trẻ, các bài phê bình của Viện Văn học...).
- Phiếu học tập, Rubric đánh giá bài viết dạng bản in hoặc bản số.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

- Tích hợp NLS: Biết cách dùng thiết bị để truy cập, tiếp nhận dữ liệu văn bản từ môi trường số **(1.1.NC1b);** thực hiện số hóa học liệu ở mức độ đơn giản để báo cáo **(3.1.NC1a).**

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS xem một số hình ảnh, đặt câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem một số hình ảnh dòng sông yên bình, hiền hòa. - GV hỏi: + Em biết câu thơ nào, bài thơ nào viết về đề tài trên? + Những câu thơ, bài thơ đó có giống nhau không? Vì sao? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh quan sát hình ảnh, suy nghĩ câu hỏi. - GV động viên, khích lệ HS (Gợi ý từ những kiến thức đã học hoặc đã đọc, nghe). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2-3 HS xung phong trả lời câu hỏi. - HS khác quan sát, nghe và bổ sung ý kiến. **Bước 4: Đánh giá kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: Từng nhiều lần viết bài nghị luận về một tác phẩm thơ,	- Tác phẩm viết về dòng sông: *Nhớ con sông quê hương* - Tế Hanh, *Dòng sông của anh, dòng sông của em* - Lai Vu, *Vàm Cỏ Đông* - Hoài Vũ**,...** - Mỗi tác phẩm hay theo cách riêng (HS thể hiện quan điểm cá nhân).

hẳn các em đã quen với một số thao tác viết cơ bản mà kiểu bài đòi hỏi. Hôm nay, với kiểu bài xác định trọng tâm là tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ, chúng ta sẽ cần phải thực hiện quy trình viết như thế nào? Hãy cùng nhau đến với bài học để trải nghiệm.	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu:

- Bước đầu nhận diện được yêu cầu của kiểu bài viết văn bản nghị luận về một tác thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).
- HS hiểu được ứng dụng của bài viết văn bản nghị luận về một tác thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).
- Tích hợp NLS: Biết cách ứng dụng phần mềm văn phòng/thiết kế sơ đồ số (như Canva, sơ đồ tư duy) để lập bảng so sánh và chia sẻ dữ liệu trong nhóm **(3.1.NC1a).**

b. Nội dung hoạt động:

- GV tổ chức cho học sinh thảo luận về những yêu cầu của một bài viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm) trong tương quan so sánh với yêu cầu khi viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ đã học ở CT lớp 10.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc mục yêu cầu trong SGK/66 và thảo luận về các vấn đề: **Câu 1:** Một văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm) cần đáp ứng những yêu cầu gì? **Câu 2:** Những yêu cầu này khác gì so với những yêu cầu trong một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ em đã học ở lớp 10? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc SGK và sử dụng sơ đồ để so sánh yêu cầu cần đạt của	**Yêu cầu khi viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm):** - Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, vị trí của bài thơ; lý do lựa chọn bài thơ;…). - Xác định rõ trọng tâm vấn đề được bàn luận trong bài viết (cấu tứ độc đáo của bài thơ và sự chi phối của nó đến hệ thống hình ảnh). - Xem xét vấn đề một cách toàn diện theo từng	**Yêu cầu khi viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ** - Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn (tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn với bài thơ; lí do lựa chọn bài thơ để phân tích, đánh giá). - Chỉ ra và phân tích được những nét đặc sắc, độc đáo của bài thơ (từ ngữ, hình ảnh,

2 kiểu bài theo nhóm bàn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV mở link tổng hợp sản phẩm trên máy tính kết nối Tivi lớp học, chọn trình chiếu sơ đồ của 2 nhóm xuất sắc nhất **(3.1.NC1a).** - Đại diện nhóm đứng tại chỗ báo cáo. - HS các nhóm khác quan sát màn hình, nghe và nhận xét trực tiếp bằng lời. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét sản phẩm, biểu dương tư duy hệ thống và kỹ năng làm chủ công cụ thiết kế số của các nhóm **(3.1.NC1a).** - GV chốt bảng kiến thức chuẩn lên màn hình Tivi để học sinh tự đối chiếu ghi nhớ:	khía cạnh cụ thể với những lí lẽ, bằng chứng xác đáng. - Đánh giá được nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ cũng như giá trị của chúng trong việc thể hiện những khám phá mới về con người và cuộc sống. → **Thiên về một số khía cạnh tác phẩm**	cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,…) - Đánh giá giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật cũng như ý nghĩa nhân sinh.. → **Đánh giá tổng thể tác phẩm**

2.2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được bố cục, nội dung đặc trưng của văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).
- HS viết được một văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).
- Tích hợp NLS: Biết cách ứng dụng công cụ sơ đồ số hoặc bảng tương tác (như Canva, Jamboard, MindMup) để trực quan hóa mạch logic của văn bản nghị luận mẫu phục vụ báo cáo nhóm **(3.1.NC1a).**

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm hiểu bài viết tham khảo tr 67 - 69 SGK.
- HS thảo luận nhóm sau khi đọc và tìm hiểu bài tham khảo.

c. Sản phẩm:

- *Sản phẩm văn học:* Câu trả lời của HS về bài Tĩnh Dạ Tứ
- *Sản phẩm số:* Sơ đồ tư duy số hóa mạch triển khai ý của văn bản tham khảo hiển thị trên Tivi lớp học **(3.1.NC1a).**

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao	**Bài viết tham khảo: Bài thơ "Tĩnh dạ tứ" của Lý**

nhiệm vụ HS đọc bài viết tham khảo theo các chỉ dẫn ở bên phải văn bản và trả lời các câu hỏi: - Xác định trình tự, logic triển khai hệ thống ý trong bài viết: + Bài thơ đã được giới thiệu như thế nào? + Cấu tứ và tính chất khái quát của hình ảnh trong bài thơ đã được người viết đề cập ở đoạn nào, câu nào? - Sơ đồ hóa mạch triển khai các ý. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc văn bản mẫu độc lập, sau đó thảo luận nhóm để chắt lọc luận điểm, luận cứ. - Các nhóm thao tác trên thiết bị số để xây dựng sơ đồ chuỗi lập luận của văn bản tham khảo (từ mở bài, thân bài đến kết bài) và nộp sản phẩm trực tuyến về cho giáo viên **(3.1.NC1a).** - GV quan sát, đôn đốc các nhóm hoàn thành đúng hạn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV trình chiếu sơ đồ số mạch triển khai ý của 2 nhóm lên màn hình Tivi **(3.1.NC1a).** - Đại diện nhóm đứng tại	**Bạch – Nguyễn Thị Bích Hải** *** Trình tự, logic triển khai hệ thống ý trong bài viết:** **1. Giới thiệu về bài thơ** Bài thơ được giới thiệu bằng cách giải thích nhan đề: "*Tĩnh dạ tứ*" thuộc đề tài "*nguyệt dạ tư hương*" thường gặp trong thơ Đường. **2. Nêu khái quát cấu tứ của bài thơ và định hướng phân tích, đánh giá** Đêm yên tĩnh trên đường lữ khách, tình quê hương ngổn ngang muôn lối; nhà thơ chớp lấy một cảm giác sai lạc, tức cảnh sinh tình, viết một bài thơ tuyệt diệu. **3. Phân tích, đánh giá từng phần của bài thơ** Phân tích theo bố cục của bài thơ. **4. Chú ý làm rõ tính khái quát của hình ảnh, chi tiết** - Ánh trăng vào tận phòng cho biết đêm sâu, nhân thấy ánh trăng rọi sáng đầu giường rõ ràng là người không ngủ. - Nhà thơ ngẩng đầu ngắm trăng sáng vì thấy trăng như thấy "cố tri". - Nhà thơ gặp lại trăng như gặp lại người quen, thấy trăng mà sinh ra nỗi nhớ. - Ánh trăng làm xót xa lòng người, nỗi nhớ quê nhà trĩu nặng đã khiến mái đầu cúi xuống. - Chủ đề của bài thơ "tư hương" nhưng lại dành đến ba câu tả trăng, đến câu tâm niệm "tư cố hương" thì liền dừng lại. **5. Đánh giá chung** - Lấy cái vô tình nói tình thì tất tình hiện ra, lấy cái vô ý tả ý thì ý chân thật. - Ở đây "lấy cái vô tình" là dùng đến ba câu để tả trăng. "Lấy cái vô ý" tức là động tác "cử đầu" và "đê đầu" đều như phản xạ tự nhiên, "vô ý", do sự "điều khiển" tự nhiên gần như vô thức. **6. Kết luận** *"Tĩnh dạ tứ"* có tính chất tự nhiên, chân thực, đầy hàm ý *** Sơ đồ mạch triển khai các ý:** **Mở bài** Giới thiệu bài thơ

chỗ trình bày về trình tự phân tích - HS các nhóm khác quan sát màn hình, lắng nghe, nhận xét chéo bằng lời nói trực tiếp. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét sản phẩm sơ đồ tư duy số của các nhóm, đánh giá cao khả năng bóc tách mạch lập luận văn học của học sinh **(3.1.NC1a).** - GV chuẩn hóa kiến thức chuẩn lên màn hình Tivi.	**Thân bài** Nêu khái quát cấu tứ của bài thơ Phân tích, đánh giá từng phần của bài thơ Làm rõ tính khái quát của hình ảnh, chi tiết Đánh giá chung Kết luận

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).
- HS thực hành các bước để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).
- Tích hợp NLS:

+ Biết dùng công cụ tìm kiếm trực tuyến để thu thập, sàng lọc các bài phê bình, hoàn cảnh sáng tác chính thống từ các nguồn mạng uy tín phục vụ chặng Chuẩn bị và Tìm ý **(1.1.NC1b, 1.2.NC1a).**

+ Biết ứng dụng phần mềm biên tập văn bản/sơ đồ để thiết kế dàn ý nhóm và số hóa bài viết cá nhân **(3.1.NC1a).**

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** Chuẩn bị viết** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập số 1. **Đề bài tham khảo:** **Đề bài 1:** Vẻ đẹp cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ *Tràng giang* - Huy Cận.	**1. Chuẩn bị viết:** **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

Hướng dẫn		Trả lời
1. Bạn ấn tượng về cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ nào?		
2. Xem xét bài thơ ở	a. Cấu tứ bài thơ có gì đặc biệt?	
	b. Hình ảnh trong bài	

Đề bài 2: Vẻ đẹp cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ *Nhớ đồng* - Tố Hữu.

Đề bài 3: Vẻ đẹp cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ *Con đường mùa đông* - A. Pu – skin.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động cá nhân, điền câu trả lời vào phiếu 1(cột bên).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ câu trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét phần trình bày của HS.

*** Tìm ý, lập dàn ý**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 4 nhóm: Từ những chỉ dẫn, gợi mở từ phần Chuẩn bị viết, hãy tìm ý và lập dàn ý bằng cách hoàn thành phiếu học tập số 2,3 (cột bên).

- Nhóm 1,2 hoàn thành phiếu HT số 2.
- Nhóm 3,4 hoàn thành phiếu HT số 3.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc phần Tìm ý, lập dàn ý trong SGK và các yêu cầu của phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 nhóm HS chia sẻ kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, góp ý phần sản phẩm của HS.

***Viết**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS viết bài hoàn chỉnh theo sự lựa chọn.

GV lưu ý:

- HS cần dựa vào dàn ý đã lập để thực hiện bài viết. Khi cần, có thể

góc độ cấu tứ và hình ảnh	thơ mang vẻ đẹp độc đáo nào?	
	c. Cấu tứ và hình ảnh thơ có tác dụng gì trong việc thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả?	

2. Tìm ý, lập dàn ý:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Phiếu tìm ý

Các ý cần tìm	**Yêu cầu cụ thể**		**Kết quả thảo luận**
Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm	Bài thơ của ai, được sáng tác trong hoàn cảnh nào, xuất bản ở đâu, từng được đón nhận ra sao?		
Giới thiệu vấn đề nghị luận	Vấn đề chính sẽ bàn trong bài viết là gì? Những phương diện nào của bài thơ sẽ đề cập?		
Đánh giá từng khía cạnh cụ thể của vấn đề nghị luận	**Đánh giá ban đầu về từng khía cạnh của vấn đề nghị luận**	Ở từng phương diện nói trên, giá trị của bài thơ đã được thể hiện ra sao? Câu thơ, chi tiết, hình ảnh nào chứng tỏ điều đó? Có những kết quả nghiên cứu, phê bình nào đáng chú ý về vấn đề sẽ được triển khai ở bài viết?	
	Tìm hiểu,	- Bài thơ đã hình thành và hoàn thiện	

đảo trật tự ý đã có hoặc bổ sung ý mới nảy sinh trong quá trình viết. - Chú ý nêu những cách nhìn nhận khác nhau (nếu có) về cấu tứ của bài thơ trước khi trình bày ý kiến riêng. Có thể vẽ sơ đồ cấu tứ của bài thơ để người đọc dễ nhận biết. - Khi nêu hàm nghĩa của các hình ảnh, chi tiết trong bài thơ, cần tránh cách diễn đạt mang tính khẳng định một chiều (vì hình ảnh thơ vốn đa nghĩa, có thể gợi những cách cảm nhận, lý giải khác nhau), nên dùng những từ thể hiện thái độ thận trọng khi nhận xét, bày tỏ cảm nhận riêng như *phải chăng, có thể hiểu (nghĩ) là,…* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Cá nhân HS viết bài. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** 2-3 HS chia sẻ bài viết của mình. HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chấm điểm theo **Rubric đánh giá bài viết** (bên dưới)		**đánh giá cấu tứ của bài thơ**	dựa trên ý tưởng cơ bản nào? Điều gì đã làm cho ý tưởng ấy được thể hiện một cách sinh động? - Có thể nêu nhận định khái quát gì về cấu tứ của bài thơ? Nhận định này có gì khác biệt so với những nhận định từng có và đã bao quát hết mọi yếu tố cấu thành của bài thơ chưa? - Với cách cấu tứ đã nêu, bài thơ thể hiện được phát hiện riêng gì của nhà thơ về thế giới và con người?	
		Tìm hiểu, phân tích hệ thống hình ảnh trong bài thơ	- Bài thơ có những hình ảnh nào? Những hình ảnh đó có thể gợi cho người đọc ấn tượng, liên tưởng gì? - Có thể nhìn nhận như thế nào về logic kết nối các hình ảnh trong bài thơ với nhau? Cái tứ của bài thơ đã chi phối điều này ra sao? - Theo mạch triển khai của bài thơ, giữa các hình ảnh	

		có sự vận động phát triển nào đáng chú ý? - Có thể nói gì về những hàm nghĩa của các hình ảnh trong bài thơ? Sự chuyển hoá về ý nghĩa của các hình ảnh đã được thể hiện ra sao?	
Đánh giá khái quát vấn đề nghị luận	Bài thơ đã tác động đến bạn như thế nào? Qua khám phá tác phẩm cụ thể này, bạn tích luỹ được kinh nghiệm gì về việc đọc một văn bản thơ nói chung?		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Phiếu Lập dàn ý

Hướng dẫn	**Thực hành**
1. Xác định ý tưởng, chủ đề cho bài viết	
2. Xác định các luận điểm sẽ làm sáng tỏ chủ đề. Sắp xếp các luận điểm, bằng chứng theo một trật tự logic.	
3. Lập dàn ý của bài viết theo gợi ý dưới đây: - *Mở bài:* Giới thiệu chung về bài thơ và xác định vấn đề sẽ được tập trung bàn luận trong bài viết. - *Thân* bài: Cần triển khai các ý: + Cảm giác chung mà cấu tứ cùng những hình ảnh và cách diễn tả khác lạ trong bài thơ gợi cho người đọc. + Sự khác biệt của bài thơ này so với các bài thơ khác trên phương diện xây dựng hệ thống hình ảnh và tạo	

	sự kết nối giữa các bộ phận cấu tạo trong bài thơ (thực hiện những so sánh cần thiết để chỉ ra được sự khác biệt). + Những khả năng hiểu (cắt nghĩa) khác nhau đối với một số yếu tố, hình ảnh trong bài thơ (cần nêu cụ thể). + Điều được làm sáng tỏ qua việc đọc thăm dò và thử nghiệm các cách đọc khác nhau với bài thơ. + Sự gợi mở về cách nhìn mới đối với thế giới và con người được đề xuất từ mạch ngầm văn bản bài thơ. - *Kết* bài: Khẳng định lại sự độc đáo của bài thơ và ý nghĩa của nó đối với việc đem lại cách nhìn, cách đọc mới cho độc giả.	
	3. Viết: Vẻ đẹp cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ *Tràng giang* - Huy Cận (Tham khảo dàn ý bên dưới).	

DÀN Ý THAM KHẢO:

Vẻ đẹp cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ *Tràng giang* – Huy Cận

1. Mở bài

- Giới thiệu chung về bài thơ *Tràng giang*: Một thi phẩm tiêu biểu của phong trào Thơ mới, đánh dấu tên tuổi của nhà thơ Huy Cận. Bài thơ ca ngợi thiên nhiên tạo vật với nỗi buồn ảo não, mênh mang.
- Xác định vấn đề sẽ được tập trung bàn luận: Vẻ đẹp bài thơ được gợi lên từ cấu tứ và hình ảnh thơ.

2. Thân bài: Cần triển khai các ý:

a. Vẻ đẹp cấu tứ thơ

- Cấu tứ bài thơ được mở ra ngay từ nhan đề *Tràng giang*:

+ ***Tràng giang*** là cách đọc chệch âm của ***Trường giang*** nghĩa là sông dài. Tuy nhiên, nhà thơ Huy Cận đã không lựa chọn lối biểu đạt thông thường mà cách tân âm đọc thành *Tràng giang* để truyền tải nhiều hơn những ý nghĩa, tư tưởng cũng như cảm xúc chủ đạo của bài thơ.

+ Nhan đề ***Tràng giang*** được điệp âm ***ang***, một âm mở nên bên cạnh gợi ý nghĩa về một con sông dài thì ***Tràng giang*** mở rộng chiều kích cảm nhận cho người đọc cả về

chiều rộng, nhờ vậy mà con sông xuất hiện trong bài thơ trở lên dài, rộng, mênh mông hơn. ***Tràng giang*** còn gợi ra một nỗi buồn mênh mang của con người khi đứng trước dòng sông.

- *Tràng giang* được cấu tứ trên nền cảm hứng không gian sóng đôi:

+ Có dòng "tràng giang" thuộc về thiên nhiên trong tư cách một không gian hữu hình và dòng "tràng giang" tâm hồn như một không gian vô hình trong tâm tưởng. Đây vốn là cấu tứ quen thuộc của Đường thi.

+ Toàn bộ bài ***Tràng giang*** là một nỗi buồn. Bài thơ gồm bốn khổ thơ giống như bốn bài tứ tuyệt Đường thi, mỗi khổ thơ là một sự triển khai của nỗi buồn đó. Mặc dù trong mỗi khổ thơ, cảnh vật và tâm trạng con người được thể hiện khác nhau ở mức độ nào đó nhưng đều có điểm chung hệ thống trong một chỉnh thể là cảnh sóng nước mênh mang bao la và con người với cái tôi nhỏ bé, mang tâm trạng cô đơn, buồn sầu.

- Sự khác biệt của bài thơ này so với các bài thơ khác trên phương diện xây dựng hệ thống hình ảnh và tạo sự kết nối giữa các bộ phận cấu tạo trong bài thơ: So sánh với một số bài thơ *Nhớ con sông quê hương* – Tế Hanh, *Dòng sông của anh, dòng sông của em - Lai Vu, Vàm Cỏ Đông - Hoài Vũ:*

+ *Tràng giang*: Từ cảnh sông nước mênh mang mà khắc sâu cái cô lẻ, hoang vắng bằng cách thêm hình ảnh, thêm sắc màu cho bức tranh sông nước nhưng lại cố tình xóa mờ đi bóng dáng con người, để rồi cuối cùng chỉ còn lại là cái đơn côi, bé nhỏ như cánh chim chiều của lữ khách giữa đất trời vô tận.

+ *Nhớ con sông quê hương* -Tế Hanh: Dòng sông trở về trong kí ức gắn với tuổi thơ, những kỉ niệm thơ bé lần lượt hiện ra, cuối cùng kết đọng lại là tình yêu thiết tha với quê hương đất nước

+ *Dòng sông của anh, dòng sông của em* - Lai Vu*:* Từ dòng sông tự nhiên đã trở thành dòng sông tâm tưởng của đôi lứa yêu nhau.

+ *Vàm Cỏ Đông* - Hoài Vũ: Từ dòng sông cụ thể nơi một vùng đất hướng tới muôn dòng sông lịch sử, chứa chở sức mạnh chiến đấu và tinh thần dân tộc thiêng liêng.

b. Vẻ đẹp của hình ảnh thơ

- Hình ảnh *"cành củi khô – lạc mấy dòng"*: sự vô định, lạc lõng, ngổn ngang trong tâm hồn của nhân vật trữ tình -> Tâm trạng của tác giả như một cành củi khô đang chới với, không biết đi đâu về đâu mà cứ quanh quẩn trong những dòng suy tư thầm kín.

- *Sâu chót vót*: không gian được mở rộng đến hai lần: có cả chiều cao (từ mặt nước lên bầu trời) và cả chiều sâu (bầu trời dưới đáy sông sâu).

- "Dợn dợn" là một từ láy hoàn toàn. Thường thì người ta sẽ sử dụng từ "rợn rợn" để thể hiện cảm giác ghê sợ trong lòng người. Nhưng ở đây, tác giả sử dụng từ "dợn dợn" không chỉ gợi cảm giác có điều gì canh cánh trong lòng mà ẩn sau đó là hình ảnh những con sóng nhấp nhô, liên tiếp mở ra muôn trùng trường giang.

- Sự tương phản giữa các hình ảnh trong khổ thơ thứ hai: nắng xuống – trời lên, sông dài – trời rộng – bến cô liêu -> Vũ trụ thì bao la, vô tận -> Con người thì quá nhỏ bé, đơn độc, lẻ loi

-> Sự tương phản giữa một bên là không gian rộng lớn của vũ trụ, có nắng, có trời, có sông gợi lên một sự hùng vĩ, bao la, mênh mông của vũ trụ và bên kia, con người trở lên thật nhỏ bé, cô đơn -> tâm trạng buồn bã, băn khoăn, ngơ ngác trước những ngã rẽ của cuộc đời rộng lớn. Đây không phải là nỗi buồn của cá nhân ông mà là cảm xúc chung của cả một thế hệ, đặc biệt là giới văn nghệ sĩ đầu thế kỉ XX.

- Sự tương phản này tiếp tục được triển khai ở các khổ thơ tiếp theo:

+ Khổ thơ thứ ba gợi ảnh vật cô liêu nhưng không có sự gắn kết với nhau, thiếu đi dấu vết của sự sống, của bóng hình con người.

+ Khổ thơ thứ tư gợi cảnh thiên nhiên hùng vĩ nhưng lòng người thì buồn vời vợi bởi nỗi nhớ quê hương.

- Bài thơ có những điểm khác lạ trong cách sử dụng ngôn ngữ:

+ Sử dụng hệ thống từ láy hoặc điệp âm gợi âm hưởng cổ kính (10 lần/16 dòng thơ, cách ngắt nhịp truyền thống: 4/3): Tràng giang", "điệp điệp", "song song", "lơ thơ", "đìu hiu", "chót vót", "mênh mông", "lặng lẽ", "lớp lớp", "dợn dợn" -> Những từ láy giàu tính tạo hình, giúp cho lời thơ mềm mại, giàu cảm xúc.

+ Cách dùng và sử dụng những hình ảnh đối lập: củi một cành>< mấy dòng. Nắng xuống >< trời lên, sông dài, trời rộng bến cô liêu, không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

+ Biện pháp nghệ thuật tượng trưng: củi một cành khô lạc mấy dòng, bến cô liêu, chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều sa.

+ Những hình ảnh màu sắc đẹp như: bờ xanh tiếp bãi vàng, mây cao đùn núi bạc, chim nghiêng cánh, sóng gợn.

+ Tác giả đã rất khéo léo trong việc sử dụng từ ngữ bằng cách đảo tính từ lên đầu câu để nhấn mạnh sự việc, cảnh vật. Điều đó ta có thể thấy rõ qua câu thơ "Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng". Theo bình thường, câu thơ sẽ là "Bờ xanh lặng lẽ tiếp bãi vàng". Tác giả đã khéo léo đảo từ láy "lặng lẽ" lên đầu câu nhằm nhấn mạnh sự yên ắng, đìu hiu, một không gian hiu quạnh tại những bãi nương dọc bờ sông. Qua đó, giúp người đọc thấy được sự vắng vẻ, hiu quạnh của cảnh vật hay của lòng người đang hiện hữu qua hình ảnh của cảnh vật.

- Thi liệu truyền thống có thể kể đến trong bài thơ: đề tài sông nước quen thuộc của thi sĩ xưa; sử dụng từ Hán Việt (tràng giang); thể thơ thất ngôn, tỏ rõ sự suy tư, cảm xúc mênh mông của con người; tứ thơ quen thuộc của thơ cổ lấy cảnh vật để nói về nỗi niềm của con người.

-> Tác dụng: việc sử dụng những thi liệu truyền thống giúp bài thơ mang không khí cổ điển, trầm mặc, thể hiện sự trang nhã trong lời thơ, câu từ của tác giả. Đồng thời, nó cũng góp phần trong việc thể hiện tâm tư, cảm xúc thầm kín của tác giả mang đậm một tấm lòng yêu quê hương, đất nước.

- Bài thơ *Tràng giang* giàu yếu tố tượng trưng: *củi một cành khô lạc mấy dòng, bến cô liêu, chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều sa* => Các yếu tố này đều tượng trưng cho nỗi sầu nhân thế của Huy Cận. Nhà thơ mượn thiên nhiên, cảnh vật để bày tỏ nỗi lòng của mình.

c. Sự gợi mở về cách nhìn mới đối với thế giới và con người được đề xuất từ mạch ngầm văn bản bài thơ

-> Bài thơ đã giúp ta có những cảm nhận mới về đời sống, về mối quan hệ giữa con người cá nhân với vũ trụ vô biên. Đó là một vũ trụ vô cùng vô tận và sự nhỏ nhoi của kiếp người với nỗi sầu thiên cổ. Khi đứng trước không gian vô tận như vậy, con người càng cảm thấy bâng khuâng, cô đơn vì nhớ quê hương da diết.

3. Kết bài: Khẳng định lại sự độc đáo của bài thơ và ý nghĩa của nó đối với việc đem lại cách nhìn, cách đọc mới cho độc giả.

Rubric đánh giá bài viết

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp.Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo
Điểm	**0 – 4 điểm**	**5 – 7 điểm**	**8 – 10 điểm**
TỔNG	**10**		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (cấu tứ và hình ảnh).

- Phát triển Năng lực số:

+ 3.1.NC1a - Phát triển nội dung số: Biết ứng dụng các phần mềm văn phòng để định dạng văn bản hành chính chỉn chu và tải sản phẩm lên không gian số dùng chung của lớp.

+ 6.3.NC1b - Ứng dụng AI sáng tạo & Phản biện: Biết cách sử dụng công cụ Trí tuệ nhân tạo (AI Chatbot) để hỗ trợ rà soát, phát hiện các lỗi lặp từ, lỗi diễn đạt rườm rà và gọt giũa ngôn từ cho bài viết cá nhân.

b. Nội dung: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (cấu tứ và hình ảnh).

c. Sản phẩm:

- **Sản phẩm văn học:** Bài văn nghị luận hoàn chỉnh (bản số hóa Word/Docs).
- **Sản phẩm số:** Minh chứng câu lệnh tương tác với AI để tự sửa lỗi văn phong (chụp màn hình đính kèm ở cuối bài viết)

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Viết văn bản nghị luận phân tích vẻ đẹp cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ *Thời gian* - Văn Cao, *Từ ấy* -Tố Hữu.
- Giáo viên nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS viết bài ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ bài viết của mình lên nhóm lớp. HS khác nhận xét, góp ý bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chấm điểm theo Rubric quy định chung (đã có ở hoạt động luyện tập).

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

- RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

NÓI VÀ NGHE

Tiết:...

GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- Cung cấp được thông tin chung về tác phẩm nghệ thuật một cách sáng rõ, chính xác (tên tác phẩm, tác giả, thể loại, thời điểm sáng tác, đánh giá của công chúng và các nhà chuyên môn,…).
- Nêu được lý do chọn giới thiệu tác phẩm.
- Trình bày được cảm nhận, quan điểm cá nhân của người nói về giá trị tác phẩm với các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; chủ động đặt câu hỏi để người nghe cùng tương tác và đối thoại.
- Thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm nghệ thuật.

Nghe

- HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,… xoay quanh vấn đề văn học mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.

Nói nghe tương tác

- HS biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,…

c. Năng lực số (NLS):

- 3.1.NC1a - Phát triển nội dung số: HS ứng dụng phần mềm trình chiếu (PowerPoint/Canva) để thiết kế slide/sơ đồ tóm tắt luận điểm và tự thao tác trình chiếu làm phương tiện trực quan hỗ trợ bài nói.

- 4.2.NC1a - Đạo đức và ứng xử trên môi trường số: HS tuân thủ luật sở hữu trí tuệ, biết trích dẫn nguồn uy tín khi sử dụng hình ảnh/tư liệu từ Internet trong sản phẩm trình chiếu của mình.

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị:

- Máy tính giáo viên kết nối Internet, máy chiếu/Tivi lớp học.
- Thiết bị lưu trữ (USB) hoặc tài khoản đám mây của học sinh để đồng bộ sản phẩm trình chiếu lên Tivi**.**
- Thiết bị số cá nhân/nhóm (nếu dùng để ghi chép hoặc chấm điểm trực tuyến).

2. Học liệu:

- SGK Ngữ văn 11, kế hoạch bài dạy.
- Sản phẩm số hóa: Bản trình chiếu slide hoặc Sơ đồ tư duy số
- Phiếu học tập, Phiếu tự đánh giá và Phiếu đánh giá chéo bài thuyết trình (bản in hoặc bản số).

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề trong bài thuyết trình**.**
- **Phát triển Năng lực số (NLS):**

1.1.NC1b - Khai thác và sử dụng thiết bị số: HS chủ động sử dụng thiết bị số để truy cập, tiếp nhận thông tin và dữ liệu đa phương tiện từ môi trường số liên quan đến chủ đề bài nói.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem review phim, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV trình chiếu mã QR (hoặc link rút gọn) lên màn hình Tivi, dẫn đến file đa phương tiện chứa văn bản và file âm thanh đoạn Clip review phim nhà thờ Đức Bà Paris: https://www.youtube.com/watch?v=DdzK4eccNrg (05:43 – 08:10) Em có biết tác phẩm này không (dạng phim, dạng truyện, dạng kịch,…)? Em hãy giới thiệu cho các bạn chưa biết? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS quét mã QR, chủ động theo dõi văn bản trên màn hình thiết bị cá nhân **(3.1.NC1a).** - Các cặp đôi thảo luận, thống nhất ý kiến và gõ nhanh 2-3 từ khóa câu trả lời cho mỗi câu hỏi lên trang tương tác chung của lớp do GV thiết lập	- Đây là một phân cảnh trong phim *"Thằng gù ở nhà thờ Đức Bà Paris"* - Vic-to Huy-go. - HS giới thiệu tác phẩm phim, truyện theo hiểu biết cá nhân.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận - GV mở giao diện trang tương tác chung trên màn hình Tivi để cả lớp cùng quan sát các từ khóa của các cặp đôi **(3.1.NC1a).** - GV gọi ngẫu nhiên đại diện 2 cặp đôi đứng tại chỗ thuyết minh bộc lộ rõ quan điểm, phân tích sâu bằng lời nói. - Các cặp đôi khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung trực tiếp.**Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới.	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe về một tác phẩm nghệ thuật (thơ, truyện, bản nhạc, bộ phim, bức tranh,…).

- Phát triển năng lực số (NLS):

3.1.NC1a - Phát triển nội dung số: Biết cách kiểm tra, thiết lập và đồng bộ hóa các tệp dữ liệu trình chiếu (PowerPoint/Canva) từ thiết bị cá nhân lên hệ thống máy tính/màn hình lớp học để chuẩn bị cho bài nói.

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị Nói và Nghe về một tác phẩm nghệ thuật.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình đúng yêu cầu và quy trình về một tác phẩm nghệ thuật.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** CHUẨN BỊ** **1. NGƯỜI NÓI** **a. Yêu cầu** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** Đọc phần yêu cầu của bài giới thiệu về tác phẩm nghệ thuật, gạch chân các từ khóa, xác định các yêu cầu người nói cần nắm được. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc SGK, trao đổi theo cặp ghi nhanh ra giấy các yêu cầu. Sau đó GV chiếu sản phẩm lên màn hình. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét câu trả lời của HS,	**I. CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE** **1. Người nói** **a. Yêu cầu** - Cung cấp được thông tin chung về tác phẩm nghệ thuật một cách sáng rõ, chính xác (tên tác phẩm, tác giả, thể loại, thời điểm sáng tác, đánh giá của công chúng và các nhà chuyên môn,…). - Nêu được lý do chọn giới thiệu tác phẩm. - Trình bày được cảm nhận, quan điểm cá nhân của người nói về giá trị tác phẩm với các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; chủ động đặt câu hỏi để người nghe cùng tương tác và đối thoại. - Thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm nghệ thuật. **b. Quy trình thuyết trình**

chuẩn yêu cầu.

b. Quy trình thuyết trình

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Đọc phần hướng dẫn trong SGK, chỉ ra quy trình mà người nói cần thực hiện.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thảo luận nhóm (2 bàn) ghi ra giấy quy trình.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

GV chiếu sản phẩm nhóm lên màn hình. Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu.

2. NGƯỜI NGHE

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Theo em, người nghe cần chuẩn bị những gì khi nghe bài giới thiệu về tác phẩm nghệ thuật?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động cá nhân ghi ra giấy theo suy nghĩ của mình.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

GV gọi HS trình bày 1 phút kết quả, HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu.

- Lựa chọn đề tài

Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ kết quả của hoạt động viết trước đó.

- Tìm ý và sắp xếp ý

+ Tìm ý:

STT	Các ý cần tìm	Kết quả thảo luận
1	Tên tác phẩm	
2	Tác giả	
3	Địa chỉ tìm kiếm	
4	Nội dung tác phẩm	
5	Sự độc đáo về hình thức tác phẩm	
6	Thông điệp từ tác phẩm	
7	Ý nghĩa của tác phẩm	
8	Sự đóng góp của tác phẩm	

+ Sắp xếp ý:

Nhận diện → Tìm hiểu → Đánh giá → Đề xuất thái độ, cách thức tiếp nhận phù hợp.

2. Người nghe

- Tìm hiểu trước về nội dung của bài.
- Chuẩn bị các tài liệu, câu hỏi liên quan để nghe và phản hồi.
- Chuẩn bị tâm thế chủ động, sẵn sàng, cầu thị, xây dựng.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS xây dựng một bài thuyết trình theo quy trình và thực hành nói nghe.

- Phát triển Năng lực số (NLS):

+ 3.1.NC1a - Phát triển nội dung số: Biết vận hành thiết bị trình chiếu tại lớp để hiển thị slide/sơ đồ số hỗ trợ trực quan, tương tác nhịp nhàng giữa lời nói và màn hình.

+ 4.2.NC1a - Đạo đức và ứng xử trên môi trường số: Áp dụng đúng quy định sở hữu trí tuệ khi trình chiếu các hình ảnh, tư liệu minh họa trong slide bài nói.

b. Nội dung: Thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
- HS lựa chọn một trong các vấn đề sau để thuyết trình theo bố cục ba phần (HD Thực hành nói tr.72 SGK):
1. Giới thiệu về Tràng giang – Huy Cận (hoặc một tác phẩm em đã học trong chương trình).
2. Giới thiệu về một bộ phim em thích.
3. Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật mà em biết (Hội họa. điêu khắc, sân khấu, điện ảnh, kiến trúc, vũ đạo,…).
- Đọc HD trao đổi, đánh giá để chuẩn bị sau nói, nghe.
- Tự đánh giá về bài trình bày theo bảng (Phụ lục 1 bên dưới).
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
HS làm việc nhóm, sắp xếp, kiểm tra lại phần thuyết trình và phương tiện sử dụng của nhóm.
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
- Đại diện HS các nhóm thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật.
- Các HS khác lắng nghe, phản hồi về phần thuyết trình của nhóm bạn và thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn.
- Tự đánh giá về bài trình bày theo hướng dẫn.
Bước 4. Kết luận, nhận định
- GV nhận xét phần trình bày của các nhóm,
- Nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của bài giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật để HS rút kinh nghiệm.
- Tham khảo bài thuyết trình (Phụ lục 2 bên dưới)
</td><td>
II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI
1. Thực hành nói
- Trình bày nội dung bài nói theo 3 phần: Mở đầu - Triển khai - Kết luận.
- Kết hợp trình chiếu và các phương tiện hỗ trợ.
<table>
<tr><td>Mở đầu</td><td>Nêu tên tác phẩm được giới thiệu và lí do chọn giới thiệu tác phẩm đó.</td></tr>
<tr><td>Triển khai</td><td>Miêu tả đặc điểm của tác phẩm (thể loại, tính chất, quy mô, dung lượng,…) và nêu nhận xét, đánh giá về tác phẩm theo các góc độ tiếp cận khác nhau.</td></tr>
<tr><td>Kết luận</td><td>Khẳng định giá trị chung và ý nghĩa của tác phẩm.</td></tr>
</table>
2. Trao đổi
<table>
<tr><th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr>
<tr><td>- Làm rõ những điều người nghe muốn tìm hiểu thêm.
- Trao đổi lại những điểm chưa thống nhất về ý kiến.
- Thể hiện thái độ tiếp thu tích cực, cầu thị.</td><td>- Nêu những vấn đề muốn làm rõ hơn về tác phẩm.
- Nêu quan điểm đánh giá khác về tác phẩm (trên tinh thần tranh luận).
- Bổ sung thông tin về tác phẩm.
- Góp ý với người nói về cách thể hiện bài nói.</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

PHỤ LỤC 1

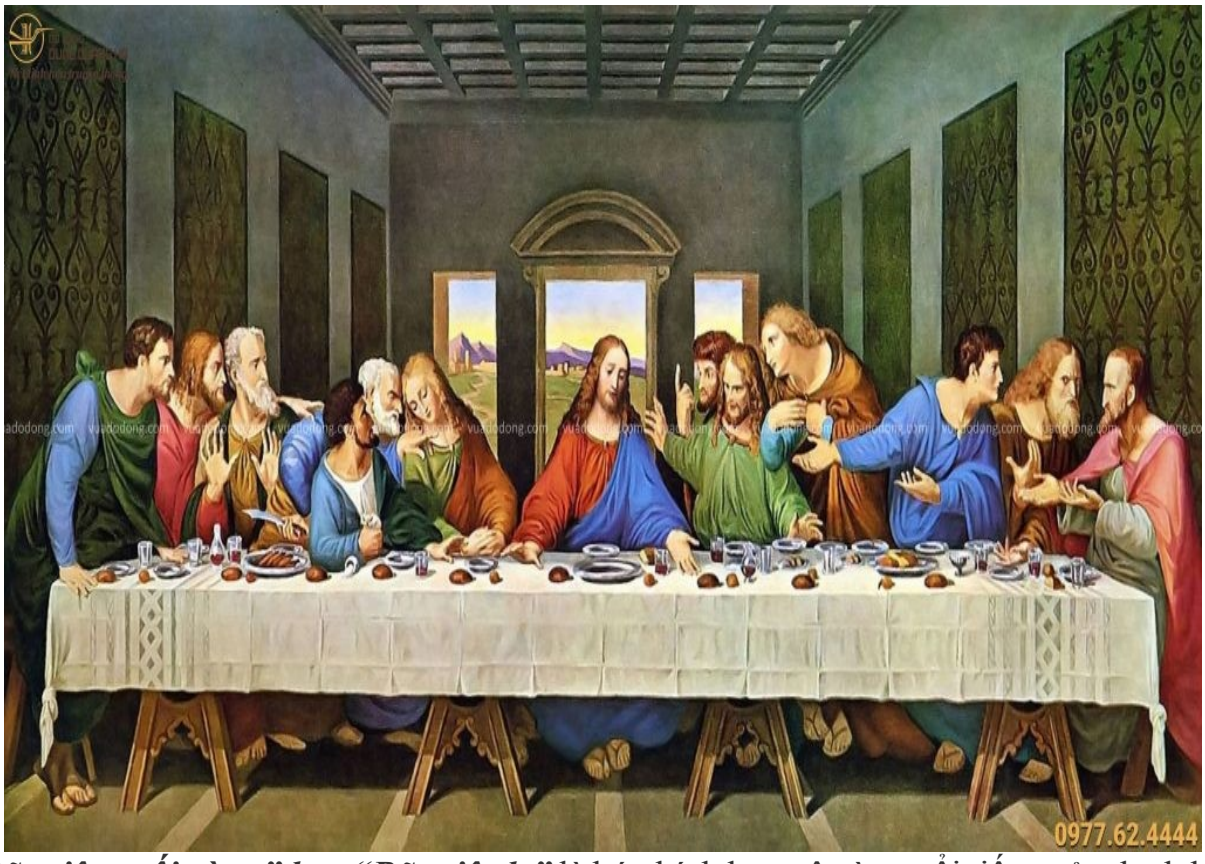
Người nói và người nghe tham khảo bảng sau để tự đánh giá hay đánh giá về bài trình bày:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt

1	Lựa chọn được tác phẩm nghệ thuật phù hợp để giới thiệu.		
2	Cung cấp được thông tin toàn diện về tác phẩm.		
3	Trình bày được ý nghĩa của việc giới thiệu tác phẩm.		
4	Thể hiện được những đánh giá xác đáng, có căn cứ về tác phẩm.		
5	Lựa chọn được cách giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm.		
6	Thực hiện được sự tương tác tích cực với người nghe.		

PHỤ LỤC 2

Bài tham khảo: Giới thiệu bức danh họa "Bữa tiệc cuối cùng"- Leonardo da Vinci



"Bữa tiệc cuối cùng" hay "Bữa tiệc ly" là bức bích họa vô cùng nổi tiếng của danh họa Leonardo da Vinci. Tác phẩm được sáng tác vào khoảng năm 1495 – 1498, miêu tả trai phòng của Tu viện Santa Maria ở thành phố Milano.

Theo câu chuyện được kể lại, Leonardo Da Vinci đã phải mất 7 năm để có thể hoàn thành bức tranh. Khi bắt đầu vẽ, Da Vinci đã vẽ chúa Jesus đầu tiên. Thời gian sau đó, ông lần lượt hoàn thành hình ảnh của 11 vị tông đồ trong bức tranh. Tuy nhiên, còn 1 người cuối cùng vẫn chưa được Ông vẽ đó chính là kẻ phản bội: Judas Iscariot.

Ban đầu, Leonardo Da Vinci muốn tìm một mẫu người đê tiện, hèn hạ nhất của đáy xã hội để vẽ Judas. Cuối cùng, sau hơn 6 năm tìm kiếm, ông đã tìm thấy hình mẫu cho Judas tại nhà ngục của Roma. Sau khi được nhà vua cho phép, tên tội phạm đã được

hoãn ngày thi hành án để đến làm mẫu cho Da Vinci. Sau 6 tháng ròng rã vẽ Judas, bức tranh cuối cùng cũng đã được hoàn thành, tên tử tù phải bị đưa đi hành quyết.

Đến lúc này, hắn khóc lóc lao đến chỗ Leonardo Da Vinci, hỏi ông rằng có còn nhớ hắn không. Lúc này ông mới nhận ra một sự thật trớ trêu là kẻ được chọn làm hình mẫu bỉ ổi, đê tiện cho Judas lại chính là người thanh niên đẹp đẽ mà 7 năm trước được ông chọn để làm hình tượng cho Chúa Jesus. Một hình tượng hoàn hảo lúc trước sau cùng đã trở thành kẻ đồi bại.

Hiện nay, bức họa gốc đã bị biến đổi nhiều bởi sự hư hại cũng như qua các lần phục chế. Ngày nay, các bức tranh bữa tiệc cuối cùng đều được chế tác dựa trên các hình ảnh lưu lại được cũng như các dị bản. Gia chủ có thể lựa chọn các mẫu tranh đồng, tranh sơn dầu,… để có thể trang trí trong gia đình.

Bữa tiệc ly là thời điểm cuối cùng Chúa Jesus cùng ngồi ăn với các môn đồ của mình trước khi ngài bị chính quyền La Mã bắt và đóng đinh lên thập tự giá.

Bức tranh bữa tiệc ly là hình ảnh mô tả lại một đoạn trong sách Kinh Thánh rằng: Judas – một trong số các môn đồ của Chúa Jesus – đã tố giác Thầy của mình với nhà cầm quyền La Mã để đổi lấy 30 thỏi bạc. Ở bữa ăn cuối cùng này, Chúa Jesus đã nói với các môn đồ của mình rằng: "Trong các người có kẻ muốn bán rẻ ta".

Mười hai môn đồ ngồi trên bàn ăn, mỗi người mang một vẻ mặt khác nhau, biểu hiện những thái độ khác nhau với lời nói của Jesus. Có 3 người thì thầm với nhau, ba người lại tỏ vẻ giận dữ, một người lộ vẻ nghi ngờ, một người khác lại tỏ ra ngạc nhiên. Có 2 người lại để lộ vẻ xúc động, một người ngồi ngay ngắn tỏ lòng trung thành. Riêng chỉ có một môn đồ mặt tái nhợt, lưng hơi ngả về phía sau, tay nắm chặt túi tiền - đó chính là kẻ phản bội Judas.

Ngoài ra, trong bức tranh, chúng ta còn có thể thấy rằng tay phải của Chúa đang với tới một chiếc bánh mì, tay trái cũng đang hướng tới chiếc bánh mì khác. Điều này đã được nhắc đến trong Kinh Thánh, là do Chúa Jesus đã tiên tri rằng kẻ phản Chúa sẽ lấy bánh mì vào cùng thời điểm với ngài. Mà vào lúc chúa Jesus đang lấy bánh mì thì Judas cũng đã đưa tay ra lấy bánh, cũng chính là cái bánh mì mà tay phải của Chúa Jesus đang với tới. Từ đó, Judas chính là kẻ phản bội ứng nghiệm với lời tiên tri của Chúa.

Nếu để ý kỹ, chúng ta có thể thấy sau lưng Judas là một khoảng tối trong khi sau lưng chúa Jesus là hình ảnh cửa sổ đầy ánh sáng. Những tia sáng chiếu vào gương mặt Jesus làm ánh lên vẻ hiền từ, điềm tĩnh và cương nghị. Sự tương phản này chính là sự biểu đạt cho sự căm thù của tác giả đối với gian ác, cũng như sự ngưỡng vọng đối với chính nghĩa.

Một phát hiện về những tài liệu trong khoảng thời gian Leonardo Da Vinci vẽ bức tranh vào năm 1800 đã để lộ ra danh tính của những người trong tranh. Danh tính của 12 vị môn đồ này gồm có: John, Peter, Judas, Andrew, Jame (nhỏ), Bartholomew, Thomas, James (lớn), Philip, Matthew, Thaddeus và Simon.

Trong bức tranh, Jesus ngồi giữa, những tông đồ của ông ngồi thành 4 nhóm tượng trưng cho 4 loại người trên bàn ăn:

– Nhóm người sợ hãi: Bartholomew, James "Nhỏ" và Andrew. 3 người này ngồi ở phía bên trái ngoài cùng của bức tranh, tức là bên tay phải của Chúa. Cả 3 người họ đều tỏ ra một vẻ mặt vô cùng kinh sợ.
– Nhóm người gây nhiều tranh cãi: Judas, Peter, John. Peter biểu lộ sự tức giận khó kiềm chế được, trong tay cầm một con dao, nói chuyện với John. Trong khi John thì có vẻ như đang bị sốc đến mức gần ngất đi. Judas thì lại biểu lộ nét sợ hãi khi nghe lời tiên tri, trong tay nắm chặt một túi tiền.
– Nhóm người nghi ngờ: Thomas, James "Lớn", Philip. Thomas trông có vẻ rất buồn, khuôn mặt tỏ rõ sự ngờ vực còn James tỏ vẻ bất ngờ đến mức không thể tin được, đôi tay ông dang rộng ra. Trong khi đó, Philip có vẻ như muốn xin Chúa giải thích để bày tỏ lòng trung thành của mình.
– Nhóm người tranh luận: Matthew, Thaddeus và Simon. Đây là nhóm 3 người ngồi ở phía cuối dãy bàn, góc phải bức tranh. Dường như họ đang tranh luận cùng nhau để xem ai là kẻ mà Jesus đang nói tới.

Da Vinci đã dành rất nhiều thời gian và công sức để vẽ nên bức tranh và mô tả những người ở bên cạnh chúa Jesus. Cục diện bàn ăn chính là hình ảnh ẩn dụ cho mức độ thân tình và gắn bó của những nhân vật trong tranh. Thế nhưng, trên bàn ăn đó không hề có hình ảnh vui vẻ và nụ cười mà chỉ có câu nói của Chúa Jesus: "Trong các người có kẻ muốn bán rẻ ta".

Bức tranh là một xã hội thu nhỏ, cho ta thấy rất nhiều mặt xấu xí trong cuộc sống. Những nhóm người ngồi trên bàn ăn cũng chính là những người mà tất cả chúng ta đều phải đối mặt. Đó là kẻ phản bội hay trung thành, là kẻ hèn nhát hay ngốc nghếch, đều rất khó để nhận thấy.

Tuy nhiên nổi bật hơn trong tranh lại là khuôn mặt điềm tĩnh của chúa Jesus, ngay cả khi Người đang thốt lên câu nói đau lòng nhất. Đó là hình ảnh thể hiện rõ nhất cho câu nói "thứ giúp cho bạn có thể đứng trên bậc cao nhất của cuộc sống chính là thái độ của chính bạn". Cũng giống như cái cách mà Leonardo Da Vinci đã vẽ kẻ phản bội vẫn được ngồi cùng bàn với Chúa Jesus vậy. Sống không phải là tìm cách loại bỏ, mà đó chính là sự dũng cảm đối mặt!

Bức tranh bữa tiệc cuối cùng không chỉ là một bức tranh. Mà câu chuyện đằng sau nó nói với chúng ta rằng bản chất con người không phải thứ cố định. Một chân dung đẹp đẽ, nhân hậu, được lựa chọn kỹ càng từ hàng vạn người, nhưng rốt cuộc vẫn có thể trở thành một hình nhân dối trá, hèn hạ, đê tiện, tận đáy xã hội.

Ngày hôm nay, bạn có thể là một người rất đẹp đẽ, nhưng ngày mai, không ai có thể nói trước rằng bạn sẽ thay đổi ra sao. Bạn tốt hay xấu không phải được quyết định trong một ngày bạn sống. Vì thế, đừng bao giờ quên trở thành người tốt và cũng đừng bao giờ bỏ cuộc khi hôm nay bạn lỡ là người xấu. Tương lai không hề được định trước mà chính chúng ta là người quyết định số phận của chính mình.

Bức tranh bữa tiệc cuối cùng của Leonardo Da Vinci là một tuyệt tác mà ông để lại cho nhân loại. Bức tranh không chỉ mang hơi thở nghệ thuật của thời kỳ Phục Hưng

mà ẩn sâu trong tranh còn là những câu chuyện, những ý nghĩa về cuộc sống vô cùng quý giá.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được chủ đề và hình thành được bài thuyết trình của cá nhân.

- **Phát triển năng lực số (NLS):**

+ **3.1.NC1a - Phát triển nội dung số:** Biết ứng dụng phần mềm thiết kế và các trang web dùng chung (Padlet/Drive) để xây dựng sản phẩm cho câu lạc bộ; biết cách biên tập, định dạng nội dung tham luận số chỉn chu, chuyên nghiệp trước khi xuất bản lên không gian chung.

+ **1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Thể hiện văn hóa ứng xử mạng văn minh, có trách nhiệm khi chia sẻ sản phẩm học tập trên không gian số.

b. Nội dung: Thành lập các nhóm khám phá nghệ thuật: Phục Hưng, Ánh sáng, Tượng trưng, Siêu thực, Hiện đại,… hoặc văn học, hội họa, điêu khắc, điện ảnh, kiến trúc,… hoặc theo sở thích cá nhân,…

c. Sản phẩm: Các bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm có cùng sở thích tìm hiểu các trào lưu nghệ thuật nổi tiếng thế giới.
- GV lựa chọn nhóm trưởng, hướng dẫn phân công HS chuẩn bị nội dung thuyết trình, có thể lựa chọn một số vấn đề chẳng hạn như:

1. Giới thiệu một tác phẩm Phục Hưng (hoặc Ánh sáng, Tượng trưng, Siêu thực, Hiện đại,…)
2. Giới thiệu một bộ phim em yêu thích.
3. Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật để lại cho em ấn tượng sâu đậm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức buổi trao đổi trên lớp hoặc trong giờ hoạt động ngoại khóa.

HS chuyển tài liệu qua đường link:

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSf_8LNicDuVKr7LE6D6BvCaeHPPK1bUf0l6KLewKgriLbOOEg/viewform?usp=sf_link

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV tổng kết những kết quả chính mà cả lớp đã cùng đạt được, lưu ý những kĩ năng quan trọng khi thuyết trình đối với HS.

5. HOẠT ĐỘNG 5: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 2)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

- **Năng lực số: 3.1.NC1a - Phát triển nội dung số:** Biết cách định dạng văn bản hệ thống hóa kiến thức và tải sản phẩm học tập của nhóm lên thư mục lưu trữ số dùng chung của lớp.

b. Nội dung:
- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia 5 nhóm thảo luận 5 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Bài học đã đưa lại cho bạn những hiểu biết mới gì về thơ?

Câu 2. Khi đọc một bài thơ, việc tìm hiểu cấu tứ của nó có ý nghĩa như thế nào?

Câu 3. Có thể nhận diện yếu tố tượng trưng trong thơ căn cứ vào những biểu hiện cụ thể gì? Hãy kể tên một số bài thơ có yếu tố tượng trưng mà bạn đã tìm đọc thêm.

Câu 4. Chọn phân tích một bài thơ hoặc một câu thơ có yếu tố tượng trưng đã tạo cho bạn những ấn tượng sâu đậm.

Câu 5. Xây dựng dàn ý cho bài thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật tự chọn.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.
- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Bài học đã đưa lại những hiểu biết mới về thơ:
- Cấu tứ trong thơ.
- Yếu tố tượng trưng trong thơ.
- Ngôn ngữ trong thơ (một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường).

Câu 2. Khi đọc một bài thơ, việc tìm hiểu cấu tứ của bài thơ góp phần xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, giúp hiểu được nhận thức, cảm xúc, cảm giác của tác giả về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó.

Câu 3.
- Có thể nhận diện yếu tố tượng trưng trong thơ căn cứ vào những biểu hiện cụ thể:
+ Tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc,…
+ Việc sử dụng biểu tượng, hình ảnh nghệ thuật so sánh, ẩn dụ,…
+ Sự sáng tạo về ngôn từ.
+ Tính nhạc trong thơ.
- Một số bài thơ có yếu tố tượng trưng: *Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải), *Xuân tượng trưng* (Bích Khê), *Tiếng thu* (Lưu Trọng Lư), *Đêm mưa gió* (Thế Lữ), *Đây thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử) *Màu thời gian* (Đoàn Phú Tứ),...

Câu 4.

VD1:

Gió theo lối gió, mây đường mây,
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay.

- Hai câu thơ mở đầu của khổ thơ thứ hai, tuy là tả cảnh nhưng khi đọc lên lại thấy nhuốm màu tâm trạng. Hình ảnh thiên nhiên gợi ra sự chia ly "gió theo lối gió, mây đường mây". Nếu trong tự nhiên, gió và mây vốn là những sự vật luôn quấn quýt, gắn bó với nhau thì ở đây Hàn Mặc Tử lại để "mây và gió" chia cách đôi ngả. Và đến cả dòng nước - một sự vật vô tri, vô giác nhưng qua cái nhìn của nhà thơ giờ đây cũng có cảm xúc. Dòng nước "buồn thiu" - biện pháp tu từ nhân hóa khiến con sông giống như một con người, có tâm trạng. Cuối cùng là hình ảnh "hoa bắp lay". - bông hoa bắp nhỏ bé trôi theo dòng nước cũng giống như cuộc đời lưu lạc trôi nổi của con người.
- Và bức tranh sông nước trong đêm trăng thì sao có thể thiếu mất đi ánh trăng:

"Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?"

"Trăng" đã trở thành một biểu tượng quen thuộc của thi ca. Ở đây, "sông trăng" mang tính tượng trưng, gợi ra hình ảnh ánh trăng vàng in bóng xuống mặt nước. Ánh trăng lan tỏa ra khắp dòng sông tạo nên một dòng sông trăng. Kết thúc khổ thơ là câu hỏi tu từ "Có chở trăng về kịp tối nay?". Từ "kịp" được tác giả sử dụng nhằm thể hiện tâm trạng lo âu. Bởi với một người bình thường, nếu không kịp trở về vào "tối nay" thì sẽ còn những đêm khác, Còn với Hàn Mặc Tử, thì đêm nào cũng có thể là đêm cuối cùng.

VD2: Đoạn thơ trích trong bài "Màu thời gian" - Đoàn Phú Tứ:

Màu thời gian không xanh
Màu thời gian tím ngắt
Hương thời gian không nồng
Hương thời gian thanh thanh

Phân tích:

- *Thời gian* trong bài thơ là tượng trưng. Nó không phải thời gian vật lí mà là thời gian tâm trạng, thời gian của sự trầm tư.
- Màu tím tượng trưng cho tình yêu, cho sự thủy chung của tác giả.
- *Màu thời gian* và *hương thời gian* gợi liên tưởng đến màu tình yêu và hương tình yêu: vừa cụ thể, vừa nhiều mộng mơ; vừa trần tục, vừa thanh cao thoát tục.

Câu 5: Chọn văn bản tham khảo: *Từ ấy* - Tố Hữu

I. Mở bài

– Tác giả Tố Hữu

– Hoàn cảnh ra đời của bài thơ *Từ ấy*: *Từ ấy* là bài thơ có ý nghĩa mở đầu cho con đường cách mạng, con đường thi ca của Tố Hữu, là cái mốc đánh dấu thời điểm (1937) và được kết nạp Đảng năm 1938 – Tố Hữu giác ngộ và gặp ánh sáng lí tưởng cộng sản. Đó cũng chính là tuyên ngôn nghệ thuật của Tố Hữu.

– Nội dung chính *Từ ấy*: Tâm nguyện cao đẹp của người thanh niên trẻ trung nhiệt tình cách mạng. Đó là niềm say mê mãnh liệt và vui sướng tràn trề cùng với nhận thức mới

về lẽ sống, sự chuyển biến sâu sắc trong tâm hồn khi gặp gỡ và được giác ngộ lí tưởng cộng sản.

II. Thân bài

1. Khổ 1: Diễn tả niềm vui sướng, say mê khi gặp lí tưởng của Đảng

- Hai câu thơ đầu viết theo bút pháp tự sự: "Từ ấy trong tôi…" Từ ấy, là lúc nhà thơ mới vào tuổi 18 thật trẻ trung được mặt trời "chân lí" cách mạng soi sáng đường đời. Hình ảnh ẩn dụ "nắng hạ" cho nguồn nhiệt lượng cách mạng làm bùng sáng tâm hồn nhà thơ, "mặt trời chân lí" là một liên kết đầy sáng tạo giữa hình ảnh và ngữ nghĩa. Câu thơ ca ngợi ánh sáng diệu kỳ của cách mạng. Đó là thứ ánh sáng của tư tưởng cộng sản – ánh sáng của những công bình xã hội, của chân lí xã hội.
- Hai câu thơ sau là một bức tranh vô cùng sinh động: chợt vụt thoát bay bổng, dạt dào cảm hứng lãng mạn. Những vang động và vui tươi tràn ngập trong tâm hồn được so sánh bằng những hình ảnh và âm thanh lấy từ thiên nhiên tạo vật: "vườn hoa lá", "đậm hương" "rộn tiếng chim".

2. Khổ 2: Biểu hiện những nhận thức về lẽ sống

- Hai dòng thơ đầu: nhà thơ khẳng định quan niệm mới mẻ về lẽ sống là sự gắn bó hài hòa giữa "cái tôi" cá nhân với "cái ta" chung của mọi người.
- Động từ "buộc" thể hiện ý thức tự nguyện sâu sắc và quyết tâm sắt đá của Tố Hữu để vượt qua "ranh giới" của "cái tôi" để chan hòa mọi người "Tôi buộc lòng tôi với mọi người".
- Từ đó, tâm hồn nhà thơ vươn đến "trăm nơi" (hoán dụ) và "trang trải" sẻ chia bằng những đồng cảm sâu sắc, chân thành và tự nguyện đến với những con người cụ thể.
- Hai dòng thơ sau bộc lộ tình yêu thương con người bằng tình yêu giai cấp rõ ràng. Nhà thơ đặc biệt quan tâm đến quần chúng lao khổ "Để hồn tôi với bao hồn khổ" và từ đó như một biện chứng mang cái tất yếu là sức mạnh tổng hợp "Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời". Ta cũng gặp điều đó trong thơ Nguyễn Khoa Điềm - nhà thơ trưởng thành trong thời kì chống Mĩ xâm lược: "khi chúng ta cầm tay mọi người – Đất nước vẹn tròn, to lớn".

3. Khổ 3: Sự chuyển biến sâu sắc trong tâm hồn nhà thơ

- Trước khi gặp cách mạng, Tố Hữu là một thanh niên tiểu tư sản. Khi ánh sáng cách mạng như "Mặt trời chân lí chói qua tim", đã giúp nhà thơ vượt qua những tầm thường ích kỉ trong đời sống tâm hồn chật hẹp để vươn đến một tình yêu "vẹn tròn to lớn".
- Nhà thơ tự nhận mình "là con của vạn nhà" trong nghĩa đồng bào thiêng liêng nhất; là em của "vạn kiếp phôi pha" gần gũi bằng tình cảm xót thương những kiếp đời lao khổ, bất hạnh, những kiếp sống mòn mỏi, đáng thương; là anh của "vạn đầu em nhỏ" "cù bất cù bơ". Từ những cảm nhận ấy đã giúp nhà thơ say mê hoạt động cách mạng với những thiết tha cao đẹp cống hiến đời mình góp phần giải phóng đất nước, giải phóng những kiếp lầm than trong xã hội tăm tối dưới bóng thù xâm lược.

III. Kết bài

- Thơ Tố Hữu chứa chan tình yêu giai cấp và niềm biết ơn sâu sắc cách mạng, hướng người đọc đến chân trời tươi sáng.

- Tiếng nói trong thơ là tiếng nói của một nhà thơ vô sản chân chính, là người thanh niên trẻ hướng theo lý tưởng của Đảng, của Cách mạng.
- Giọng thơ chân thành và hình ảnh thơ tươi sáng, ngôn ngữ giàu tính dân tộc.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài 3:** Cấu trúc của văn bản nghị luận (Đọc Tri thức Ngữ văn và văn bản 1. *Cầu hiền chiếu* – Ngô Thì Nhậm)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....